

DIEU PHÁP LIEN HOA KINH Q 4.

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION

<http://www.daitangvietnam.com>

**Nguyễn Tánh Trần Tiến Khanh & Nguyễn
Hiển Trần Tiến Huyền phiên âm & lược
dịch.**

**Phật Tử Bùi Đức Huề dịch tiếng Việt
10/2008 (4/2010 -2013).**



妙法蓮華經卷第四。

Diệu Pháp Liên Hoa Kinh quyển đệ tứ.

Kinh Diệu Pháp Liên Hoa quyển thứ tư.

後秦龜茲國三藏法師鳩摩羅什奉詔譯。

**Hậu Tần Quy Tư Quốc Tam Tạng Pháp sư
Cưu Ma La Thập phụng chiếu dịch.**

**Hậu Tần Quy Tư Quốc Tam Tạng Pháp sư
Cưu Ma La Thập phụng chiếu dịch.**

妙法蓮華經五百弟子受記品第八。

Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Ngũ Bách Đệ tử

Thụ ký phẩm đệ bát.

**Kinh Diệu Pháp Liên Hoa phẩm thứ tám
Nhớ truyền bậc 500 Đệ Tử.**

爾時富樓那彌多羅尼子，
從佛聞是智慧方便隨宜說法，
又聞授諸大弟子阿耨多羅三藐三菩提記。

**Nhĩ thời Phú Lô Na Di Đa La Ni Tử, tòng
Phật văn thị Trí tuệ Phương tiện tùy nghi
thuyết Pháp, hựu văn thụ chư đại Đệ tử A
nậu Đa la Tam miệu tam Bồ Đề ký.**

**Lúc đó Phú Lô Na Di Đa La Ni Tử, từ
Phật nghe Phương tiện Trí tuệ tùy nghi nói
Pháp, lại nghe nhớ truyền bậc các Đệ tử
lớn A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.**

復聞宿世因緣之事，復聞諸佛有自在神通之力，
得未曾有。

**Phục văn túc thế Nhân duyên chi sự, phục
văn chư Phật hữu đại Tự tại Thần thông
chi lực, đắc vị tăng hữu.**

Lại nghe về việc Nhân duyên đời trước, lại

nghe các Phật có lực Thần thông Tự do lớn, được chưa từng có.

心淨踊躍，即從座起，到於佛前，頭面禮足，卻住一面，瞻仰尊顏目不暫捨，而作是念：

Tâm tịnh dũng dực, tức tòng tòa khởi, đáo ư Phật tiên, đầu diện lễ túc, khước trụ nhất diện, chiêm ngưỡng tôn nhan, mục bất tạm xả, nhi tác thị niệm.

Tâm Thanh tịnh dũng mãnh, tức thời từ chỗ ngồi đứng dậy, tới ở trước Phật, phục đĩnh lễ chân, lùi dừng ở một bên, chiêm ngưỡng nhan sắc Thế Tôn, mắt không tạm rời, mà làm suy ngẫm đó.

世尊甚奇特，所爲希有，隨順世間若干種性，以方便知見而爲說法，拔出眾生處處貪著。

Thế Tôn thậm kỳ đặc, sở vi hi hữu, tùy thuận Thế gian nhược can chủng tính, dĩ Phương tiện Tri kiến nhi vị thuyết Pháp, bạt xuất chúng sinh xứ xứ tham trước.

Thế Tôn rất đặc biệt, làm được hiếm có, thuận theo rất nhiều loại tính của Thế gian, dùng Phương tiện Thấy biết mà vì

nói Pháp, rút lấy ra tham nương nhờ khắp nơi của chúng sinh.

我等於佛功德，言不能宣，唯佛世尊，能知我等深心本願。

Ngã đẳng ư Phật Công Đức, ngôn bất năng tuyên, duy Phật Thế Tôn, năng tri Ngã đẳng thâm tâm bản nguyện.

Chúng ta với Công Đức của Phật, muốn nói mà không nói được, chỉ có Phật Thế Tôn có thể biết nguyện trước kia tâm thâm sâu của chúng ta.

爾時佛告諸比丘。汝等見是富樓那彌多羅尼子不？

Nhĩ thời Phật cáo chư Tì Kheo. Nhữ đẳng kiến thị Phú Lô Na Di Đa La Ni Tử phủ ? Lúc đó Phật bảo các Tì Kheo. Các Ngài nhìn thấy Phú Lô Na Di Đa La Ni Tử đó không ?

我常稱其於說法人中最為第一，亦常歎其種種功德，精勤護持，助宣我法。

Ngã thường xưng kỳ ư thuyết Pháp nhân trung tối vi đệ nhất, diệc thường tán kỳ

chúng chúng Công Đức, tinh cần hộ trì, trợ tuyên Ngã Pháp.

Ta thường nói trong số người nói Pháp ông đó là số 1, cũng thường khen rất nhiều Công Đức của ông đó, tinh siêng giúp giữ, trợ giúp nói Pháp của Ta.

能於 四眾示教利喜, 具足解釋佛之正法,
而大饒益同梵行者, 自捨如來, 無能盡其言論之辯。

Năng ư Tứ Chúng thị giáo lợi hỉ, cụ túc giải thích Phật chi Chính pháp, nhi đại nhiều ích đồng Phạm hạnh giả, tự xả Như Lai, vô năng tận kỳ ngôn luận chi biện.

Hay với Bốn Chúng tỏ rõ dạy bảo lợi vui, giải thích đầy đủ Pháp đúng của Phật, mà ích lợi lớn cùng tu hạnh Phạm, tự rời bỏ Như Lai, không thể bàn luận hết lời nói của ông đó.

汝等勿謂富樓那但能護持助宣我法, 亦於過去九十億諸佛所, 護持助宣佛之正法, 於彼說法人中亦最第一

。

Nhữ đẳng vật vị Phú Lô Na dẫn năng hộ trì trợ tuyên Ngã Pháp, diệc ư Quá khứ cứu

thập ức chư Phật sở, hộ trì trợ tuyên Phật chi Chính pháp, ư bỉ thuyết Pháp nhân trung, diệc tối đệ nhất.

Các Ngài đừng cho là Phú Lô Na chỉ hay giúp giữ trợ giúp nói Pháp của Ta, cũng tại nơi ở của chín mươi trăm triệu Phật Quá khứ, giúp giữ trợ giúp nói Pháp đúng của Phật, trong số người nói Pháp ông đó cũng là đệ nhất.

又於諸佛所說 空法, 明了通達, 得四無礙智, 常能審諦清淨說法, 無有疑惑, 具足菩薩神通之力, 隨其壽命, 常修 梵行。

Hựu ư chư Phật sở thuyết Không Pháp, minh liễu thông đạt, đắc tứ vô ngại Trí, thường năng thẩm đế Thanh tịnh thuyết Pháp, vô hữu nghi hoặc, cụ túc Bồ Tát Thần thông chi lực, tùy kỳ thọ mệnh, thường tu Phạm hạnh.

Lại với các Pháp Rỗng được các Phật nói, sáng tỏ thông suốt, được 4 Trí tuệ không trở ngại, thường hay tỉ mỉ nói Pháp Thanh tịnh, không có nghi hoặc, đầy đủ lực Thần

thông của Bồ Tát, tùy thuận thọ mệnh của họ, thường tu hạnh Phạm.

彼佛世人，咸皆謂之實是聲聞，而富樓那 以斯方便，饒益無量百千眾生。

Bỉ Phật thế nhân, hàm giai vị chi thực thị Thanh Văn, nhi Phú Lô Na dĩ tư Phương tiện, nhiều ích vô lượng bách thiên chúng sinh.

Người đời Phật đó tất cả đều coi thực là Thanh Văn, mà Phú Lô Na dùng Phương tiện đó, lợi ích vô lượng trăm nghìn chúng sinh.

又化無量阿僧祇人，令立阿耨多羅三藐三菩提，爲淨佛土故，常作佛事，教化眾生。

Hựu hóa vô lượng A tăng kì nhân, linh lập A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, vị Tịnh Phật thổ cố, thường tác Phật sự, giáo hóa chúng sinh.

Lại cảm hóa vô lượng A tăng kì người, giúp cho lập dựng A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, do vì Thanh tịnh đất Phật,

thường làm việc Phật, giáo hóa chúng sinh.

諸比丘！富樓那亦於七佛說法人中，
而得第一。今於我所說法人中，亦為第一。

Chư Tỳ Kheo ! Phú Lô Na diệc ư thất Phật thuyết Pháp nhân trung, nhi đắc đệ nhất.

Kim ư Ngã sở thuyết Pháp nhân trung, diệc vi đệ nhất.

Các Tỳ Kheo ! Phú Lô Na cũng ở trong số người nói Pháp của bảy Phật và cũng là đệ nhất. Nay ở trong số người nói Pháp của Ta, cũng là đệ nhất.

於賢劫中當來諸佛，說法人中，亦復第一，
而皆護持助宣佛法。

Ư Hiền Kiếp trung Đương lai chư Phật, thuyết Pháp nhân trung, diệc phục đệ nhất, nhi giai hộ trì trợ tuyên Phật Pháp.

Các Phật thời Sắp tới ở trong Kiếp Hiền, trong số người nói Pháp cũng là đệ nhất, và đều giúp giữ trợ giúp nói Pháp Phật.

亦於未來護持助宣無量無邊諸佛之法，
教化饒益無量眾生，令立阿耨多羅三藐三菩提。

Diệc ư Vị lai hộ trì trợ tuyên vô lượng vô biên chư Phật chi Pháp, giáo hóa nhiều ích vô lượng chúng sinh, linh lập A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.

Cùng ở đời Tương lai giữ gìn trợ giúp nói Pháp của vô lượng vô biên các Phật, giáo hóa lợi ích vô lượng chúng sinh, giúp cho lập dựng A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.

爲淨佛土故,常勤精進教化眾生,漸漸具足菩薩之道,過無量阿僧祇劫,當於此土,得阿耨多羅三藐三菩提。

Vị Tịnh Phật thổ cố, thường cần Tinh tiến giáo hóa chúng sinh, tiệm tiệm cụ túc Bồ Tát chi Đạo, quá vô lượng A tăng kì Kiếp, đương ư thử thổ, đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.

Do vì Thanh tịnh đất Phật, thường siêng Tinh tiến giáo hóa chúng sinh, dần dần đầy đủ Đạo Bồ Tát, qua vô lượng A tăng kì Kiếp, đang ở đất này, được A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.

號曰法明如來，
應供正遍知明行足善逝世間解無上士調御丈夫
天人師佛世尊。

**Hiệu viết Pháp Minh Như Lai, Ứng Cúng,
Chính Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện
Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều
Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật
Thế Tôn.**

**Tên hiệu Pháp Minh Như Lai, Ứng Cúng,
Chính Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện
Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều
Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật
Thế Tôn.**

其佛以恒河沙等 三千大千世界 爲一 佛土。七寶
爲地，地平如掌，無有山陵谿澗溝壑。

**Kỳ Phật dĩ Hằng hà sa đảnh Tam thiên Đại
thiên Thế giới vi nhất Phật thổ. Thất bảo
vi địa, địa bình như chưởng, vô hữu sơn
lăng khê giản câu hác.**

**Phật đó dùng Hằng hà sa Ba nghìn Đại
thiên Thế giới làm một đất Phật. Đất bằng**

**7 báu, bằng phẳng như lòng bàn tay,
không có núi đồi sông ngòi dốc đứng.**

七寶臺觀，充滿其中。諸天宮殿，
近處虛空。人天交接，兩得相見。無諸惡道，
亦無女人。

**Thất bảo đài quán, sung mãn kỳ trung.
Chư Thiên cung điện, cận xử hư không.
Nhân Thiên giao tiếp, lưỡng đắc tương
kiến. Vô chư ác Đạo, diệc vô nữ nhân.
Đài quán bằng bảy báu, tràn đầy trong đó.
Cung điện các Trời, gần ở trong khoảng
không. Người Trời gặp nhau, nhìn thấy
nhau, không có Đạo ác, cũng không có
phụ nữ.**

一切眾生皆以化生，無有婬欲，得大神通，身出光明，
飛行自在，志念堅固，精進智慧，普皆金色，
三十二相，而自莊嚴。

**Nhất thiết chúng sinh giai dĩ hóa sinh, vô
hữu dâm dục, đắc đại Thần thông, thân
xuất Quang minh, phi hành Tự tại, chí
niệm kiên cố, Tinh tiến Trí tuệ, phổ giai
kim sắc, tam thập nhị tướng, nhi tự trang**

nghiêm.

Tất cả chúng sinh đều do hóa sinh ra, không có dâm dục, được Thần thông lớn, thân phát ra Quang sáng, bay đi Tự do, chí nhớ kiên cố, Trí tuệ Tinh tiến, đều cùng màu vàng, ba mươi hai tướng mà tự trang nghiêm.

其國眾生常以二食：一者法喜食，二者禪悅食。

Kỳ Quốc chúng sinh thường dĩ nhị thực : Nhất giả Pháp hỷ thực, nhị giả Thiên duyệt thực.

Chúng sinh của Nước đó thường dùng hai loại ăn : Một là vui Pháp là ăn, hai là vui Thiên là ăn.

無量阿僧祇千萬億那由他諸菩薩眾，
得大神通四無礙智，善能教化眾生之類。

Hữu vô lượng A tăng kì thiên vạn ức Na do tha chư Bồ Tát chúng, đắc đại Thần thông tứ vô ngại Trí, thiện năng giáo hóa chúng sinh chi loại.

Có vô lượng A tăng kì nghìn vạn trăm triệu Na do tha các chúng Bồ Tát, có Thần

thông lớn 4 Trí tuệ không trở ngại, thiện hay giáo hóa loại chúng sinh.

其聲聞眾,算數校計所不能知,皆得具足六通
三明及八解脫。

**Kỳ Thanh Văn chúng, toán số hiệu kể sở
bất năng tri, giai đặc cụ túc lục Thông tam
Minh cập bát Giải thoát.**

**Chúng Thanh Văn đó tính toán kể đếm
không thể biết được, đều được đầy đủ 6
Thần thông, ba Sáng và tám Giải thoát.**

其佛國土,有如是等無量功德莊嚴成就。劫名寶明,
國名善淨。

**Kỳ Phật Quốc thổ, hữu như thị đẳng vô
lượng Công Đức trang nghiêm thành tựu.
Kiếp danh Bảo Minh, Quốc danh Thiện
Tịnh.**

**Đất nước của Phật đó, có như thế cùng với
thành công vô lượng Công Đức trang
nghiêm. Tên Kiếp là Bảo Minh, tên Nước
là Thiện Tịnh.**

其佛壽命無量阿僧祇劫,法住甚久。佛滅度後,起
七寶塔,遍滿其國。

Kỳ Phật thọ mệnh vô lượng A tăng kì Kiếp, Pháp trụ thậm cửu. Phật diệt độ hậu, khởi Thất bảo Tháp, biến mãn kỳ Quốc.

Thọ mệnh của Phật đó vô lượng A tăng kì Kiếp, Pháp ở rất lâu dài. Sau Phật tạ thế, dựng Tháp bằng 7 báu, đầy khắp Nước đó.

爾時 世尊 欲重宣此義，而說偈言：

Nhĩ thời Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn：

Khi đó Thế Tôn muốn nói lại nghĩa này mà đọc bài kệ nói rằng：

諸比丘 諦聽佛子所行道善學方便故

Chư Tỳ Kheo đế thính. Phật Tử sở hành Đạo. Thiện học Phương tiện cố.

Các Tỳ Kheo nghe Tuệ. Đạo được Phật Tử làm. Do thiện học Phương tiện.

不可得思議知衆樂小法而畏於大智

Bất khả đắc tư nghị. Tri Chúng nhạo tiểu Pháp. Nhi úy ư đại Trí.

Không thể được nghĩ bàn. Biết Chúng thích Pháp nhỏ. Mà sợ với Trí lớn.

是故諸菩薩作聲聞緣覺以無數方便

Thị cố chư Bồ Tát. Tác Thanh Văn Duyên Giác. Dĩ vô số Phương tiện.

Vì thế các Bồ Tát. Làm Thanh Văn Duyên Giác. Dùng vô số Phương tiện.

化諸衆生類自說是聲聞去佛道甚遠

Hóa chư chúng sinh loại. Tự thuyết thị Thanh Văn. Khứ Phật Đạo thậm viễn.

Hóa các loại chúng sinh. Tự nói là Thanh Văn. Tới Đạo Phật rất xa.

度脫無量衆皆悉得成就雖小欲懈怠

Độ thoát vô lượng Chúng. Giai tất đắc thành tự. Tuy thiểu dục giải đãi.

Độ thoát vô lượng Chúng. Điều cùng được thành công. Tuy ít tham lười nhác.

漸當令作佛內祕菩薩行外現是聲聞

Tiệm đương linh tác Phật. Nội bí Bồ Tát hạnh. Ngoại hiện thị Thanh Văn.

Dần đang giúp làm Phật. Trong mật hạnh Bồ Tát. Ngoài hiện là Thanh Văn.

少欲厭生死實自淨佛土示衆有三毒

Thiểu dục yếm sinh tử. Thực tự tịnh Phật

thổ. Thị Chúng hữu tam Độc.

Ít tham chán sinh chết. Thực tự sạch đất Phật. Tở Chúng có ba Độc.

又現邪見相 我弟子如是方便度衆生

Hựu hiện tà kiến tướng. Ngã Đệ tử như thị. Phương tiện độ chúng sinh.

Lại hiện cảnh sai trái. Đệ tử Ta như thế.

Phương tiện độ chúng sinh.

若我具足說種種現化事 衆生聞是者

Nhược Ngã cụ túc thuyết. Chủng chủng hiện hóa sự. Chúng sinh văn thị giả.

Nếu Ta nói đầy đủ. Đủ loại việc hiện hóa.

Chúng sinh nghe điều đó.

心則懷疑惑 今此 富樓那 於昔千億佛

Tâm tắc hoài nghi hoặc. Kim thử Phú Lô Na. Ư tích thiên ức Phật.

Tâm chắc lại nghi hoặc. Nay Phú Lô Na này. Ở nghìn trăm triệu Phật xưa.

勤修所行道 宣護諸佛法 爲求無上慧

Cần tu sở hành Đạo. Tuyên hộ chư Phật Pháp. Vị cầu Vô Thượng Tuệ.

Siêng năng tu hành Đạo. Giúp nói các Pháp Phật. Vì cầu Tuệ Bình đẳng.

而於諸佛所現居弟子上多聞有智慧

Nhi ư chư Phật sở. Hiện cư Đệ tử thượng. Đa văn hữu Trí tuệ.

Mà ở nơi các Phật. Hiện đóng vai Đệ tử. Nghe nhiều có Trí tuệ.

所說無所畏能令衆歡喜 未曾有疲倦

Sở thuyết vô sở úy. Năng linh chúng sinh hỉ. Vị tăng hữu bì quyện.

Nói Pháp không sợ hãi. Hay giúp chúng sinh vui. Chưa từng có mệt mỏi.

而以助佛事 已度大神通 具四無礙智

Nhi dĩ trợ Phật sự. Dĩ độ đại Thần thông. Cụ tứ vô ngại Trí.

Mà dùng giúp việc Phật. Đã qua Thần thông lớn. Đủ 4 Trí không ngại.

知諸根利鈍 常說清淨法 演暢如是義

Tri chư Căn lợi钝. Thường thuyết Thanh tịnh Pháp. Diễn sướng như thị nghĩa.

Biết các Căn sáng tối. Thường nói Pháp Thanh tịnh. Diễn ca nghĩa như thế.

教諸千億衆令住大乘法而自淨佛土

**Giáo chư thiên ức Chúng. Linh trụ Đại
Thừa Pháp. Nhi tự tịnh Phật thổ.**

**Dạy nghìn trăm triệu Chúng. Giúp ở Pháp
Bậc Phật. Mà tự sạch đất Phật.**

未來亦供養無量無數佛護助宣正法

**Vị lai diệc cúng dưỡng. Vô lượng vô số
Phật. Hộ trợ tuyên Chính pháp.**

**Tương lai cũng cúng dưỡng. Vô lượng vô
số Phật. Trợ giúp nói Pháp đúng.**

亦自淨佛土常以諸方便說法無所畏

**Diệc tự Tịnh Phật thổ. Thường dĩ chư
Phương tiện. Thuyết Pháp vô sở úy.**

**Cũng tự sạch đất Phật. Thường dùng các
Phương tiện. Nói Pháp không sợ hãi.**

度不可計衆成就一切智供養諸如來

**Độ bất khả kể Chúng. Thành tựu Nhất
thiết Trí. Cúng dưỡng chư Như Lai.**

**Độ Chúng không thể tính. Thành công Tất
cả Trí. Cúng dưỡng các Như Lai.**

護持法寶藏其後得成佛號名曰法明

Hộ trì Pháp bảo Tạng. Kỳ hậu đắc thành

Phật. Hiệu danh viết Pháp Minh.

Giúp giữ tạng Pháp báu. Sau đó được thành Phật. Tên hiệu là Pháp Minh.

其國名善淨七寶所合成劫名爲寶明

Kỳ Quốc danh Thiện Tịnh. Thất bảo sở hợp thành. Kiếp danh vi Bảo Minh.

Nước đó tên Thiện Tịnh. Do bảy báu hợp thành. Tên Kiếp là Bảo Minh.

菩薩衆甚多其數無量億皆度大神通

Bồ Tát chúng thậm đa. Kỳ số vô lượng ức. Giai độ đại Thân thông.

Chúng Bồ Tát rất nhiều. Số đó nhiều trăm triệu. Đều qua Thân thông lớn.

威德力具足充滿其國土聲聞亦無數

Uy Đức lực cụ túc. Sung mãn kỳ Quốc thổ. Thanh Văn diệc vô số.

Đầy đủ lực uy Đức. Tràn đầy Đất nước đó. Thanh Văn cũng vô số.

三明八解脫得四無礙智以是等爲僧

Tam minh bát Giải thoát. Đắc tứ vô ngại Trí. Dĩ thị đẳng vi Tăng.

Ba Sáng tám Giải thoát. Được 4 Trí không ngại. Dùng người đó làm Tăng.

其國諸衆生 婬欲皆已斷 純一變化生

Kỳ Quốc chư chúng sinh. Dâm dục giai dĩ đoạn. Thuần nhất biến hóa sinh.

Các chúng sinh Nước đó. Dâm dục đều đã cắt. Thuần nhất biến hóa sinh.

具相莊嚴身 法喜 禪悅食 更無餘食想

Cụ tướng trang nghiêm thân. Pháp hỷ Thiên duyệt thực. Cảnh vô dư thực tưởng.

Đủ tướng trang nghiêm thân. Vui Pháp Thiên là ăn. Không có tưởng ăn khác.

無有諸女人 亦無諸惡道 富樓那比丘

Vô hữu chư nữ nhân. Diệc vô chư ác Đạo. Phú Lô Na Tì Kheo.

Không có các người nữ. Cũng không có Đạo ác. Phú Lô Na Tì Kheo.

功德悉成滿 當得斯淨土 賢聖衆甚多

Công Đức tất thành mãn. Đương đắc tư tịnh thổ. Hiền Thánh chúng thậm đa.

Công Đức đều đầy đủ. Đang được đất sạch này. Rất nhiều chúng Thánh Hiền.

如是無量事 我今但略說

Như thị vô lượng sự. Ngã kim dẫn lược thuyết.

Vô lượng việc như thế. Ta nay chỉ nói qua.

爾時千二百 阿羅漢 心自在者, 作是念。我等歡喜得未曾有。

Nhĩ thời thiên nhị bách A La Hán tâm Tự tại giả, tác thị niệm. Ngã đẳng hoan hỉ đắc vị tăng hữu.

Lúc đó một nghìn hai trăm A La Hán người tâm Tự do, làm suy ngẫm đó.

Chúng ta vui mừng được chưa từng có.

若世尊各見授記, 如餘大弟子者, 不亦快乎!

佛知此等心之所念, 告摩訶迦葉。

Nhược Thế Tôn các kiến thụ ký, như dư đại Đệ tử giả, bất diệc khoái hô! Phật tri thử đẳng tâm chi sở niệm, cáo Ma Ha Ca diệp.

Nếu Thế Tôn đều thấy nhớ truyền bậc, như các Đệ tử lớn khác, có nhanh được như thế không? Phật biết được ý nghĩ trong tâm của họ, bảo Ma Ha Ca Diệp.

是千二百 阿羅漢，
我今當現前次第與授阿耨多羅三藐三菩提記。

**Thị thiên nhị bách A La Hán, Ngã kim
đương hiện tiền thứ đệ dữ thụ A Nậu Đa
La Tam Miệu Tam Bồ Đề ký.**

**Một nghìn hai trăm A La Hán đó, nay đang
ở trước Ta lần lượt ban cho nhớ truyền
bậc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.**

於此眾中我 大弟子憍陳如 比丘，
當供養六萬二千億佛，然後得成爲佛。

**Ư thử Chúng trung Ngã đại Đệ tử Kiều
Trần Như Tì Kheo, đương cúng dưỡng lục
vạn nhị thiên ức Phật, nhiên hậu đắc
thành vi Phật.**

**Ở trong Chúng này Đệ tử lớn của Ta Kiều
Trần Như Tì Kheo, đang cúng dưỡng sáu
vạn hai nghìn trăm triệu Phật, về sau được
thành Phật.**

號曰普明如來，應供正遍知明行足善逝世間解
無上士調御丈夫天人師佛世尊。

**Hiệu viết Phổ Minh Như Lai, Ứng Cúng,
Chính Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện**

Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn.

Tên hiệu Phổ Minh Như Lai, Ứng Cúng, Chính Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn.

其五百 阿羅漢, 優樓頻螺 迦葉 伽耶迦葉
那提迦葉 迦留陀夷 優陀夷 阿[少/兔]樓駄。

Kỳ ngũ bách A La Hán, Ưu Lô Tần Loa Ca Diệp, Già Da Ca Diệp, Na Đề Ca Diệp, Ca Lưu Đà Di Ưu Đà Di, A Nậu Lâu Đà.

Năm trăm A La Hán đó, Ưu Lô Tần Loa Ca Diệp, Già Da Ca Diệp, Na Đề Ca Diệp, Ca Lưu Đà Di Ưu Đà Di, A Nậu Lâu Đà.

離婆多劫賓那 薄拘羅周陀莎伽陀等,
皆當得阿耨多羅三藐三菩提, 盡同一號,
名曰普明。

Ly Bà Đa, Kiếp Tân Na, Bạc Câu La, Châu Đà, Sa Già Đà đẳng, giai đương đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, tận đồng

nhất hiệu, danh viết Phổ Minh.

Ly Bà Đa, Kiếp Tân Na, Bạc Câu La, Châu Đà, Sa Già Đà, đều đang được A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, tất cả cùng 1 tên hiệu, tên là Phổ Minh.

爾時世尊欲重宣此義，而說偈言：

Nhĩ thời Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn：

Lúc đó Thế Tôn muốn nói lại nghĩa này mà đọc bài kệ nói rằng：

憍陳如 比丘 當見無量佛過 阿僧祇 劫

Kiều Trần Như Tì Kheo. Đương kiến vô lượng Phật. Quá A tăng kì Kiếp.

Kiều Trần Như Tì Kheo. Đang thấy vô lượng Phật. Qua A tăng kì Kiếp.

乃 成等正覺 常放大光明 具足諸 神通

Nãi thành Đẳng Chính Giác. Thường phóng đại Quang minh. Cụ túc chư Thần thông.

Mới thành Đẳng Chính Giác. Thường phóng Quang sáng lớn. Đầy đủ các Thần thông.

名聞徧十方 一切之所敬 常說無上道

Danh văn biển thập phương. Nhất thiết chi sở kính. Thường thuyết Vô Thượng Đạo.

Danh tiếng khắp mười phương. Tất cả đều cung kính. Thường nói Đạo Bình Đẳng.

故號爲普明其國土 清淨菩薩皆勇猛

Cố hiệu vi Phổ Minh. Kỳ Quốc thổ Thanh tịnh. Bồ Tát giai dũng mãnh.

Tên hiệu là Phổ Minh. Đất nước đó Thanh tịnh. Bồ Tát đều dũng mãnh.

咸升妙樓閣遊諸十方國 以無上供具

Hàm thăng diệu lâu các. Du chư thập phương Quốc. Dĩ Vô Thượng cúng cụ.

Lầu gác đẹp bay cùng. Tới các Nước mười phương. Dùng đồ cúng Bình Đẳng.

奉獻於諸佛作是供養已 心懷大歡喜

Phụng hiến ư chư Phật. Tác thị cúng dưỡng dĩ. Tâm hoài đại hoan hỉ.

Dâng hiến lên các Phật. Làm cúng dưỡng đó xong. Tâm lại rất vui mừng.

須臾還本國有如是神力 佛壽六萬劫

Tu du hoàn bản Quốc. Hữu như thị Thần

lực. Phật thọ lục vạn kiếp.

Chốc lát về Nước mình. Có Thần lực như thế. Phật thọ sáu vạn kiếp.

正法住倍壽 像法復倍是 法滅 天人憂

Chính pháp trụ bội thọ. Tượng pháp phục bội thị. Pháp diệt Thiên nhân ưu.

Pháp đúng sống bội thọ. Hình pháp lại bội nó. Pháp mất người Trời buồn.

其五百 比丘 次第當作佛 同號曰普明

Kỳ ngũ bách Tì Kheo. Thứ đệ đương tác Phật. Đồng hiệu viết Phổ Minh.

Năm trăm Tì Kheo đó. Lần lượt đang làm Phật. Cùng tên hiệu Phổ Minh.

轉次而授記 我滅度之後 某甲當作佛

Chuyển thứ nhì thụ ký. Ngã diệt độ chi hậu. Mỗ giáp đương tác Phật.

Lần lượt mà nhớ truyền. Sau khi Ta tạ thế. Người đó đang làm Phật.

其所化世間 亦如我今日 國土 之嚴淨

Kỳ sở hóa Thế gian. Diệc như Ngã kim nhật. Quốc thổ chi nghiêm tịnh.

Họ giáo hóa Thế gian. Cũng như Ta ngày nay. Sạch trang nghiêm Đất nước.

及諸神通力 菩薩聲聞衆 正法 及像法

Cập chư Thần thông lực. Bồ Tát Thanh Văn chúng. Chính pháp cập Tượng pháp .

Cùng các lực Thần thông. Các Bồ Tát Thanh Văn. Pháp đúng và Hình pháp.

壽命劫多少 皆如上所說 迦葉 汝已知

Thọ mệnh Kiếp đa thiếu. Giai như thượng sở thuyết. Ca Diệp Nhữ dĩ tri.

Thọ mệnh bao nhiêu Kiếp. Đều được nói như trên. Ca Diệp Ngài đã biết.

五百自在者 餘諸 聲聞 衆 亦當復如是

Ngũ bách Tự tại giả. Dư chư Thanh Văn chúng. Diệc đương phục như thị.

Năm trăm Tự do đó. Các chúng Thanh Văn khác. Cũng đang lại như thế.

其不在此會 汝當爲宣說

Kỳ bất tại thử hội. Nhữ đương vị tuyên thuyết.

Họ không ở hội này. Ngài nên vì đọc nói.

爾時五百阿羅漢，於佛前得受記已，歡喜踊躍，
即從座起，到於佛前，頭面禮足，悔過自責。

**Nhĩ thời ngũ bách A La Hán, ư Phật tiền
đắc thụ ký dĩ, hoan hỷ dũng dục, tức tòng
tòa khởi, đáo ư Phật tiền, đầu diện lễ túc,
hối quá tự trách.**

**Lúc đó năm trăm A La Hán, ở trước Phật
đã được nhớ truyền Bạc Phật, vui mừng
dũng mãnh, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, tới
ở trước Phật, phục đĩnh lễ chân, hối hận
tự trách.**

世尊！我等常作是念，自謂已得究竟滅度，
今乃知之如無智者。

**Thế Tôn ! Ngã đẳng thường tác thị niệm,
tự vị dĩ đắc cứu cánh Diệt độ, kim nãi tri
chi, như vô Trí giả.**

**Thế Tôn ! Chúng con thường làm suy
ngẫm đó, tự cho mình đã được thành quả
Phật Bồ Đề, nay lại mới biết, như người
không có Trí tuệ.**

所以者何？我等應得如來智慧，
而便自以小智爲足。

Sở dĩ giả hà ? Ngã đẳng ưng đắc Như Lai Trí tuệ, nhi tiện tự dĩ tiểu Trí vi túc.

Sở dĩ thế nào ? Chúng con cần được Trí tuệ của Như Lai, mà liền tự lấy Trí tuệ nhỏ là đủ.

世尊！譬如有人至親友家，醉酒而臥，是時親友官事當行，以無價寶珠繫其衣裏，與之而去。

Thế Tôn ! Thí như hữu Nhân chí thân hữu gia, túy tửu nhi ngọa, thị thời thân hữu quan sự đương hành, dĩ vô giá bảo châu hệ kỳ y lý, dĩ chi nhi khứ.

Thế Tôn ! Ví như có người đến nhà bạn thân, say rượu và ngủ, lúc đó người bạn đang thi hành việc quan, đem viên ngọc quý vô giá giấu vào trong áo của bạn, giúp cho và đi.

其人醉臥，都不覺知。起已，遊行到於他國，為衣食故，勤力求索甚大艱難，若少有所得，便以為足。

Kỳ nhân túy ngọa, đô bất giác tri. Khởi dĩ, du hành đáo ư tha Quốc, vị y thực cố, cần

lực cầu sách, thậm đại gian nan, nhược thiếu hữu sở đắc, tiện dĩ vi túc.

Người đó ngủ say, đều không biết gì. Thức dậy xong, đi tới Nước khác, vì cầu ăn mặc, siêng năng tìm kiếm, rất lắm gian nan, nếu có được ít, liền lấy làm đủ.

於後親友會遇見之，而作是言。咄哉！丈夫！何爲衣食乃至如是？我昔欲令汝得安樂，五欲自恣。

Ư hậu thân hữu hội ngộ kiến chi, nhi tác thị ngôn. Đốt tai ! Trọng phu ! Hà vị y thực nãi chí như thị ? Ngã tích dục linh Nhữ đắc an lạc, ngũ Dục tự tứ.

Về sau gặp lại bạn cũ mà làm lời nói như thế. Trời ơi ! Ông bạn ! Sao vì ăn mặc thậm chí như thế ? Tôi trước muốn giúp ông được yên vui, tự thỏa mãn 5 Tham muốn.

於某年日月以無價寶珠繫汝衣裏，今故現在，而汝不知，勤苦憂惱，以求自活，甚爲癡也。

Ư mỗ niên nhật nguyệt dĩ vô giá bảo châu hệ Nhữ y lý, kim cố hiện tại, nhi Nhữ bất

tri, cần khổ ưu não, dĩ cầu tự hoạt, thậm vi si dã.

Ngày tháng năm đó, đem viên ngọc quý vô giá giấu vào trong áo ông, nay còn ở đó, mà ông không biết. Cần khổ lo âu, vì cầu cuộc sống, rất là ngu vậ.

汝今可以此寶，貿易所須，常可如意，無所乏短。

Nhữ kim khả dĩ thử bảo, mậu dịch sở tu, thường khả như ý, vô sở pháp đoản.

Ông nay có thể dùng viên ngọc này, trao đổi nếu cần, thường được như ý, không còn túng thiếu.

佛亦如是，為菩薩時，教化我等，令發一切智心，而尋廢忘，不知不覺。

Phật diệt như thị, vi Bồ Tát thời, giáo hóa Ngã đẳng, linh phát Nhất thiết Trí tâm, nhi tâm phế vong, bất tri bất giác.

Phật cũng như thế, lúc là Bồ Tát, giáo hóa chúng sinh, giúp cho phát tâm Tất cả Trí tuệ, mà nhanh chóng quên mất, không biết không hiểu.

既得阿羅漢道，自謂滅度。資生艱難，得少爲足，一切智願，猶在不失。

Ký đắc A La Hán Đạo, tự vị Diệt độ. Tư sinh gian nan, đắc thiểu vi túc, Nhất thiết Trí nguyện, do tại bất thất.

Đã được Đạo A La Hán, tự coi là đã được thành Phật Bồ Đề. Cuộc sống gian nan, được ít làm đủ, nguyện Tất cả Trí tuệ, còn ở không mất.

今者世尊覺悟我等，作如是言。諸比丘！汝等所得非究竟滅。

Kim giả Thế Tôn giác ngộ Ngã đẳng, tác như thị ngôn. Chư Tỳ Kheo ! Nhữ đẳng sở đắc phi cứu cánh diệt.

Ngày nay Thế Tôn giác ngộ Chúng con, làm lời nói như thế. Các Tỳ Kheo ! Các Ngài chưa được thành Phật Bồ Đề.

我久令汝等種佛善根，以方便故，示涅槃相，而汝謂爲實得滅度。

Ngã cứu linh Nhữ đẳng chúng Phật thiện Căn, dĩ Phương tiện cố, thị Niết Bàn tướng, nhi Nhữ vị vi thực đắc Diệt độ.

Ta từ lâu đã giúp các Ngài trồng Căn thiện của Phật, do dùng Phương tiện, tỏ rõ cảnh Niết Bàn, mà Ngài cho là thực được quả Phật BỒ ĐỀ.

世尊！我今乃知實是菩薩，得受阿耨多羅三藐三菩提記，以是因緣，甚大歡喜，得未曾有。

Thế Tôn ! Ngã kim nãi tri, thực thị BỒ Tát đắc thụ A Nậu Đa La Tam Miệu Tam BỒ ĐỀ ký, dĩ thị Nhân duyên, thậm đại hoan hỉ, đắc vị tăng hữu.

Thế Tôn ! Nay con mới biết, thực BỒ Tát đó được nhớ truyền bậc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam BỒ ĐỀ, vì Nhân duyên đó, rất vui mừng lớn, được chưa từng có.

爾時 阿若憍陳如 等，欲重宣此義，而說偈言：

Nhĩ thời A Nhã Kiều Trần Như đấng, dục trùng tuyên thử nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn :

Lúc đó các A Nhã Kiều Trần Như, muốn nói lại nghĩa này mà đọc bài kệ nói rằng :

我等聞無上安穩授記聲歡喜未曾有

Ngã đấng văn Vô Thượng. An ổn thụ ký

thanh. Hoan hỉ vị tăng hữu.

**Chúng con nghe Bình Đẳng. Lời nhớ
truyền yên ổn. Vui mừng chưa từng có.**

禮無量智佛今於世尊前自悔諸過咎

**Lễ vô lượng Trí Phật. Kim ư Thế Tôn tiên.
Tự hối chư quá cữu.**

**Lễ Phật Trí vô lượng. Nay ở trước Thế
Tôn. Tự hối các tội cũ.**

於無量佛寶得少涅槃分如無智愚人

**Ư vô lượng Phật bảo. Đắc thiểu Niết Bàn
phần. Như vô Trí ngu nhân.**

**Với vô lượng Phật báu. Được phần nhỏ
Niết Bàn. Như người ngu không Trí.**

便自以爲足譬如貧窮人往至親友家

Tiện tự dĩ vi túc. Thí như bần cùng nhân.

Vãng chí thân hữu gia.

**Liên tự lấy làm đủ. Ví như người bần
cùng. Tới gia đình bạn thân.**

其家甚大富具設諸肴膳以無價寶珠

**Kỳ gia thậm đại phú. Cụ thiết chư hào
thiện. Dĩ vô giá bảo châu.**

Gia đình đó rất giàu. Làm bữa tiệc thịnh soạn. Dem ngọc quý vô giá.

繫著內衣裏默與而捨去時卧 不覺知

Hệ trước nội y lý. Mặc dữ nhi xả khứ. Thời ngọa bất giác tri.

Giấu vào trong áo bạn. Im cho và bỏ đi.

Lúc ngủ không biết gì.

是人既已起遊行詣他國求衣食自濟

Thị nhân ký dĩ khởi. Du hành nghệ tha Quốc. Cầu y thực tự tế.

Người đó đã tỉnh dậy. Du hành tới Nước khác. Cầu ăn mặc tự cấp.

資生甚艱難得少便爲足更不願好者

Tư sinh thậm gian nan. Đắc thiếu tiện vi túc. Cảnh bất nguyện hảo giả.

Cuộc sống rất gian nan. Được ít liền là đủ.

Càng không muốn tốt hơn.

不覺內衣裏有無價寶珠與珠之親友

Bất giác nội y lý. Hữu vô giá bảo châu. Dữ châu chi thân hữu.

Không biết ở trong áo. Có ngọc quý vô giá. Châu của bạn thân cho.

後見此貧人苦切責之已示以所繫珠

Hậu kiến thử bần nhân. Khổ thiết trách chi dĩ. Thị dĩ sở hệ châu.

Sau thấy người nghèo này. Đã qua các cực khổ. Bảo nơi giấu ngọc quý.

貧人見此珠其心大歡喜富有諸財物

Bần nhân kiến thử châu. Kỳ tâm đại hoan hỉ. Phú hữu chư tài vật.

Người nghèo thấy ngọc này. Tâm đó rất vui mừng. Giàu có nhiều tài vật.

五欲而自恣我等亦如是世尊於長夜

Ngũ Dục nhi tự tứ. Ngã đẳng diệc như thị. Thế Tôn ư trường dạ.

Năm Tham mà tùy ý. Chúng con cũng như thế. Phật ở trong đêm dài.

常愍見教化令種無上願我等無智故

Thường mẫn kiến giáo hóa. Linh chúng Vô Thượng nguyện. Ngã đẳng vô Trí cố.

Thường thương thấy giáo hóa. Giúp trồng nguyện Bình Đẳng. Chúng con do không Trí.

不覺亦不知得少涅槃分自足不求餘

**Bất giác diệt bất tri. Đắc thiểu Niết Bàn
phần. Tự túc vô cầu dư.**

**Không hiểu cũng không biết. Được phần ít
Niết Bàn. Tự đủ không cầu thêm.**

今佛覺悟我言非實滅度得佛無上慧

**Kim Phật giác ngộ Ngã. Ngôn phi thực Diệt
độ. Đắc Phật Vô Thượng Tuệ.**

**Nay Phật giác ngộ Con. Nói chưa thực
thành Phật. Được Tuệ Phật Bình Đẳng.**

爾乃爲真滅我今從佛聞授記莊嚴事

**Nhĩ nãi vi chân diệt. Ngã kim tòng Phật
văn. Thụ ký trang nghiêm sự.**

**Mới là thực diệt mất. Con nay nghe từ
Phật. Việc trang nghiêm nhớ truyền.**

及轉次受決身心遍歡喜

**Cập chuyển thứ thụ quyết. Thân tâm biến
hoan hỉ.**

**Cũng quyết nhận chuyển tiếp. Thân tâm
vui mừng khắp.**

妙法蓮華經授學無學人記品第九。

Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Thụ Học vô Học nhân ký phẩm đệ cửu.

Kinh Diệu Pháp Liên Hoa phẩm thứ 9 Nhớ truyền bậc Thanh Văn La Hán.

爾時阿難羅睺羅而作是念。我等每自思惟，設得受記不亦快乎？

Nhĩ thời A Nan, La Hầu La nhi tác thị niệm. Ngã đẳng mỗi tự tư duy, thiết đắc thụ ký, bất diệc khoái hô ?

Khi đó A Nan, La Hầu La cùng làm suy ngẫm đó. Chúng ta mỗi khi tự suy nghĩ, giả sử được nhớ truyền bậc, không thể nhanh thế sao ?

即從座起，到於佛前，頭面禮足，俱白佛言：世尊！我等於此亦應有分，唯有如來，我等所歸。

Tức tòng tòa khởi, đáo ư Phật tiền, đầu diện lễ túc, câu bạch Phật ngôn : Thế Tôn ! Ngã đẳng ư thử diệc ứng hữu phần, duy hữu Như Lai, Ngã đẳng sở quy.

Tức thời từ chỗ ngồi đứng dậy, tới ở trước Phật, phục đĩnh lễ chân, đều báo cáo Phật nói rằng : Thế Tôn ! Chúng con ở đây cũng nên có phần, chỉ có Như Lai Chúng con về theo.

又我等爲一切世間，天人阿修羅所見知識。阿難常爲侍者，護持法藏。羅睺羅是佛之子。

Hựu Ngã đẳng vi nhất thiết Thế gian, Thiên nhân A Tu La sở kiến Tri thức. A Nan thường vi thị giả, hộ trì Pháp tạng. La Hâu La thị Phật chi tử.

Mới lại Chúng con được tất cả Thế gian người Trời A Tu La coi là Tri thức. A Nan thường là người trợ giúp, giúp giữ tạng Pháp. La Hâu La là con của Phật.

若佛見授阿耨多羅三藐三菩提記者，我願既滿，眾望亦足。

Nhược Phật kiến thụ A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề ký giả, Ngã nguyện ký mãn, chúng vọng diệt túc.

Nếu Phật thấy nhớ truyền bậc A Nậu Đa

La Tam Miệu Tam Bồ Đề, nguyện của Con đã đầy đủ, các hi vọng cũng đủ đầy.

爾時學無學，聲聞弟子二千人皆從座起，偏袒右肩。

Nhĩ thời Học vô học, Thanh Văn Đệ tử nhị thiên nhân, giai tòng tòa khởi, thiên đản hữu kiên.

Khi đó Thanh Văn La Hán, Đệ tử Thanh Văn 2 nghìn người, đều từ chỗ ngồi đứng dậy, vai phải áo lệch.

到於佛前，一心合掌，瞻仰世尊，如阿難，羅睺羅所願，住立一面。

Đáo ư Phật tiên, nhất tâm hợp chưởng, chiêm ngưỡng Thế Tôn, như A Nan La Hầu La sở nguyện, trụ lập nhất diện.

Tới ở trước Phật, một lòng chắp tay, chiêm ngưỡng Thế Tôn, như mong nguyện của A Nan La Hầu La, dùng đứng một bên.

爾時佛告阿難。汝於來世，當得作佛，

號山海慧自在通王如來，

應供正遍知明行足善逝世間解 無上士調御丈夫

天人師佛世尊。

Nhĩ thời Phật cáo A Nan. Nhữ ư Lai thế, đương đắc tác Phật, hiệu Sơn Hải Tuệ Tự Tại Thông Vương Như Lai, Ứng Cúng, Chính Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn.

Lúc đó Phật bảo A Nan. Ngài ở Tương lai, đang được làm Phật, tên hiệu Sơn Hải Tuệ Tự Tại Thông Vương Như Lai, Ứng Cúng, Chính Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn.

當供養六十二億諸佛，護持法藏，
然後得阿耨多羅三藐三菩提，
教化二十千萬億恒河沙諸菩薩等，
令成阿耨多羅三藐三菩提。

Đương cúng dường lục thập nhị ức chư Phật, hộ trì Pháp tạng, nhiên hậu đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, giáo hóa nhị thập thiên vạn ức Hằng hà sa chư Bồ

Tát đấng, linh thành A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.

Đang cúng dưỡng 62 trăm triệu các Phật, giúp giữ tạng Pháp, sau đó được A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, giáo hóa 20 nghìn vạn trăm triệu Hằng hà sa Bồ Tát, giúp cho thành A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.

國名常立勝幡。其土清淨，
琉璃爲地。劫名妙音遍滿。其佛壽命無量千萬億
阿僧祇劫。

Quốc danh Thường Lập Thắng Phan. Kỳ thổ Thanh tịnh, lưu ly vi địa. Kiếp danh Diệu Âm Biến Mãn. Kỳ Phật thọ mệnh vô lượng thiên vạn ức A tăng kì Kiếp.

Tên Nước là Thường Lập Thắng Phan. Đất nước đó Thanh tịnh, lưu ly là đất. Tên Kiếp là Diệu Âm Biến Mãn. Thọ mệnh Phật đó vô lượng nghìn vạn trăm triệu A tăng kì Kiếp.

若人於千萬億無量阿僧祇劫中，算數校計，
不能得知。正法住世倍於壽命，像法住世復倍正法。

Nhược nhân ư thiên vạn ức vô lượng A tăng kì Kiếp trung, toán số hiệu kể, bất năng đắc tri. Chính pháp trụ thế bội ư thọ mệnh, Tượng pháp trụ thế phục bội Chính pháp.

Nếu người ở trong nghìn vạn trăm triệu vô lượng A tăng kì Kiếp, tính toán đo đếm, không thể được biết. Pháp đúng ở đời gấp đôi thọ mệnh, Hình pháp ở đời gấp đôi Pháp đúng.

阿難！是山海慧自在通王佛，爲十方無量千萬億恒河沙等諸佛如來所共讚歎，稱其功德。

A Nan ! Thị Sơn Hải Tuệ Tự Tại Thông Vương Như Lai, vi thập phương vô lượng thiên vạn ức Hằng hà sa đảnh chư Phật Như Lai sở cộng tán thán, xưng kỳ Công Đức.

A Nan ! Sơn Hải Tuệ Tự Tại Thông Vương Như Lai đó, được vô lượng nghìn vạn trăm triệu Hằng hà sa các Phật Như Lai mười phương cùng ca ngợi, nói Công Đức đó.

爾時 世尊 欲重宣此義，而說偈言：

Nhĩ thời Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa nhi thuyết kệ ngôn：

Lúc đó Thế Tôn muốn nói lại nghĩa này, mà đọc bài kệ nói rằng：

我今僧中說 阿難 持法者 當供養諸佛

Ngã kim Tăng trung thuyết. A Nan trì Pháp giả. Đương cúng dưỡng chư Phật.

Ta nay nói trong Tăng. A Nan giữ Pháp đó. Đang cúng dưỡng các Phật.

然後成 正覺 號曰山海慧自在通王佛

Nhiên hậu thành Chính Giác. Hiệu viết Sơn Hải Tuệ. Tự Tại Thông Vương Phật.

Sau đó thành Chính Giác. Tên hiệu Sơn Hải Tuệ. Tự Tại Thông Vương Phật.

其 國土 清淨 名常立勝旃教化諸 菩薩

Kỳ Quốc thổ Thanh tịnh. Danh Thường Lập Thắng Phan. Giáo hóa chư Bồ Tát.

Đất nước đó Thanh tịnh. Tên Thường Lập Thắng Phan. Giáo hóa các Bồ Tát.

其數如恒沙佛有大威德名聞滿 十方

Kỳ số như Hằng sa. Phật hữu đại uy Đức.

Danh văn mãn thập phương.

Số đó như Hằng sa. Phật có uy Đức lớn.

Tên nghe khắp mười phương.

壽命無有量以愍衆生故 正法 倍壽命

Thọ mệnh vô hữu lượng. Dĩ mãn chúng sinh cố. Chính pháp bội thọ mệnh.

Thọ mệnh không có lượng. Do vì thương chúng sinh. Pháp đúng bội thọ mệnh.

像法復倍是如恒河沙等 無數諸衆生

Tượng pháp phục bội thị. Như Hằng hà sa đẳng. Vô số chư chúng sinh.

Hình pháp bội Pháp đúng. Như cát các sông Hằng. Vô số các chúng sinh.

於此佛法中 種佛道因緣

Ư thử Phật Pháp trung. Chúng Phật Đạo Nhân duyên.

Ở trong Pháp Phật này. Trồng Nhân duyên Đạo Phật.

爾時會中新發意菩薩八千人，

咸作是念。我等尚不聞諸大菩薩得如是記，

有何因緣而諸聲聞 得如是決？

Nhĩ thời hội trung tân phát ý Bồ Tát bát

thiên nhân, hàm tác thị niệm. Ngã đẳng
thượng bất văn chư đại Bồ Tát đắc như thị
ký, hữu hà Nhân duyên nhi chư Thanh
Văn đắc như thị quyết ?

Khi đó trong hội 8 nghìn người mới phát ý
Bồ Tát, tất cả làm suy ngẫm đó. Chúng ta
còn chưa được nghe nhớ truyền bậc các
Bồ Tát lớn nhất, do Nhân duyên gì, mà
các Thanh Văn được quyết định như thế ?

爾時世尊知諸菩薩心之所念。而告之曰：諸善男子！
我與阿難等，於空王佛所，同時發阿耨多羅三藐三
菩提心。

Nhĩ thời Thế Tôn tri chư Bồ Tát tâm chi sở
niệm. Nhi cáo chi viết : Chư thiện nam tử !
Ngã dĩ A Nan đẳng, ư Không Vương Phật
sở, đồng thời phát A Nậu Đa La Tam Miệu
Tam Bồ Đề tâm.

Lúc đó Thế Tôn biết được suy ngẫm nơi
tâm của các Bồ Tát. Mà bảo rằng : Các
người nam thiện ! Ta và A Nan, ở nơi ở
của Không Vương Phật, đồng thời phát
tâm A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.

阿難常樂多聞，我常勤精進，
是故我已得成阿耨多羅三藐三菩提。

**A Nan thường nhạo Đa văn, Ngã thường
cần Tinh tiến, thị cố Ngã dĩ đắc thành A
Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.**

**A Nan thường ham thích Nghe nhiều, Ta
thường siêng Tinh tiến, vì thế Ta đã được
thành A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.**

而阿難護持我法，亦護將來諸佛法藏，
教化成就諸菩薩眾，其本願如是，故獲斯記。

**Nhi A Nan hộ trì Ngã Pháp, diệc hộ Tương
lai chư Phật Pháp tạng, giáo hóa thành tựu
chư Bồ Tát chúng, kỳ bản nguyện như thị,
cố hoạch tư ký.**

**Mà A Nan giúp giữ Pháp của Ta, cũng giữ
tạng Pháp của các Phật Tương lai, giáo
hóa thành công các chúng Bồ Tát, nguyện
trước kia của A Nan như thế, mà được nhớ
truyền bậc này.**

阿難面於佛前，自聞授記及國土莊嚴，所願具足，
心大歡喜，得未曾有。

A Nan diện ư Phật tiền, tự văn thụ ký cập

Quốc thổ trang nghiêm, sở nguyện cụ túc, tâm đại hoan hỉ, đắc vị tăng hữu.

A Nan đối diện trước Phật, tự nghe nhớ truyền bậc và trang nghiêm Đất nước, sở nguyện đầy đủ, tâm rất vui mừng, được chưa từng có.

即時憶念過去無量千萬億諸佛法藏，通達無礙，
如今所聞，亦識本願。

Tức thời ức niệm Quá khứ vô lượng thiên vạn ức chư Phật Pháp tạng, thông đạt vô ngại, như kim sở văn, diệc thức bản nguyện.

Tức thời ghi nhớ tạng Pháp của vô lượng nghìn vạn trăm triệu các Phật Quá khứ, thông suốt không trở ngại, như nay được nghe, cũng biết nguyện trước kia.

爾時阿難，而說偈言：

Nhĩ thời A Nan nhi thuyết kệ ngôn：

Khi đó A Nan mà đọc bài kệ nói rằng：

世尊甚希有令我念過去無量諸佛法

Thế Tôn thậm hi hữu. Linh Ngã niệm Quá khứ. Vô lượng chư Phật Pháp.

Thế Tôn rất hiếm có. Giúp con nhớ Quá khứ. Vô lượng các Pháp Phật.

如今日所聞我今無復疑安住於佛道

Như kim nhật sở văn. Ngã kim vô phục nghi. An trụ ư Phật Đạo.

Như ngày nay được nghe. Con nay không lai nghi. Yên ở trong Đạo Phật.

方便爲侍者護持諸佛法

Phương tiện vi thị giả. Hộ trì chư Phật Pháp.

Phương tiện làm trợ giúp. Giúp giữ các Pháp Phật.

爾時佛告羅睺羅。汝於來世當得作佛，號蹈七寶華如來，應供正遍知明行足善逝世間解無上士調御丈夫天人師佛世尊。

Nhĩ thời Phật cáo La Hâu La. Nhữ ư Lai thế đương đắc tác Phật, hiệu Đạo Thất Bảo Hoa Như Lai, Ứng Cúng, Chính Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn.

Khi đó Phật bảo La Hâu La. Con ở Tương

lai đang được làm Phật, tên hiệu Đạo Thất Bảo Hoa Như Lai, Ứng Cúng, Chính Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn.

當供養十世界微塵等數諸佛如來，
常為諸佛而作長子，猶如今也。

Đương cúng dường thập Thế giới vi trần đẳng số chư Phật Như Lai, thường vị chư Phật nhi tác Trượng tử, do như kim dã.

Đang cúng dường các Phật Như Lai bằng số bụi trần của mười Thế giới, thường vì các Phật mà làm con Trượng, giống như hiện nay.

是蹈七寶華佛，國土莊嚴，壽命劫數，所化弟子，
正法像法，亦如山海慧自在通王如來無異，
亦為此佛而作長子。

Thị Đạo Thất Bảo Hoa Phật, Quốc thổ trang nghiêm, thọ mệnh Kiếp số, sở hóa đệ tử, Chính pháp Tượng pháp, diệc như Sơn Hải Tuệ Tự Tại Thông Vương Như Lai vô dị, diệc vị tử Phật nhi tác Trượng tử.

**Đạo Thất Bảo Hoa Phật đó, trang nghiêm
Đất nước, thọ mệnh Kiếp số, giáo hóa đệ
tử, Pháp đúng Hình pháp, cũng như Sơn
Hải Tuệ Tự Tại Thông Vương Như Lai
không khác, cũng vì Phật này mà làm con
trưởng.**

過是已後，當得阿耨多羅三藐三

菩提。爾時世尊欲重宣此義，而說偈言：

**Quá thị dĩ hậu, đương đắc A Nậu Đa La
Tam Miệu Tam Bồ Đề. Nhĩ thời Thế Tôn
dục trùng tuyên thử nghĩa, nhi thuyết kê
ngôn :**

**Sau khi đã qua việc đó, đang được A Nậu
Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Lúc đó Thế
Tôn muốn nói lại nghĩa này mà đọc bài kê
nói rằng :**

我爲太子時 羅睺爲長子 我今成佛道

**Ngã vi Thái Tử thời. La Hâu vi Trưởng tử.
Ngã kim thành Phật Đạo.**

**Khi Ta là Thái Tử. La Hâu là con Trưởng.
Ta nay thành Đạo Phật.**

受法爲法子 於未來世中見無量億佛

**Thụ Pháp vi Pháp tử. Ư Vị lai thế trung.
Kiến vô lượng ức Phật.**

**Nhận Pháp làm con Pháp. Ở trong thời
Tương lai. Thấy nhiều trăm triệu Phật.**

皆爲其長子 一心求佛道 羅睺羅密行

**Giai vi kỳ Trưởng tử. Nhất tâm cầu Phật
Đạo. La Hâu La mật hành.**

**Đều là con Trưởng Phật. Nhất tâm cầu Đạo
Phật. La Hâu hành mật Pháp.**

唯我能知之 現爲我長子 以示諸衆生

**Duy Ngã năng tri chi. Hiện vi Ngã Trưởng
tử. Dĩ thị chư chúng sinh.**

**Chỉ Ta hay biết được. Hiện là con Trưởng
Ta. Dùng tỏ các chúng sinh.**

無量億千萬功德不可數 安住於佛法

**Vô lượng ức thiên vạn. Công Đức bất khả
số. An trụ ư Phật Pháp.**

**Nhiều trăm triệu nghìn vạn. Công Đức
không thể tính. Yên ở trong Pháp Phật.**

以求無上道

Dĩ câu Vô Thượng Đạo.

Dùng câu Đạo Bình đẳng.

爾時世尊見學無學二千人，其意柔軟，寂然清淨，一心觀佛。佛告阿難。

Nhĩ thời Thế Tôn kiến Học vô Học nhị thiên nhân, kỳ ý nhu nhuyễn, tịch nhiên Thanh tịnh, nhất tâm quan Phật. Phật cáo A Nan.

Khi đó Thế Tôn thấy 2 nghìn người Thanh Văn A La Hán, ý họ mềm mại, vắng lặng Thanh tịnh, nhất tâm nhìn Phật. Phật bảo A Nan.

汝見是學無學二千人不？唯然！已見。阿難！是諸人等，當供養五十世界微塵數諸佛如來，恭敬尊重護持法藏。

Nhữ kiến thị Học vô Học nhị thiên nhân phủ？ Duy nhiên！ Dĩ kiến. A Nan！ Thị chư nhân đẳng, đương cúng dưỡng ngũ thập Thế giới vi trần số chư Phật Như Lai, cung kính tôn trọng hộ trì Pháp tạng.

Ngài thấy 2 nghìn người Thanh Văn A La

Hán đó không ? Tất nhiên ! Đã thấy. A Nan ! Những người đó, đang cúng dường các Phật Như Lai bằng số bụi trần của 50 Thế giới, cung kính tôn trọng giúp giữ tạng Pháp.

末後同時於十方國各得成佛，皆同一號，
名曰寶相如來，
應供正遍知明行足善逝世間解無上士
調御丈夫天人師佛世尊。

Mạt hậu đồng thời ư thập phương Quốc, các đấng thành Phật, giai đồng nhất hiệu, danh viết Bảo Tướng Như Lai, Ứng Cúng, Chính Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn.

Sau cùng đồng thời ở mười phương Nước, đều được thành Phật, đều cùng một tên hiệu, tên là Bảo Tướng Như Lai, Ứng Cúng, Chính Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ,

Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn.

壽命一劫，國土莊嚴。聲聞菩薩，正法像法，
皆悉同等。爾時世尊欲重宣此義，而說偈言：

**Thọ mệnh nhất Kiếp, Quốc thổ trang
nghiêm. Thanh Văn Bồ Tát, Chính pháp
Tượng pháp, giai tất đồng đẳng. Nhĩ thời
Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa nhi
thuyết kệ ngôn :**

**Thọ mệnh một Kiếp, trang nghiêm Đất
nước. Thanh Văn Bồ Tát Pháp đúng Hình
pháp, đều cùng bằng nhau. Lúc đó Thế
Tôn muốn nói lại nghĩa này mà đọc bài kệ
nói rằng :**

是二千 聲聞 今於我前住 悉皆與授記

**Thị nhị thiên Thanh Văn. Kim ư Ngã tiền
trụ. Tất giai dữ thụ ký.**

**Hai nghìn Thanh Văn đó. Nay dừng ở
trước Ta. đều cùng cho truyền bậc.**

未來當成佛 所供養諸佛 如上說塵數

**Vị lai đương thành Phật. Sở cúng dưỡng
chư Phật. Như thượng thuyết trần số.**

**Tương lai đang thành Phật. Được cúng
dưỡng các Phật. Bụi trần nói như trên.**

護持其法藏 後當成正覺 各於十方國

**Hộ trì kỳ Pháp tạng. Hậu đương thành
Chính Giác. Các ư thập phương Quốc.
Giúp giữ tạng Pháp đó. Sau đang thành
Chính Giác. Đều ở Nước mười phương.**

悉同一名號 俱時坐道場 以證無上慧

**Tất đồng nhất danh hiệu. Cùng thời tọa Đạo
tràng. Dĩ chứng Vô Thượng Tuệ.**

**Đều cùng một tên hiệu. Cùng thời ngồi
Đạo tràng. Dùng chứng Tuệ Bình Đẳng.**

皆名爲寶相 國土及弟子 正法 與 像法

**Giai danh vi Bảo Tướng. Quốc thổ cập Đệ
tử. Chính pháp dữ Tượng pháp.**

**Đều tên là Bảo Tướng. Đất nước và Đệ tử.
Pháp đúng và Hình pháp.**

悉等無有異 咸以諸神通 度十方衆生

**Tất đẳng vô hữu dị. Hàm dĩ chư Thần
thông. Độ thập phương chúng sinh.**

**Đều bằng nhau không khác. Đều dùng các
Thần thông. Độ chúng sinh mười phương.**

Liên Hoa Kinh

名聞普周遍漸入於涅槃

Danh văn phổ châu biến. Tiệm nhập ư Niết Bàn.

Tên nghe đều đầy khắp. Dẫn nhập vào Niết Bàn.

爾時學無學二千人，聞佛授記，歡喜踊躍而說偈言：
Nhĩ thời Học vô Học nhị thiên nhân, văn Phật thụ ký. hoan hỉ dũng dực. nhi thuyết kệ ngôn :

Lúc đó 2 nghìn Thanh Văn A La Hán, nghe Phật nhớ truyền bậc, vui mừng dũng mãnh mà đọc bài kệ nói rằng :

世尊慧燈明我聞授記音心歡喜充滿

Thế Tôn tuệ đăng minh. Ngã văn thụ ký âm. Tâm hoan hỉ sung mãn.

Tuệ Thế Tôn cháy sáng. Con nghe âm truyền bậc. Tâm tràn đầy vui mừng.

如甘露見灌

Như Cam lộ kiến quán.

Như thấy tưới Cam lộ.

妙法蓮華經法師品第十

**Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Pháp sư phẩm
đệ thập.**

**Kinh Diệu Pháp Liên Hoa phẩm thứ mười
Thầy Pháp.**

爾時世尊因藥王菩薩，告八萬大士。

**Nhĩ thời Thế Tôn nhân Dược Vương Bồ
Tát, cáo bát vạn Đại Sĩ.**

**Lúc đó Thế Tôn do Dược Vương Bồ Tát,
bảo tám vạn Đại Sĩ.**

藥王！汝見是大眾中無量諸天龍王夜叉乾闥婆
阿修羅 迦樓羅緊那羅摩睺羅伽人與非人。

**Dược Vương ! Nhữ kiến thị Đại chúng
trung vô lượng chư Thiên Long Dạ Xoa,
Kiền Tát Bà, A Tu La, Ca Lô La, Khẩn
Na La, Ma Hâu La Già, Nhân phi Nhân
đẳng.**

**Dược Vương ! Ngài nhìn thấy trong Đại
chúng vô lượng các Trời Rồng Dạ Xoa,
Kiền Tát Bà, A Tu La, Ca Lô La, Khẩn**

Na La, Ma Hầu La Già, Người không phải Người.

及

比丘比丘尼優婆塞優婆夷。求聲聞者求辟支佛者求佛道者。

Cập Tì Kheo, Tì Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di. Cầu Thanh Văn giả cầu Bích Chi Phật giả cầu Phật Đạo giả.

Cùng với nam Tì Kheo, nữ Tì Kheo, nam Phật Tử, nữ Phật Tử. Người cầu Thanh Văn, người cầu Bích Chi Phật, người cầu Đạo Phật.

如是等類，咸於佛前，聞妙法華經，一偈一句，乃至一念隨喜者，我皆與授記，當得阿耨多羅三藐三菩提。佛告藥王。

Như thị đẳng loại, hàm ư Phật tiền, văn Diệu Pháp Hoa Kinh, nhất kê nhất cú, nãi chí nhất niệm tùy hỉ giả, Ngã giai dĩ thụ ký, đương đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Phật cáo Dược Vương.

Cùng loại như thế, đều ở trước Phật, nghe Kinh Diệu Pháp Hoa, một bài kê một câu,

thậm chí một ý nghĩ vui theo, Ta đều ban cho nhớ truyền bậc, đang được A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Phật bảo Dục Vương.

又 如來 滅度之後，若有人聞妙 法華經，乃至一偈一句一念隨喜者。

Hựu Như Lai diệt độ chi hậu, nhược hữu nhân văn Diệu Pháp Hoa Kinh, nãi chí nhất kệ nhất cú nhất niệm tùy hỉ giả.

Mới lại sau khi Như Lai tạ thế, nếu có người nghe Kinh Diệu Pháp Hoa, thậm chí một bài kệ một câu, một nghĩ nhớ vui theo.

我亦與授阿耨多羅三藐三 菩提 記。若復有人，受持讀誦解說書寫妙 法華經，乃至一偈。

Ngã diệc dữ thụ A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề ký. Nhược phục hữu nhân, thụ trì độc tụng giải thuyết thư tả Diệu Pháp Hoa Kinh, nãi chí nhất kệ.

Ta cũng ban cho nhớ truyền bậc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Nếu lại có người, nhận giữ đọc tụng giảng giải viết

chép Kinh Diệu Pháp Hoa, thậm chí một bài kệ.

於此經卷敬視如佛，種種供養，
華香瓔珞末香塗香燒香繒蓋幢幡衣服伎樂，
乃至合掌恭敬。

Ư thử Kinh quyển kính thị như Phật, chúng
chúng cúng dưỡng, hương hoa anh lạc mặt
hương đồ hương thiêu hương tăng cái
tràng phan y phục kĩ nhạc, nãi chí hợp
chưởng cung kính.

**Với quyển Kinh này kính trọng như Phật,
đủ loại cúng dưỡng, hương hoa chuỗi
ngọc hương bột hương bôi đốt hương, lụa
lọng cờ phướn, quần áo kĩ nhạc, thậm chí
chắp tay cung kính.**

藥王！當知是諸人等，已曾供養十萬億佛，
於諸佛所成就大願，愍眾生故生此人間。

Dược Vương ! Đương tri thị chư nhân đẳng,
dĩ tăng cúng dưỡng thập vạn ức Phật, ư
chư Phật sở thành tựu đại nguyện, mẫn
chúng sinh cố sinh thử Nhân gian.

Dược Vương ! Nên biết những loại người

đó, đã từng cúng dường mười vạn trăm triệu Phật, ở nơi ở của các Phật thành công nguyện lớn, vì thương chúng sinh, sinh ở Nhân gian này.

藥王！若有人問。何等眾生於未來世當得作佛？應示是諸人等，於未來世必得作佛。

Dược Vương ! Nhược hữu nhân vấn. Hà đẳng chúng sinh ư Vị lai thế đương đắc tác Phật ? Ứng thị thị chư nhân đẳng, ư Vị lai thế tất đắc tác Phật.

Dược Vương ! Nếu có người hỏi. Chúng sinh ở đời Tương lai làm thế nào đang được thành Phật ? Người đó cần tỏ rõ cái gì, ở đời Tương lai nhất định được làm Phật.

何以故？若善男子善女人，於法華經，乃至一句，受持讀誦解說書寫。

Hà dĩ cố ? Nhược thiện nam tử thiện nữ nhân, ư Pháp Hoa Kinh nãi chí nhất cú, thụ trì độc tụng giải thuyết thư tả.

Cớ là sao ? Nếu người nam thiện, người nữ

**thiện với Kinh Pháp Hoa thậm chí nhận
giữ đọc tụng giảng giải viết chép.**

種種供養經卷，

華香瓔珞末香塗香燒香繒蓋幢幡衣服伎樂合掌恭敬

。

**Chúng chúng cúng dường Kinh quyển, hoa
hương anh lạc mặt hương đồ hương thiêu
hương, tăng cái tràng phan y phục kĩ
nhạc hợp chuông cung kính.**

**Đủ loại cúng dường quyển Kinh, hoa
hương chuỗi ngọc, hương bột hương bôi
hương đốt, lụa lọng cờ phướn, quần áo kĩ
nhạc, chấp tay cung kính.**

是人一切世間所應瞻奉，應以如來供養而供養之。

**Thị nhân nhất thiết Thế gian sở ưng chiêm
phụng, ưng dĩ Như Lai cúng dường nhi
cúng dường chi.**

**Người đó tất cả Thế gian cần nên chiêm
ngưỡng phụng dưỡng, nên dùng cúng
dường Như Lai mà cúng dường họ.**

當知此人是大菩薩，成就阿耨多羅三藐三菩提。

Đương tri thử nhân thị đại Bồ Tát, thành

**tự A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.
Nên biết người này là Bồ Tát lớn nhất,
thành công A Nậu Đa La Tam Miệu Tam
Bồ Đề.**

哀愍眾生願生此間，廣演分別妙法華經，
何況盡能受持，種種供養者。

**Ai mãi chúng sinh nguyện sinh thử gian,
quảng diễn phân biệt Diệu Pháp Hoa Kinh,
hà huống tận năng thụ trì, chúng chúng
cúng dưỡng giả.**

**Thương xót chúng sinh nguyện sinh ở nơi
này, rộng nói phân biệt Kinh Diệu Pháp
Hoa, huống chi đều hay nhận giữ, đủ loại
cúng dưỡng đó.**

藥王！當知是人，自捨清淨業報，於我滅度後，
愍眾生故，生於惡世，廣演此經。

**Dược Vương ! Đương tri thị nhân, tự xả
Thanh tịnh Nghiệp báo, ư Ngã diệt độ hậu,
mãi chúng sinh cố, sinh ư ác thế, quảng
diễn thử Kinh.**

**Dược Vương ! Nên biết người đó, tự bỏ
Nghiệp báo Thanh tịnh, sau Ta tạ thế, vì**

thương chúng sinh, sinh trong đời ác, rộng nói Kinh này.

若是善男子善女人，我滅度後，能竊爲一人說法華經，乃至一句。

Nhược thị thiện nam tử thiện nữ nhân, Ngã diệt độ hậu, năng thiết vị nhất nhân thuyết Pháp Hoa Kinh, nãi chí nhất cú.

Nếu người nam thiện, người nữ thiện đó, sau khi Ta tạ thế, hay nghĩ vì một người nói Kinh Pháp Hoa, thậm chí một câu.

當知是人則 如來 使，如來所遣，行如來事，何況於大眾中廣爲人說。

Đương tri thị nhân tắc Như Lai sử, Như Lai sử khiển, hành Như Lai sự, hà huống ư Đại Chúng trung quảng vị nhân thuyết.

Nên biết người đó chắc là Như Lai sử dụng, Như Lai sai khiến, làm việc của Như Lai, huống chi ở trong Đại Chúng rộng vì người nói.

藥王！若有惡人，以不善心，於一劫中，現於佛前，常毀罵佛，其罪尚輕。

Dược Vương ! Nhược hữu ác nhân, dĩ bất

thiện tâm, ư nhất Kiếp trung, hiện ư Phật tiên, thường hủy mạ Phật, kỳ tội thượng khinh.

Dược Vương ! Nếu có người ác, dùng tâm không thiện, trong một Kiếp, hiện ở trước Phật, thường chê bai Phật, tội của họ còn nhẹ.

若人以一惡言，毀訾在家出家讀誦法華經者，其罪甚重。

Nhược nhân dĩ nhất ác ngôn, hủy tí tại gia, Xuất gia độc tụng Pháp Hoa Kinh giả, kỳ tội thậm trọng.

Nếu người dùng một lời ác, nói xấu lúc tại gia, Xuất gia đọc tụng Kinh Pháp Hoa, tội của người đó rất nặng.

藥王！其有讀誦法華經者，當知是人，以佛莊嚴而自莊嚴，則為如來肩所荷擔。

Dược Vương ! Kỳ hữu độc tụng Pháp Hoa Kinh giả, đương tri thị nhân, dĩ Phật trang nghiêm nhi tự trang nghiêm, tắc vi Như Lai kiên sở hà đảm.

Dược Vương ! Nếu có đọc tụng Kinh Pháp

Hoa đó, nên biết người đó, dùng trang nghiêm của Phật mà tự trang nghiêm, chắc là đôi vai gánh vác việc của Như Lai.

其所至方應隨向禮，一心合掌恭敬供養尊重讚歎，
華香瓔珞末香塗香燒香。

Kỳ sở chí phương ứng tùy hướng lễ, nhất tâm hợp chưởng cung kính cúng dưỡng tôn trọng tán thán, hoa hương anh lạc mặt hương đồ hương thiêu hương.

Họ có tới nơi nào, nên chuyển theo hướng đó lễ bái, nhất tâm chấp tay cung kính cúng dưỡng, tôn trọng ca ngợi, hoa hương chuỗi ngọc hương bột hương bôi hương đốt.

繒蓋幢幡衣服餽饌作諸伎樂，人中上供而供養之，
應持天寶而以散之，天上寶聚應以奉獻。

Tăng cái tràng phan, y phục hào soạn tác chư kỹ nhạc, nhân trung thượng cúng nhi cúng dưỡng chi, ứng trì Thiên bảo nhi dĩ tán chi, Thiên thượng bảo tụ ứng dĩ phụng hiến.

Lựa lọng cờ phướn, quần áo tiệc lớn, chơi

các kĩ nhạc, trong số người dâng cúng, mà cúng dưỡng họ, nên lấy báu vật Trời mà rải lên trên, tụ hợp các vật báu trên Trời dùng để dâng hiến.

所以者何？是人歡喜說法，須臾聞之，即得究竟阿耨多羅三藐三菩提故。

Sở dĩ giả hà ? Thị nhân hoan hỷ thuyết Pháp, tu du văn chi, tức đắc cứu cánh A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề cố.

Sở dĩ thế nào ? Người đó vui vẻ nói Pháp, nhanh chóng nghe Pháp, tức thời được thành quả A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.

爾時世尊欲重宣此義，而說偈言：

Nhĩ thời Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn：

Lúc đó Thế Tôn muốn nói lại nghĩa này mà đọc bài kệ nói rằng：

若欲住佛道 成就自然智 常當勤供養

Nhược dục trụ Phật Đạo. Thành tự tự nhiên Trí. Thường đương cần cúng dưỡng.

Nếu muốn ở Đạo Phật. Thành công Trí tự nhiên. Thường cần phải cúng dường.

受持法華者 其有欲疾得 一切種智慧

Thụ trì Pháp Hoa giả. Kỳ hữu dục tật đắc. Nhất thiết chủng Trí tuệ.

Nhận giữ Pháp Hoa đó. Nếu có muốn nhanh được. Tất cả loại Trí tuệ.

當受持是經 并供養持者 若有能受持

Đương thụ trì thị Kinh. Tịnh cúng dường trì giả. Nhược hữu năng thụ trì.

Nên nhận giữ Kinh đó. Đều cúng dường người giữ. Nếu có thể nhận giữ.

妙法華經者 當知佛所使 愍念諸衆生

Diệu Pháp Hoa Kinh giả. Đương trì Phật sở sử. Mẫn niệm chư chúng sinh.

Kinh Diệu Pháp Hoa đó. Nên biết do Phật khiến. Thương nhớ các chúng sinh.

諸有能受持 妙法華經者 捨於清淨土

Chư hữu năng thụ trì. Diệu Pháp Hoa Kinh giả. Xả ư Thanh tịnh thổ.

Họ nếu hay nhận giữ. Kinh Diệu Pháp Hoa đó. Bỏ nơi đất Thanh tịnh.

愍衆故生此當知如是人自在所欲生

Mãn Chúng cố sinh thử. Đương tri như thị nhân. Tự tại sở dục sinh.

Vì thương Chúng sinh này. Nên biết người như thế. Tự do bởi muốn sinh.

能於此惡世廣說 無上法 應以天華香

Năng ư thử ác thế. Quảng thuyết Vô Thượng Pháp. Ứng dĩ Thiên hoa hương.

Hay ở đời ác này. Rộng nói Pháp Bình Đẳng. Nên dùng hoa hương Trời.

及天寶衣服 天上 妙寶聚供養說法者

Cập Thiên bảo y phục. Thiên thượng diệu bảo tụ. Cúng dưỡng thuyết Pháp giả.

Và quần áo Trời quý. Các báu vật trên Trời. Cúng dưỡng người nói Pháp.

吾滅後惡世能持是經者 當合掌禮敬

Ngô diệt hậu ác thế. Năng trì thị Kinh giả. Đương hợp chưởng lễ kính.

Ta mất sau đời ác. Người hay giữ Kinh đó. Nên chắp tay lễ kính.

如供養 世尊 上饌衆甘美 及種種衣服

Như cúng dưỡng Thế Tôn. Thượng soạn

**chúng cam mỹ. Cặp chũng chũng y phục.
Như cúng dưỡng Thế Tôn. Tiệc lớn đồ
ngọt ngon. Và các loại áo quần.**

供養是佛子冀得須臾聞若能於後世

**Cúng dưỡng thị Pháp tử. Ký đặc tu du văn.
Nhược năng ư hậu thế.**

**Cúng dưỡng con Pháp đó. Mong được
nhanh chóng nghe. Nếu hay ở đời sau.**

受持是經者我遣在人中行於如來事

**Thụ trì thị Kinh giả. Ngã khiển tại nhân
trung. Hành ư Như Lai sự.**

**Người nhận giữ Kinh đó. Ta phái ở với
người. Làm việc của Như Lai.**

若於一劫中常懷不善心作色而罵佛

**Nhược ư nhất Kiếp trung. Thường hoài bất
thiện tâm. Tác sắc nhi mạ Phật.**

**Nếu ở trong một Kiếp. Thường lại tâm
không thiện. Nổi giận và mắng Phật.**

獲無量重罪其有讀誦持是法華經者

**Hoạch vô lượng trọng tội. Kỳ hữu độc tụng
trì. Thị Pháp Hoa Kinh giả.**

Được vô lượng tội nặng. Họ nếu giữ đọc tụng. Kinh Diệu Pháp hoa đó.

須臾加惡言 其罪復過彼 有人求 佛道

Tu du gia ác ngôn. Kỳ tội phục quá bỉ. Hữu nhân cầu Phật Đạo.

Thỉnh thoảng thêm lời ác. Tội họ lại tăng thêm. Có người cầu Đạo Phật.

而於一劫中 合掌在我前 以無數偈讚

Nhi ư nhất Kiếp trung. Hợp chưởng tại Ngã tiền. Dĩ vô số kệ tán.

Mà ở trong một Kiếp. Chắp tay ở trước Ta. Dùng vô số bài ca.

由是讚佛故 得無量功德 歎美持經者

Do thị tán Phật cố. Đắc vô lượng Công Đức. Thán mỹ trì Kinh giả.

Do vì ca ngợi Phật. Được vô lượng Công Đức. Ca ngợi người giữ Kinh.

其福復過彼 於八十億劫 以最妙色聲

Kỳ Phúc phục quá bỉ. Ư bát thập ức Kiếp. Dĩ tối diệu Sắc Thanh.

Phúc này lại hơn nó. Tám mươi trăm triệu Kiếp. Dùng Sắc Thanh đẹp nhất.

及與香味觸供養持經者如是供養已

**Cập dũ Hương Vị Xúc. Cúng dưỡng trì
Kinh giả. Như thị cúng dưỡng dĩ.**

**Cùng với Hương Vị Xúc. Cúng dưỡng
người giữ Kinh. Cúng dưỡng như thế xong.**

若得須臾聞則應自欣慶我今獲大利

**Nhược đắc tu du văn. Tắc ứng tự hân
khánh. Ngã kim hoạch đại lợi.**

**Nếu được nhanh chóng nghe. Chắc tự
được vui vẻ. Ta nay được lợi lớn.**

藥王今告汝我所說諸經而於此經中

**Dược Vương kim cáo Nhữ. Ngã sở thuyết
chư Kinh. Mhi ư thử Kinh trung.**

**Dược Vương nay bảo Ngài. Các Kinh được
Ta nói. Mà ở trong Kinh này.**

法華最第一

Pháp Hoa tối đệ nhất.

Pháp Hoa bậc cao nhất.

爾時佛復告藥王 菩薩 摩訶薩。我所說經典，
無量千萬億。

**Nhĩ thời Phật phục cáo Dược Vương Bồ
Tát Ma Ha Tát. Ngã sở thuyết Kinh điển,**

vô lượng thiên vạn ức.

Lúc đó Phật lại bảo Dược Vương Bồ Tát Bồ Tát lớn. Kinh điển được Ta nói, vô lượng nghìn vạn trăm triệu.

已說今說當說，而於其中，此法華經，
最爲難信難解。

Dĩ thuyết kim thuyết đương thuyết, nhi ư kỳ trung, thử Pháp Hoa Kinh, tối vi nan tín nan giải.

Đã nói nay nói sắp nói, mà ở trong đó, Kinh Pháp Hoa này, là khó tin khó hiểu nhất.

藥王！此經是諸佛祕要之藏，不可分布妄授與人，諸佛世尊之所守護，從昔已來未曾顯說。

Dược Vương ! Thử Kinh thị chư Phật bí yếu chi tạng, bất khả phân bố vọng thụ dữ nhân, chư Phật Thế Tôn chi sở thủ hộ, tòng tích dĩ lai vị tăng hiển thuyết.

Dược Vương ! Kinh này là Kinh tạng bí mật cốt yếu của các Phật, không thể phân bố truyền sai cho người, các Phật Thế Tôn

giúp bảo vệ Kinh này, từ trước tới nay chưa từng nói rõ.

而此經者，如來現在猶多怨嫉，況滅度後。

Như thử Kinh giả, Như Lai Hiện tại do đa oán tạt, huống diệt độ hậu.

Mà với Kinh này, Như Lai Hiện tại còn nhiều oán hận đố kỵ, huống hồ sau khi tạ thế.

藥王！當知如來滅後，其能書持讀誦供養為他人說者，如來則為以衣覆之，又為他方現在諸佛之所護念。

Dược Vương ! Đương tri Như Lai diệt hậu, kỳ năng thư trì độc tụng cúng dưỡng vị tha nhân thuyết giả, Như Lai tắc vị dĩ y phúc chi, hựu vị tha phương Hiện tại chư Phật chi sở hộ niệm.

Dược Vương ! Nên biết sau khi Như Lai tạ thế, người hay viết giữ đọc tụng cúng dưỡng, vì người khác nói, chắc là Như Lai dùng áo khoác cho, mới lại các Phật Hiện tại ở các phương khác nhớ giúp.

是人有大信力及志願力諸善根力。當知是人與如來共宿，則為如來手摩其頭。

Thị nhân hữu đại tín lực cập chí nguyện lực, chư thiện Căn lực. Đương tri thị nhân dĩ Như Lai cộng túc, tắc vi Như Lai thủ ma kỳ đầu.

Người đó có lực tin và lực chí nguyện, các lực Căn thiện lớn. Nên biết người đó và Như Lai cùng giữ, chắc là trợ thủ hàng đầu của Như Lai.

藥王！在在處處，若說若讀若誦若書，
若經卷所住處，皆應起七寶塔，極令高廣嚴飾，
不須復安舍利。

Dược Vương ! Tại tại xứ xứ, nhược thuyết nhược đọc nhược tụng nhược thư, nhược Kinh quyển sở trụ xứ, giai ứng khởi thất bảo Tháp, cực linh cao quảng nghiêm sức, bất tu phục an Xá Lợi.

Dược Vương ! Ở khắp mọi nơi, nếu nói nếu đọc nếu tụng hay viết, hoặc nơi có quyển Kinh, đều cần nổi lên Tháp bảy báu, làm cho cao rộng nghiêm đẹp nhất, lại không cần đặt yên Xá Lợi.

所以者何？

此中已有如來全身。此塔應以一切華香瓔珞繒蓋幢
幡伎樂歌頌供養恭敬尊重讚歎。

**Sở dĩ giả hà ? Thử trung dĩ hữu Như Lai
toàn thân. Thử Tháp ưng dĩ nhất thiết hoa
hương anh lạc tăng cái tràng phan kỹ nhạc
ca tụng cúng dưỡng cung kính tôn trọng
tán thán.**

**Sở dĩ thế nào ? Trong này đã có toàn thân
của Như Lai. Tháp đó muốn dùng tất cả
hương hoa chuỗi ngọc lụa lọng cờ phướn
kỹ nhạc bài ca cúng dưỡng cung kính tôn
trọng ngợi ca.**

若有人得見此塔，禮拜供養，當知是等，
皆近阿耨多羅三藐三菩提。

**Nhược hữu nhân đắc kiến thử Tháp, lễ bái
cúng dưỡng, đương tri thị đẳng, giai cận A
Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.**

**Nếu có người được thấy Tháp này, lễ bái
cúng dưỡng, nên biết người đó, đều gần A
Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.**

藥王!多有人在家出家,行菩薩道,若不能得見聞讀誦
書持供養是法華經者,
當知是人未善行菩薩道。

**Dược Vương ! Đa hữu nhân tại gia Xuất
gia, hành Bồ Tát Đạo, nhược bất năng đắc
kiến văn đọc tụng thư trì cúng dưỡng thi
Pháp Hoa Kinh giả, đương tri thị nhân vị
thiện hành Bồ Tát Đạo.**

**Dược Vương ! Có nhiều người ở nhà, Xuất
gia hành Đạo Bồ Tát, nếu không có thể
được thấy nghe đọc tụng viết giữ cúng
dưỡng Kinh Pháp Hoa đó, nên biết người
đó chưa hay hành Đạo Bồ Tát.**

若有得聞是經典者,
乃能善行菩薩之道。其有眾生求佛道者,
若見若聞是法華經。

**Nhược hữu đắc văn thi Kinh điển giả, nãi
năng thiện hành Bồ Tát chi Đạo. Kỳ hữu
chúng sinh cầu Phật Đạo giả, nhược kiến
nhược văn thi Pháp Hoa Kinh,**

**Nếu có người được nghe Kinh điển đó, lại
có thể hay hành Đạo Bồ Tát. Nếu có**

chúng sinh cầu Đạo Phật, hoặc thấy hoặc nghe Kinh Pháp Hoa đó.

聞已信解受持者，當知是人得近阿耨多羅三藐三菩提。

Văn dĩ tín giải thụ trì giả, đương tri thị nhân đắc cận A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.

Nghe xong tin hiểu nhận giữ, nên biết người đó được gần A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.

藥王！譬如有人渴乏須水，於彼高原原穿鑿求之，猶見乾土。

Dược Vương ! Thí như hữu nhân khát phạp tu thủy, ư bĩ cao nguyên xuyên tạc cầu chi, do kiến can thổ.

Dược Vương ! Ví như có người khát cần nước uống, ở trên cao nguyên đào giếng tìm nước, do thấy đất khô.

知水尚遠，施功不已，轉見濕土，遂漸至泥，其心決定，知水必近。

Tri thủy thượng viễn, thi công bất dĩ, chuyển kiến thấp thổ, toại tiệm chí nê, kỳ

tâm quyết định, tri thủy tất cận.

**Biết nước còn xa, thi công không xong,
chuyển thấy đất ẩm, tiến dần tới đất bùn,
tâm họ quyết định, biết nước ắt gần.**

菩薩亦復如是，若未聞未解，未能修習是法華經，
當知是人，去阿耨多羅三藐三菩提尚遠。

**Bồ Tát diệc phục như thị, nhược vị văn vị
giải, vị năng tu tập thị Pháp Hoa Kinh,
đương tri thị nhân, khứ A Nậu Đa La Tam
Miệu Tam Bồ Đề thượng viễn.**

**Bồ Tát cũng lại như thế, nếu chưa nghe,
chưa hiểu, chưa có thể tu luyện Kinh Pháp
Hoa đó, nên biết người đó tới A Nậu Đa La
Tam Miệu Tam Bồ Đề còn xa.**

若得聞解思惟修習，必知得近阿耨多羅三藐三
菩提。

**Nhược đắc văn giải tư duy tu tập, tất tri
đắc cận A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ
Đề.**

**Nếu được nghe hiểu suy nghĩ tu luyện,
nhất định biết được gần A Nậu Đa La Tam
Miệu Tam Bồ Đề.**

所以者何？一切菩薩阿耨多羅三藐三菩提，皆屬此經。此經開方便門，示真實相。

Sở dĩ giả hà ? Nhất thiết Bồ Tát A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, giai thuộc thử Kinh. Thử Kinh khai Phương tiện môn, thị chân thực tướng.

Sở dĩ thế nào ? Tất cả Bồ Tát A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, đều thuộc Kinh này. Kinh này mở môn Phương tiện, tỏ rõ hình tướng chân thực.

是法華經藏，深固幽遠，無人能到，今佛教化成就菩薩，而為開示。

Thị Pháp Hoa Kinh tạng, thâm cố u viễn, vô nhân năng đáo, kim Phật giáo hóa thành tựu Bồ Tát, nhi vị khai thị.

Tạng Kinh Pháp Hoa đó, sâu xa thâm ảo, không có người có thể hiểu đầy đủ, nay Phật giáo hóa thành công Bồ Tát, mà vì mở rộng tỏ rõ.

藥王！若有菩薩聞是法華經，驚疑怖畏，當知是為新發意菩薩。

Dược Vương ! Nhược hữu Bồ Tát văn thị

Pháp Hoa Kinh, kinh nghi bố úy, đương tri thị vi tân phát ý BỒ Tát.

Dược Vương ! Nếu có BỒ Tát nghe Kinh Pháp Hoa đó, kinh hoàng nghi sợ, nên biết người đó là BỒ Tát mới phát ý.

若 聲聞 人聞是經，驚疑怖畏，當知是爲 增上慢者。

Nhược Thanh Văn nhân văn thị Kinh, kinh nghi bố úy, đương tri thị vi tăng thượng mạn giả.

Nếu người Thanh Văn nghe Kinh đó, kinh hoàng nghi sợ, nên biết đó là người kiêu mạn tăng cao.

藥王！若有善男子善女人，如來滅後，欲爲四衆說是法華經者，云何應說？

Dược Vương ! Nhược hữu thiện nam tử thiện nữ nhân, Như Lai diệt hậu, dục vị Tứ Chúng thuyết thị Pháp Hoa Kinh giả, vân hà ứng thuyết ?

Dược Vương ! Nếu có người nam thiện, người nữ thiện sau khi Như Lai tạ thế,

muốn vì Bốn Chúng nói Kinh Pháp Hoa đó, cần nói thế nào ?

是善男子善女人，入如來室著如來衣坐如來座，爾乃應爲四衆廣說斯經。

Thị thiện nam tử thiện nữ nhân, nhập Như Lai thất trước Như Lai y tọa Như Lai tòa, nhĩ nãi ứng vị Tứ Chúng quảng thuyết tư Kinh.

Người nam thiện, người nữ thiện đó, vào phòng của Như Lai, mặc áo của Như Lai, ngồi tòa của Như Lai, khi đó mới nên vì Bốn Chúng rộng nói Kinh này.

如來室者一切衆生中大慈悲心是。如來衣者，柔和忍辱心是。如來座者，一切法空是。

Như Lai thất giả, nhất thiết chúng sinh trung Đại Từ Bi tâm thị. Như Lai y giả nhu hòa Nhẫn nhục tâm thị. Như Lai tòa giả, nhất thiết Pháp Không thị.

Phòng của Như Lai đó, trong tất cả chúng sinh là tâm Đại Từ Bi. Áo của Như Lai đó, là tâm nhu hòa Nhẫn nhịn. Tòa của Như Lai đó, là tất cả Pháp Rỗng

安住是中，然後以不懈怠心，
爲諸菩薩及四衆廣說是法華經。

An trụ thị trung, nhiên hậu dĩ bất giải đãi tâm, vị chư Bồ Tát cập Tứ Chúng quảng thuyết thị Pháp Hoa Kinh.

Yên ở trong đó, sau dùng tâm không lười nhác, vì các Bồ Tát và Bốn Chúng rộng nói Kinh Pháp Hoa đó.

藥王！我於餘國，遣化人爲其集聽法衆，
亦遣化比丘比丘尼優婆塞優婆夷，聽其說法。

Dược Vương ! Ngã ư dư Quốc, khiển hóa nhân vị kỳ tập thính Pháp chúng, diệc khiển hóa Tỳ Kheo Tỳ Kheo ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di, thính kỳ thuyết Pháp.

Dược Vương ! Ta ở Nước khác, sai khiến người được biến hóa, vì người đó tập hợp Chúng nghe Pháp, cũng lại sai khiến nam Tỳ Kheo, nữ Tỳ Kheo, nam Phật Tử nữ Phật Tử được biến hóa, nghe người đó nói Pháp.

是諸化人，聞法信受，

隨順不逆。若說法者在空閒處，我時廣遣天龍鬼神

乾闥婆阿修羅等，聽其說法。

Thị chư hóa nhân, văn Pháp tín thụ, tùy thuận bất nghịch. Nhược thuyết Pháp giả, tại Không gian xứ, Ngã thời khiển Thiên Long Quỷ Thân Kiên Thát Bà A Tu La đảnh, thỉnh kỳ thuyết Pháp.

Những người được biến hóa đó, nghe Pháp tin nhận, thuận theo không nghịch ý. Nếu người nói Pháp ở nơi không gian, Ta thời sai khiển các Trời Rồng Quỷ Thân Kiên Thát Bà A Tu La, nghe người đó nói Pháp.

我雖在異國，時時令說法者得見我身。若於此經忘失句讀，我還爲說令得具足。

Ngã tuy tại dị Quốc, thời thời linh thuyết Pháp giả đắc kiến Ngã thân. Nhược ư thử Kinh vong thất cú độc, Ngã hoàn vị thuyết linh đắc cụ túc.

Ta tuy ở Nước khác, luôn luôn giúp người nói Pháp được thấy thân Ta. Nếu với Kinh này đọc quên mất câu, Ta trở về vì nói giúp cho được đầy đủ.

爾時 世尊 欲重宣此義，而說偈言：

Nhĩ thời Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn :

Khi đó Thế Tôn muốn nói lại nghĩa này mà đọc bài kệ nói rằng :

欲捨諸懈怠 應當聽此經 是經難得聞

Dục xả chư giải đãi. Ứng đương thính thử Kinh. Thệ Kinh nan đắc văn.

Muốn bỏ các lười nhác. Cần phải nghe Kinh này. Kinh đó khó được nghe.

信受者亦難 如人渴須水 穿鑿於高原

Tín thụ giả diệc nan. Như nhân khát tu thủy. Xuyên tạc ư cao nguyên.

Người tin nhận cũng khó. Như người khát cần nước. Đào giếng ở cao nguyên.

猶見乾燥土 知去水尚遠 漸見濕土泥

Do kiến can táo thổ. Tri khứ thủy thượng viễn. Tiệm kiến thấp thổ nê.

Do thấy đất khô ráo. Biết tới nước còn xa. Dân thấy ẩm đất bùn.

決定知近水 藥王 汝當知如是諸人等

Quyết định tri cận thủy. Dược Vương Nhữ

đương tri. Như thị chư nhân đẳng.

**Quyết định biết gần nước. Được Vương
Ngài nên biết. Như thế với những người.**

不聞法華經 去佛智甚遠 若聞是深經

**Bất văn Pháp Hoa Kinh. Khứ Phật Trí thậm
viễn. Nhược văn thị thâm Kinh.**

**Không nghe Kinh Pháp Hoa. Tới Trí Phật
còn xa. Nếu nghe Kinh sâu đó.**

決了聲聞法是諸經之王 聞已諦思惟

**Quyết liễu Thanh Văn Pháp. Thị chư Kinh
chi Vương. Văn dĩ đế tư duy.**

**Quyết bỏ Pháp Thanh Văn. Là Vua của các
Kinh. Nghe xong suy nghĩ kĩ.**

當知此人等 近於佛智慧 若人說此經

**Đương tri thử nhân đẳng. Cận ư Phật Trí
tuệ. Nhược nhân thuyết thử Kinh.**

**Nên biết những người này. Gần với Trí tuệ
Phật. Nếu người nói Kinh này.**

應入如來室 著於如來衣 而坐如來座

**Ứng nhập Như Lai thất. Trước ư Như Lai y.
Nhi tọa Như Lai tòa.**

Nên vào phòng Như Lai. Mặc áo của Như Lai. Ngồi tòa của Như Lai.

處衆無所畏廣爲分別說大慈悲爲室

Xử Chúng vô sở úy. Quảng vị phân biệt thuyết. Đại Từ Bi vi thất.

Trong Chúng không sợ hãi. Rộng vì phân biệt nói. Đại Từ Bi là phòng.

柔和忍辱衣諸法空爲座處此爲說法

Nhu hòa Nhẫn nhục y. Chư Pháp Không vi tòa. Xử thử vị thuyết Pháp.

Áo nhu hòa Nhẫn nhịn. Các Pháp Rỗng là tòa. Ở đây vì nói Pháp.

若說此經時有人惡口罵加刀杖瓦石

Nhược thuyết thử Kinh thời. Hữu nhân ác khẩu mạ. Gia đao trượng ngõa thạch.

Nếu khi nói Kinh này. Có người mắng nhiếc ác. Thêm dao gậy gạch đá.

念佛故應忍我千萬億土現淨堅固身

Niệm Phật cố ưng Nhẫn. Ngã thiên vạn ức thổ. Hiện tịnh kiên cố thân.

Do nhớ Phật nên Nhẫn. Nghìn vạn trăm triệu đất Ta. Hiện thân kiên cố sạch.

於無量億劫 爲衆生說法 若我滅度後

Ư vô lượng ức Kiếp. Vì chúng sinh thuyết Pháp. Nhược Ngã diệt độ hậu.

Với nhiều trăm triệu Kiếp. Vì chúng sinh nói Pháp. Nếu sau Ta tạ thế.

能說此經者 我遣化四衆 比丘 比丘尼

Năng thuyết thử Kinh giả. Ngã khiển hóa Tứ Chúng. Tì Kheo Tì Kheo ni.

Người hay nói Kinh này. Ta khiển hóa Bốn Chúng. Tì Kheo nữ Tì Kheo.

及清淨士女 供養於法師 引導諸衆生

Cập Thanh tịnh Sĩ nữ. Cúng dưỡng ư Pháp sư. Dẫn đạo chư chúng sinh.

Cùng nữ Sĩ Thanh tịnh. Cúng dưỡng cho Thầy Pháp. Dẫn dắt các chúng sinh.

集之令聽法 若人欲加惡 刀杖及瓦石

Tập chi linh thỉnh Pháp. Nhược nhân dục gia ác. Dao trượng cập ngỗ thạch.

Tập hợp giúp nghe Pháp. Nếu người muốn thêm ác. Dao gậy và gạch đá.

則遣變化人 爲之作衛護 若說法之人

Tắc khiển biến hóa nhân. Vì chi tác vệ hộ.

Nhược thuyết Pháp chi nhân.

Ta khiến người biến hóa. Vì làm giúp bảo vệ. Nếu người đó nói Pháp.

獨在空閒處寂寞無人聲讀誦此經典

Độc tại không gian xứ. Tịch tịch vô nhân thanh. Độc tụng thử Kinh điển.

Một mình nơi không gian. Vắng lặng không tiếng người. Đọc tụng Kinh điển này.

我爾時爲現清淨光明身若忘失章句

Ngã nhĩ thời vị hiện. Thanh tịnh Quang minh thân. Nhược vong thất chương cú.

Ta lúc đó sẽ hiện. Thân Quang sáng Thanh tịnh. Nếu quên mất câu đoạn.

爲說令通利若人具是德或爲四衆說

Vị thuyết linh thông lợi. Nhược nhân cụ thị Đức. Hoặc vị Tứ Chúng thuyết.

Vì nói giúp thông lợi. Nếu người đủ Đức đó. Hoặc vì Bốn Chúng nói.

空處讀誦經皆得見我身若人在空閒

Không xứ độc tụng Kinh. Giai đắc kiến Ngã thân. Nhược nhân tại không gian.

Nơi trống đọc tụng Kinh. Đều được thấy thân Ta. Nếu người ở không gian.

我遣天 龍王 夜叉 鬼神等 爲作聽法衆

Ngã khiến Thiên Long vương. Dạ Xoa Quỷ Thần đẳng. Vì tác thính Pháp Chúng.

Ta khiến Trời Vua Rồng. Các Dạ Xoa Quỷ Thần. Vì làm Chúng nghe Pháp.

是人樂說法 分別無罣礙 諸佛護念故

Thị nhân nhạo thuyết Pháp. Phân biệt vô quải ngại. Chư Phật hộ niệm cố.

Người đó ham nói Pháp. Phân biệt không trở ngại. Do các Phật nhớ giúp.

能令大衆喜 若親近法師 速得菩薩道

Năng linh Đại Chúng hỉ. Nhược thân cận Pháp sư. Tốc đắc Bồ Tát Đạo.

Hay giúp Đại Chúng vui. Nếu thân thiết Thầy Pháp. Nhanh được Đạo Bồ Tát.

隨順是師學 得見恒沙佛

Tùy thuận thị Sư học. Đắc kiến Hằng sa Phật.

Thuận theo học Thầy đó. Được thấy Hằng sa Phật.

妙法蓮華經見寶塔品第十一

Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Kiến bảo Tháp phẩm đệ thập nhất.

**Kinh Diệu Pháp Liên Hoa phẩm thứ 11
Thấy Tháp báu.**

爾時佛前有七寶塔，高五百由旬，
縱廣二百五十由旬，從地踊出，住在空中。

**Nhĩ thời Phật tiền hữu thất bảo Tháp, cao
ngũ bách Do tuần, túng quảng nhị bách
ngũ thập Do tuần, tòng địa dũng xuất, trụ
tại không trung.**

**Lúc đó ở trước Phật có Tháp bảy báu, cao
khoảng 10 nghìn km, rộng khoảng 5 nghìn
km, từ đất bay ra, ở trong không trung.**

種種寶物而莊校之，五千欄楯，龕室千萬，
無數幢幡以為嚴飾，垂寶瓔珞，寶鈴萬億而懸其上。

**Chủng chủng bảo vật nhi trang hiệu chi,
ngũ thiên lan tuần, khám thất thiên vạn,**

vô số tràng phan dĩ vi nghiêm sức, thùy bảo anh lạc, bảo linh vạn ức nhi huyền kỳ thượng.

Đủ loại báu vật dùng để trang trí, 5 nghìn khiên gỗ, khám thờ nghìn vạn, vô số cờ phướn dùng để nghiêm đẹp, treo chuỗi ngọc quý, linh báu vạn trăm triệu mà treo trên đó.

四面皆出多摩羅跋梅檀之香，充遍世界。其諸幡蓋，以金銀琉璃 碑磬 馬腦真珠玫瑰，七寶合成，高至四天王宮。

Tứ diện giai xuất Đa ma la bạt Chiên đàn chi hương, sung biến Thế giới. Kỳ chư phan cái, dĩ kim ngân lưu ly xa cừ mã não chân châu mai côi, thất bảo hợp thành, cao chí tứ Thiên vương cung.

Bốn phía đều bay ra hương Đa ma la bạt Chiên đàn, tràn đầy Thế giới. Các phướn lọng đó, dùng vàng bạc lưu ly xà cừ mã não trân châu mai côi, bảy báu hợp thành, cao tới cung điện của bốn Vua Trời.

三十三天雨天 曼陀羅華，供養寶塔，
餘諸天龍夜叉乾闥婆

阿修羅迦樓羅緊那羅摩睺羅伽，

**Tam thập tam Thiên vú Thiên Man đà la
hoa, cúng dưỡng bảo Tháp, dư chư Thiên
Long Dạ Xoa Kiên Thát Bà, A Tu La, Ca
Lâu La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già,
Trời Đao Lợi rơi xuống hoa Sen trắng nhỏ
Trời, cúng dưỡng Tháp báu, các Trời khác
Rồng, Dạ Xoa, Kiên Thát Bà, A Tu La, Ca
Lâu La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già,**
人非人等千萬億眾，以一切華香瓔珞旛蓋伎樂，
供養寶塔，恭敬尊重讚歎。

**Nhân phi Nhân đẳng thiên vạn ức Chúng,
dĩ nhất thiết hoa hương anh lạc phan cái
kĩ nhạc, cúng dưỡng bảo Tháp, cung kính
tôn trọng tán thán.**

**Người không phải Người và nghìn vạn
trăm triệu chúng sinh, dùng tất cả hương
hoa chuỗi ngọc phướn lọng kĩ nhạc, cúng
dưỡng Tháp báu, cung kính tôn trọng ca
ngợi.**

爾時寶塔中出大音聲，歎言：善哉，善哉！釋迦牟尼世尊。

Nhĩ thời bảo Tháp trung xuất đại âm thanh, thán ngôn : Thiện tai, thiện tai ! Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn.

Lúc đó trong Tháp báu phát ra âm thanh lớn, khen ngợi nói rằng : Thiện thay, thiện thay ! Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn.

能以平等大慧，教菩薩法，佛所護念，妙法華經，爲大眾說，如是，如是！

Năng dĩ bình đẳng đại Huệ, giáo Bồ Tát Pháp, Phật sở hộ niệm, Diệu Pháp Hoa Kinh, vị Đại Chúng thuyết, như thị, như thị !

Hay dùng Trí lớn bình đẳng, dạy Pháp Bồ Tát, được Phật nhớ giúp, Kinh Diệu Pháp Hoa, vì Đại Chúng nói, như thế, đúng như thế !

釋迦牟尼世尊，如所說者，皆是真實。爾時四眾見大寶塔住在空中。

Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn, như sở thuyết giả, giai thị chân thực. Nhĩ thời Tứ Chúng

kiến đại bảo Tháp trụ tại không trung.
Pháp được Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn nói
như thế, đều là chân thực. Lúc đó Bốn
Chúng thấy Tháp báu lớn dừng ở trong
không trung.

又聞塔中所出音聲，皆得法喜，怪
未曾有。從座而起，恭敬合掌，卻住一面。

Hựu văn Tháp trung sở xuất âm thanh, giai
đắc Pháp hỉ, quái vị tăng hữu. Tông tòa
nhi khởi, cung kính hợp chưởng, khước trụ
nhất diện.

Lại nghe trong Tháp phát ra âm thanh,
đều được vui vẻ, lạ chưa từng có. Từ chỗ
ngồi mà đứng dậy, cung kính chấp tay, lùi
dừng ở một bên.

爾時有菩薩摩訶薩，名大樂說，知一切世間，
天人阿修羅等，心之所疑，而白佛言：

Nhĩ thời hữu Bồ Tát Ma Ha Tát, danh Đại
Nhạo Thuyết, tri nhất thiết Thế gian,
Thiên nhân A Tu La đẳng, tâm chi sở
nghi, nhi bạch Phật ngôn：

Lúc đó có Bồ Tát Bồ Tát lớn, tên là Đại

Nhạo Thuyết, biết tất cả Thế gian, người Trời A Tu La, tâm bị nghi hoặc, mà báo cáo Phật nói rằng :

世尊！以何因緣有此寶塔，從地踊出，
又於其中發是音聲？

Thế Tôn ! Dĩ hà Nhân duyên hữu thử bảo Tháp, tòng địa dũng xuất, hựu ư kỳ trung phát thị âm thanh?

Thế Tôn ! Do Nhân duyên gì có Tháp báu này, từ đất bay ra, lại ở trong nó phát ra âm thanh như thế ?

爾時佛告大樂說菩薩：此寶塔中有如來全身。

Nhĩ thời Phật cáo Đại Nhạo Thuyết Bồ Tát. Thử bảo Tháp trung hữu Như Lai toàn thân.

Khi đó Phật bảo Đại Nhạo Thuyết Bồ Tát. Trong Tháp báu này có toàn thân Như Lai.

乃往過去東方無量千萬億阿僧祇世界，國名寶淨。

Nãi vãng Quá khứ Đông phương vô lượng thiên vạn ức A tăng kì Thế giới, Quốc danh Bảo Tịnh.

Trở lại Quá khứ phương Đông vô lượng

**ngàn vạn trăm triệu A tăng kì Thế giới,
tên Nước là Bảo Tịnh.**

彼中有佛，號曰多寶。其佛行菩薩道時，
作大誓願。

**Bỉ trung hữu Phật, hiệu viết Đa Bảo. Kỳ
Phật hành Bồ Tát Đạo thời, tác đại thệ
nguyện.**

**Trong Nước có Phật, tên hiệu Đa Bảo. Khi
Phật đó thực hành Đạo Bồ Tát, làm thệ
nguyện lớn.**

若我成佛，滅度之後，於十方國土有說法華經
處。

**Nhược Ngã thành Phật, diệt độ chi hậu, ư
thập phương Quốc thổ hữu thuyết Pháp
Hoa Kinh xứ.**

**Nếu Con thành Phật, sau khi tạ thế, ở Đất
nước mười phương nơi có nói Kinh Pháp
Hoa.**

我之塔廟，爲聽是經故，踊現其前，爲作證明，讚言：
善哉！

**Ngã chi Tháp Miếu, vị thính thị Kinh cổ,
dũng hiện kỳ tiền, vị tác chứng minh, tán**

ngôn : Thiện tai !

Con và Tháp miếu, do vì nghe Kinh đó, bay hiện ở trước nơi đó, vì làm chứng minh, khen ngợi nói rằng : Thiện thay !

彼佛成道已，臨滅度時，於天人大眾中，告諸比丘。

Bỉ Phật thành Đạo dĩ, lâm diệt độ thời, ư Thiên nhân Đại Chúng trung, cáo chư Tì Kheo.

Phật đó đã thành Đạo, lúc sắp tạ thế, ở trong người Trời Đại Chúng, bảo các Tì Kheo.

我滅度後，欲供養我全身者，應起一大塔。

Ngã diệt độ hậu, dục cúng dưỡng Ngã toàn thân giả, ưng khởi nhất đại Tháp.

Sau Ta tạ thế, muốn cúng dưỡng toàn thân Ta, cần xây dựng một Tháp lớn.

其佛以神通願力，十方世界，在在處處，若有說法華經者，彼之寶塔，皆踊出其前，全身在於塔中，讚言：善哉，善哉！

Kỳ Phật dĩ Thân thông nguyện lực, thập phương Thế giới, tại tại xứ xứ, nhược hữu thuyết Pháp Hoa Kinh giả, bỉ chi bảo

Tháp, giai dũng xuất kỳ tiền, toàn thân tại ư Tháp trung, tán ngôn : Thiện tai, thiện tai !

**Phật đó dùng lực nguyện Thân thông, ở Thế giới mười phương, bất kỳ nơi nào, nếu có người nói Kinh Pháp Hoa, Tháp báu của Phật, đều xuất hiện trước họ, toàn thân ở trong Tháp, khen ngợi nói rằng :
Thiện thay, thiện thay !**

大樂說！今多寶如來塔，聞說法華經
故，從地踊出，讚言：善哉，善哉！

Đại Nhạo Thuyết ! Kim Đa Bảo Như Lai Tháp, văn thuyết Pháp Hoa Kinh cố, tòng địa dũng xuất, tán ngôn : Thiện tai, thiện tai !

**Đại Nhạo Thuyết ! Nay Tháp của Đa Bảo Như Lai, do nghe nói Kinh Pháp Hoa, từ đất bay ra, khen ngợi nói rằng :
Thiện thay, thiện thay !**

是時大樂說菩薩，以如來神力故，白佛言：世尊！
我等願欲見此佛身。

Thị thời Đại Nhạo Thuyết Bồ Tát, dĩ Như

Lai Thần lực cố, bạch Phật ngôn : Thế Tôn ! Ngã đẳng nguyện dục kiến thử Phật thân.

Khi đó Đại Nhạo Thuyết Bồ Tát, vì do Thần lực của Như Lai, báo cáo Phật nói rằng : Thế Tôn ! Chúng con nguyện muốn thấy thân Phật này.

佛告大樂說 菩薩 摩訶薩, 是多寶佛有深重願。

Phật cáo Đại Nhạo Thuyết Bồ Tát Ma Ha Tát, thị Đa Bảo Phật hữu thâm trọng nguyện.

Phật bảo Đại Nhạo Thuyết Bồ Tát Bồ Tát lớn, Đa Bảo Phật đó có lời nguyện sâu nặng.

若我寶塔, 爲聽 法華經 故出於諸佛前時,
其有欲以我身示 四眾 者。

Nhược Ngã bảo Tháp vị thính Pháp Hoa Kinh cố, xuất ư chư Phật tiền thời, kỳ hữu dục dĩ Ngã thân thị Tứ Chúng giả.

Nếu Tháp báu của Ta vì nghe Kinh Pháp Hoa, khi hiện ra trước các Phật, Phật đang

**nói Pháp muốn dùng thân Ta hiện ra trước
Bốn Chúng.**

彼佛分身諸佛，在於十方世界說法，盡還集一處，
然後我身乃出現耳。

**Bỉ Phật phân thân chư Phật, tại ư thập
phương Thế giới thuyết Pháp, tận hoàn
tập nhất xứ, nhiên hậu Ngã thân nãi xuất
hiện nhĩ.**

**Các phân thân (hóa thân) của Phật đang
nói Pháp ở Thế giới mười phương, tất cả
cần tập trung lại một nơi, sau đó thân Ta
mới xuất hiện.**

大樂說！我分身諸佛，在於十方
世界說法者今應當集。大樂說白佛言：

**Đại Nhạo Thuyết ! Ngã phân thân chư
Phật, tại ư thập phương Thế giới thuyết
Pháp giả, kim ứng đương tập. Đại Nhạo
Thuyết Bồ Tát bạch Phật ngôn :**

**Đại Nhạo Thuyết ! Các Phật phân thân của
Ta, đang nói Pháp tại Thế giới mười
phương, nay cần phải tập hợp lại. Đại
Nhạo Thuyết báo cáo Phật nói rằng :**

世尊！我等亦願欲見世尊分身諸佛禮拜供養。

**Thế Tôn ! Ngã đẳng diệc nguyện dục kiến
Thế Tôn phân thân chư Phật, lễ bái cúng
dưỡng.**

**Thế Tôn ! Chúng con cũng muốn thấy các
Phật phân thân của Thế Tôn, lễ bái cúng
dưỡng.**

爾時佛放白毫一光，即見東方五百萬億
那由他恒河沙等 國土諸佛。

**Nhĩ thời Phật phóng bạch hào nhất quang,
tức kiến Đông phương ngũ bách vạn ức Na
do tha Hằng hà sa đẳng Quốc thổ chư
Phật.**

**Lúc đó Phật phóng một hào quang trắng,
liền thấy phương Đông 500 vạn trăm triệu
Na do tha các Hằng hà sa Đất nước các
Phật.**

彼諸 國土 皆以琉璃爲地，寶樹寶衣以爲莊嚴，
無數千萬億 菩薩 充滿其中，遍張寶幔，寶網羅上。

**Bỉ chư Quốc thổ giai dĩ pha lê vi địa, bảo
thụ bảo y dĩ vi trang nghiêm, vô số thiên
vạn ức Bồ Tát sung mãn kỳ trung, biến**

trương bảo mạn, bảo võng la thượng.
Các Đất nước đó đều lấy lưu ly là đất, cây
báu áo báu dùng để trang nghiêm, vô số
nghìn vạn trăm triệu Bồ Tát ở đây trong
đó, màn báu căng khắp nơi, võng báu đầy
bên trên.

彼國諸佛，以大妙音而說諸法，及見無量千萬億
菩薩。

Bỉ Quốc chư Phật, dĩ đại diệu âm, nhi
thuyết chư Pháp, cập kiến vô lượng thiên
vạn ức Bồ Tát.

Các Phật của Nước đó, dùng âm vi diệu
lớn mà nói các Pháp và thấy vô lượng
nghìn vạn trăm triệu Bồ Tát.

遍滿諸國爲眾說法，南西北方，四維上下，
白毫相光所照之處，亦復如是。

Biển mãn chư Quốc vị Chúng thuyết Pháp,
Nam Tây Bắc phương tứ Duy Thượng Hạ,
bạch hào tướng quang sở chiếu chi xứ,
diệc phục như thị.

Đầy khắp các Nước vì chúng sinh nói
Pháp, phương Nam Tây Bắc bốn Hướng

Trên Dưới, các nơi tướng hào quang trắng chiếu sáng, cũng lại như thế.

爾時十方諸佛各告眾菩薩言：善男子！

我今應往娑婆世界，釋迦牟尼佛所，并供養多寶如來寶塔。

Nhĩ thời thập phương chư Phật, các cáo chúng Bồ Tát ngôn : Thiện nam tử ! Ngã kim ứng vãng Sa Bà Thế giới, Thích Ca Mâu Ni Phật sở, tịnh cúng dưỡng Đa Bảo Như Lai bảo Tháp.

Lúc đó các Phật mười phương, đều bảo các Bồ Tát nói rằng : Người nam thiện ! Ta nay cần đi tới Sa Bà Thế giới, nơi ở của Thích Ca Mâu Ni Phật, cùng cúng dưỡng Tháp báu của Đa Bảo Như Lai.

時娑婆世界即變清淨，琉璃爲地寶樹莊嚴，黃金爲繩以界八道。

Thời Sa Bà Thế giới tức biến Thanh tịnh. Lưu ly vi địa bảo thụ trang nghiêm hoàng kim vi thẳng dĩ giới bát đạo.

Thời Sa Bà Thế giới tức thời biến thành Thanh tịnh. Lưu ly là đất cây báu trang

nghiêm dây bằng vàng ròng ngần tám đạo lộ.

無諸聚落村營城邑大海江河山川林藪。燒
大寶香曼陀羅華遍布其地。

**Vô chư tụ lạc thôn doanh thành ấp, đại hải
giang hà sơn, xuyên lâm tẩu. Thiêu đại
bảo hương Man đà la hoa, biến bố kỳ địa.
Không có làng xóm doanh trại thành ấp,
sông ngòi biển lớn, núi đồng bằng hồ lớn.
Đốt hương báu lớn hoa Sen trắng nhỏ, rải
khắp đất đó.**

以寶網幔羅覆其上，懸諸寶鈴。唯留此會眾，
移諸天人置於他土。

**Dĩ bảo võng mạn la phúc kỳ thượng,
huyền chư bảo linh. Duy lưu thử Hội
chúng, di chư Thiên nhân trí ư tha thổ.
Dùng trướng báu võng báu phủ khắp lên
trên, treo các linh báu. Duy chỉ lưu lại các
chúng sinh của Hội này, chuyển các người
Trời xếp đặt ở đất khác.**

是時諸佛，各將一大菩薩以為侍者，至娑婆世界，
各到寶樹下。

Thị thời chư Phật, các tướng nhất đại Bồ Tát dĩ vi thị giả, chí Sa Bà Thế giới, các đáu bảo thụ hạ.

Khi đó các Phật, đều cùng với một Bồ Tát lớn nhất dùng làm người trợ giúp, đi tới Sa Bà Thế giới, đều tới ngồi dưới cây báu.

一一寶樹，高五百由旬，枝葉華果，次第莊嚴。諸寶樹下，皆有師子之座，高五由旬，亦以大寶而校飾之。

Nhất nhất bảo thụ, cao ngũ bách Do tuần, chi diệp hoa quả, thứ đệ trang nghiêm. Chư bảo thụ hạ, giai hữu Sư Tử chi tòa, cao ngũ Do tuần, diệp dĩ đại bảo nhi hiệu sức chi.

Mỗi một cây báu, cao 10 nghìn km, cành lá hoa quả, thứ tự trang nghiêm. Dưới các cây báu, đều có tòa Pháp, cao 100 km, cũng dùng vật báu làm đồ trang sức.

爾時諸佛各於此座結加趺坐，如是展轉，遍滿三千大千世界。而於釋迦牟尼佛，一方所分之身，猶故未盡。

Nhĩ thời chư Phật các ư thử tòa Kết già

phu tọa, như thị triển chuyển, biến mãn Tam thiên Đại thiên Thế giới. Nhi ư Thích Ca Mâu Ni Phật, nhất phương sở phân chi thân, do cố vị tận.

Lúc đó các Phật đều ngồi xếp bằng Kết già ở trên tòa này, lần lượt chuyển lên, đầy khắp Ba nghìn Đại thiên Thế giới. Mà với Thích Ca Mâu Ni Phật, hóa thân của một phương, do còn chưa đến hết.

時 釋迦牟尼佛，欲容受所分身諸佛 故，
八方各更變二百萬億 那由他 國。

Thời Thích Ca Mâu Ni Phật, dục dung thụ sở phân thân chư Phật cố, bát phương các cánh biến nhị bách vạn ức Na do tha Quốc.

Thời Thích Ca Mâu Ni Phật, do muốn thu dụng các Phật được biến hóa, tám phương đều lại biến ra hai trăm vạn trăm triệu Na do tha Nước.

皆令清淨，無有 地獄 餓鬼 畜生及阿修羅，
又移諸天人置於他土。

Giai linh Thanh tịnh, vô hữu Địa ngục nga

Quý Súc sinh cập A Tu La, hựu di chư Thiên nhân trí ư tha thổ.

Đều làm cho Thanh tịnh, không có Địa ngục Quý đói Súc sinh và A Tu La, lại di chuyển các người Trời sang đất khác.

所化之國，亦以琉璃爲地寶樹莊嚴，樹高五百由旬，枝葉華果次第嚴飾。

Sở hóa chi Quốc, diệp dĩ lưu ly vi địa bảo thụ trang nghiêm, thụ cao ngũ bách Do tuần, chi diệp hoa quả, thứ đệ nghiêm sức.

Nước được hóa ra, cũng dùng lưu ly là đất cây báu trang nghiêm, cây cao 10 nghìn km, cành lá hoa quả, lần lượt nghiêm đẹp.

樹下皆有寶師子座，高五由旬，種種諸寶以爲莊校，亦無大海江河。

Thụ hạ giai hữu bảo Sư Tử tòa, cao ngũ Do tuần, chủng chủng chư bảo dĩ vi trang hiệu, diệp vô đại hải giang hà.

Dưới cây đều có tòa Sư Tử báu, cao 100 km, đủ loại vật báu dùng để trang sức, cũng không có sông ngòi biển lớn.

及目真鄰陀山 摩訶目真鄰陀山 鐵圍山 大鐵圍山
須彌山 等諸山王，通爲一佛國土。

**Cập Mục chân lân đà sơn, Ma ha Mục chân
lân đà sơn, Thiết vi sơn đại Thiết vi sơn,
Tu Di sơn đẳng chư Sơn vương, thông vi
nhất Phật Quốc thổ.**

**Và núi Mục chân lân đà, núi Mục chân lân
đà lớn, núi Thiết vi núi Thiết vi lớn, núi Tu
Di cùng với các núi lớn nhất, thông suốt
làm một Đất nước Phật.**

寶地平正，寶交露幔遍覆其上，懸諸旛蓋，燒大寶
香，諸天寶華遍布其地。

**Bảo địa bình chính, bảo giao lộ mạn biến
phúc kỳ thượng, huyền chư phan cái,
thiên đại bảo hương, chư Thiên bảo hoa
biến bố kỳ địa.**

**Đất báu bằng phẳng, màn sương báu nối
nhau tỏa đầy che đất, treo các phướn
lọng, đốt hương báu lớn, các hoa báu Trời
rắc đầy trên đất đó.**

釋迦牟尼佛，爲諸佛當來坐故，
復於八方各更變二百萬億那由他國。

Thích Ca Mâu Ni Phật, vị chư Phật đương lai tọa cố, phục ư bát phương các cánh biển nhị bách vạn ức Na do tha Quốc.

Thích Ca Mâu Ni Phật, vì các Phật sắp đến ngôi, lại ở tám phương đều lại biến ra hai trăm vạn trăm triệu Na do tha đất.

皆令清淨,無有 地獄 餓鬼 畜生及阿修羅,
又移諸天人置於他土。

Giai linh Thanh tịnh, vô hữu Địa ngục nga Quỷ Súc sinh cập A Tu La, hựu di chư Thiên nhân trí ư tha thổ.

Đều làm cho Thanh tịnh, không có Địa ngục Quỷ đói Súc sinh và A Tu La, lại di chuyển các người Trời xếp đặt ở đất khác.

所化之國,亦以琉璃爲地,寶樹莊嚴,樹高 五百由旬,
枝葉華果次第莊嚴。

Sở hóa chi Quốc, diệp dĩ lưu ly vi địa, Bảo thụ trang nghiêm, thụ cao ngũ bách Do tuần, chi diệp hoa quả, thứ đệ trang nghiêm.

Nước được biến hóa cũng dùng lưu ly là đất, cây báu trang nghiêm, cây cao 10

ngàn km, cành lá hoa quả, lần lượt trang nghiêm.

樹下皆有寶師子座，高五由旬，亦以大寶而校飾之，亦無大海江河。

Thụ hạ giai hữu Bảo Sư Tử tòa, cao ngũ Do tuần, diệc dĩ đại bảo nhi hiệu sức chi, diệc vô đại hải giang hà.

Dưới cây đều có tòa Sư Tử báu, cao 100 km, cũng dùng vật báu lớn mà để trang sức, cũng không có sông ngòi biển lớn.

及目真鄰陀山 摩訶目真鄰陀山 鐵圍山 大鐵圍山 須彌山 等諸山王，通爲一佛國土。

Cập Mục chân lân đà sơn, Ma ha Mục chân lân đà sơn, Thiết vi sơn, đại Thiết vi sơn, Tu Di sơn đẳng chư sơn vương, thông vi nhất Phật Quốc thổ.

Và núi Mục chân lân đà, núi Mục chân lân đà lớn, núi Thiết vi, núi Thiết vi lớn, núi Tu Di cùng với các núi lớn nhất, thông suốt làm một Đất nước Phật.

寶地平正，寶交露幔遍覆其上，懸諸旛蓋，燒大寶香，諸天寶華遍布其地。

**Bảo địa bình chính, bảo giao lộ mạn biển
phúc kỳ thượng, huyền chư phan cái,
thiên đại bảo hương, chư Thiên bảo hoa
biển bố kỳ địa.**

**Đất báu bằng phẳng, mạn sương báu giao
nhau tỏa đầy lên đất, treo các phướn lọng,
đốt hương báu lớn, các hoa báu Trời rắc
đầy trên đất đó.**

爾時東方 釋迦牟尼佛 所分之身, 百千萬億 那由他
恒河沙等 國土 中諸佛, 各各說法, 來集於此。

**Nhĩ thời Đông phương Thích Ca Mâu Ni
Phật sở phân chi thân, bách thiên vạn ức
Na do tha Hằng hà sa đẵng Quốc thổ trung
chư Phật, các các thuyết Pháp, lai tập ư
thử.**

**Lúc đó phân thân của Thích Ca Mâu Ni
Phật ở phương Đông, các Phật trong trăm
nghìn vạn trăm triệu Na do tha các Hằng
hà sa Đất nước, từng Phật nói Pháp, đến
tập hợp ở đây.**

如是次第 十方 諸佛, 皆悉來集,
坐於八方。爾時一一方, 四百萬億 那由他 國土,

諸佛 如來 遍滿其中。

Như thị thứ đệ thập phương chư Phật, giai tất lai tập, tọa ư bát phương. Nhĩ thời nhất nhất phương, tứ bách vạn ức Na do tha Quốc thổ, chư Phật Như Lai biến mãn kỳ trung.

Như thế lần lượt các Phật mười phương, đều cùng tới tập hợp, ngồi ở tám phương. Khi đó mỗi một phương, 400 vạn trăm triệu Na do tha Đất nước, các Phật Như Lai ở đây trong đó.

是時諸佛，各在寶樹下坐師子座，皆遣侍者，問訊釋迦牟尼佛，各齎寶華滿掬，而告之言：

Thị thời chư Phật, các tại bảo thụ hạ tọa Sư Tử tòa, giai khiển thị giả, vấn tấn Thích Ca Mâu Ni Phật, các tê bảo hoa mãn cúc, nhi cáo chi ngôn :

Khi đó các Phật, đều ngồi trên tòa Sư Tử dưới cây báu, đều sai khiến người trợ giúp, thăm hỏi Thích Ca Mâu Ni Phật, đều mang theo nhiều hoa báu và bảo người đó nói rằng :

善男子！汝往詣耆闍山，釋迦牟尼佛所，如我辭曰：
Thiện nam tử！Nhữ vãng nghệ Kỳ Đô Quật sơn, Thích Ca Mâu Ni Phật sở, như Ngã từ viết：

Người nam thiện！Ngài đi tới núi Kỳ Đô Quật, nơi ở của Thích Ca Mâu Ni Phật, như Ta nói đây：

少病少惱，氣力安樂，及菩薩聲聞
衆及菩薩聲聞衆，悉安穩不？

**Thiểu bệnh thiểu não, khí lực an lạc, cập Bồ Tát Thanh Văn chúng, tất an ổn phủ？
Ít bệnh, ít Phiền não, khí lực yên vui và các Thanh Văn Bồ Tát, đều yên ổn phải không？**

以此寶華散佛供養，而作是言。彼某甲佛，
與欲開此寶塔。諸佛遣使，亦復如是。

Dĩ thử bảo hoa tán Phật cúng dưỡng, nhi tác thị ngôn. Bĩ mỗ giáp Phật, dĩ dục khai thử bảo Tháp, chư Phật khiển sử, diệc phục như thị.

Dùng hoa báu này rắc lên cúng dưỡng Phật và làm lời nói đó. Tên Phật như thế,

cùng muốn mở Tháp báu này. Người sai khiến của các Phật cũng lại làm như thế.

爾時 釋迦牟尼佛，
見所分身佛悉已來集。各各坐於師子之座，
皆聞諸佛，與欲同開寶塔。

Nhĩ thời Thích Ca Mâu Ni Phật, kiến sở phân thân Phật tất dĩ lai tập. Các các tọa ư Sư Tử chi tòa, giai văn chư Phật, dĩ dục đồng khai bảo Tháp.

Lúc đó Thích Ca Mâu Ni Phật, thấy Phật phân thân, đã tập hợp hết. Từng Phật ngồi trên tòa Sư Tử, đều nghe thấy các Phật, đều muốn cùng mở Tháp báu.

即從座起,住虛空中,一切 四眾,起立合掌,
一心觀佛。

Tức tòng tòa khởi, trụ hư không trung, nhất thiết Tứ Chúng, khởi lập hợp chưởng, nhất tâm quan Phật.

Tức thời từ chỗ ngồi đứng dậy, dừng ở trên khoảng không, tất cả bốn Chúng, đứng dậy chấp tay, nhất tâm quan sát Phật.

於是釋迦牟尼佛，以右指開七寶塔戶，出大音聲，如卻關鑰，開大城門。

Ư thị Thích Ca Mâu Ni Phật, dĩ hữu chỉ khai thất bảo Tháp hộ, xuất đại âm thanh, như khước quan thược, khai đại thành môn.

Khi đó Thích Ca Mâu Ni Phật, dùng ngón tay phải mở cửa Tháp bảy báu, phát ra âm thanh lớn, như rút khóa cửa, mở cửa thành lớn.

即時一切眾會，皆見多寶如來，於寶塔中坐師子座，全身不散，如入禪定。

Tức thời nhất thiết Chúng hội, giai kiến Đa Bảo Như Lai, ư bảo Tháp trung tọa Sư Tử tòa, toàn thân bất tán, như nhập Thiền Định.

Tức thời tất cả hội Chúng, đều thấy Đa Bảo Như Lai, ngồi ở tòa Sư Tử trong Tháp báu, toàn thân không hoại, như nhập vào Thiền Định.

又聞其言：善哉，善哉！釋迦牟尼佛，快說是法華經，我為聽是經故，而來至此。

**Hựu văn kỳ ngôn : Thiện tai, thiện tai !
Thích Ca Mâu Ni Phật, khoái thuyết thị
Pháp Hoa Kinh, Ngã vị thính thị Kinh cố,
nhi lai chí thử.**

**Lại nghe Phật nói rằng : Thiện thay, thiện
thay ! Thích Ca Mâu Ni Phật, nhanh nói
Kinh Pháp Hoa đó, Ta vì nghe Kinh đó mà
đi tới nơi này.**

爾時四眾等，見過去無量千萬億劫滅度佛，
說如是言，歎未曾有。

**Nhĩ thời Tứ Chúng đấng, kiến Quá khứ vô
lượng thiên vạn ức Kiếp diệt độ Phật,
thuyết như thị ngôn, thán vị tăng hữu.**

**Khi đó các Bốn Chúng thấy Phật Quá khứ
tạ thế vô lượng nghìn vạn trăm triệu Kiếp,
nói lời như thế, khen ngợi chưa từng có.**

以天寶華聚，散多寶佛及釋迦牟尼佛
上。爾時多寶佛，於寶塔中分半座與釋迦牟尼佛，
而作是言。

**Dĩ Thiên bảo hoa tụ, tán Đa Bảo Phật cập
Thích Ca Mâu Ni Phật thượng. Nhĩ thời Đa
Bảo Phật ư bảo Tháp trung, phân bán tòa**

dữ Thích Ca Mâu Ni Phật, nhi tác thị ngôn. Dùng nhiều hoa báu Trời, tung lên trên Đa Bảo Như Lai và Thích Ca Mâu Ni Phật. Lúc đó Đa Bảo Phật ở trong Tháp báu, phân nửa tòa cho Thích Ca Mâu Ni Phật mà làm lời nói như thế.

釋迦牟尼佛可就此座。即時釋迦牟尼佛，入其塔中，坐其半座，結加趺坐。

Thích Ca Mâu Ni Phật khả tự thử tòa. Tức thời Thích Ca Mâu Ni Phật, nhập kỳ Tháp trung, tọa kỳ bán tòa, Kết già phu tọa.

Thích Ca Mâu Ni Phật có thể ngồi ở tòa này. Tức thời Thích Ca Mâu Ni Phật nhập vào trong Tháp đó, ngồi vào nửa tòa đó, ngồi xếp bằng Kết già.

爾時大眾見二如來，在七寶塔中，師子座上結加趺坐。

Nhĩ thời Đại Chúng kiến nhị Như Lai, tại thất bảo Tháp trung, Sư Tử tòa thượng, Kết già phu tọa.

Khi đó Đại Chúng thấy hai Như Lai ở trong

Tháp bảy báu ngời, trên tòa Sư Tử, ngời xếp bằng Kết già.

各作是念。佛座高遠，唯願如來以神通力，令我等輩俱處虛空。

Các tác thị niệm. Phật tọa cao viễn, duy nguyện Như Lai dĩ Thần thông lực, linh Ngã đẳng bối câu xử hư không.

Đều làm suy ngẫm đó. Phật ngời cao xa, chỉ muốn Như Lai dùng lực Thần thông, giúp cho Chúng con ngang bằng, đều ở trong khoảng không.

即時釋迦牟尼佛，以神通力，接諸大眾皆在虛空，以大音聲普告四眾。

Tức thời Thích Ca Mâu Ni Phật, dĩ Thần thông lực, tiếp chư Đại Chúng giai tại hư không, dĩ đại âm thanh phổ cáo Tứ Chúng.

Tức thời Thích Ca Mâu Ni Phật, dùng lực Thần thông, tiếp đón các Đại Chúng ở trong khoảng không, dùng âm thanh lớn bảo Bốn Chúng khắp nơi.

誰能於此 娑婆 國土，廣說妙 法華經，今正是時，
如來 不久當 入涅槃，佛欲以此妙法華經，
付囑有在。

**Thùy năng ư thử Sa Bà Quốc thổ, quảng
thuyết Diệu Pháp Hoa Kinh, kim chính thị
thời, Như Lai bất cửu đương nhập Niết
Bàn, Phật dục dĩ thử Diệu Pháp Hoa Kinh,
phó chúc hữu tại.**

**Ai hay ở Đất nước Sa Bà này, rộng nói
Kinh Diệu Pháp Hoa, nay chính là lúc, Như
Lai không lâu sẽ nhập Niết Bàn, Phật
muốn dùng Kinh Diệu Pháp Hoa này, phó
thác tại đây.**

爾時世尊欲重宣此義而說偈言：

**Nhĩ thời Thế Tôn dục trùng tuyên thử
nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn：**

**Lúc đó Thế Tôn muốn nói lại nghĩa này,
mà đọc bài kệ nói rằng：**

聖主世尊 雖久滅度 在寶塔中 尚爲法來

**Thánh chủ Thế Tôn. Tuy cửu diệt độ. Tại
bảo Tháp trung. Thượng vị Pháp lai.**

Thánh chủ Thế Tôn. Tuy mất đã lâu. Ở trong Tháp báu. Còn tới vì Pháp.

諸人云何 不勤爲法 此佛滅度 無央數劫

Chư nhân vân hà. Bất cần vị Pháp. Thử Phật diệt độ. Vô ương số Kiếp.

Vì sao mọi người. Không siêng vì Pháp. Phật này tạ thế. Không thể tính Kiếp.

處處聽法 以難遇故 彼佛本願 我滅度後

Xứ xứ thính Pháp. Dĩ nan ngộ cố. Bĩ Phật bản nguyện. Ngã diệt độ hậu.

Nơi nơi nghe Pháp. do vì khó gặp. Nguyên gốc Phật đó. Sau Ta tạ thế.

在在所往 常爲聽法 又我分身 無量諸佛

Tại tại sở vãng. Thường vị thính Pháp.

Hựu Ngã phân thân. Vô lượng chư Phật.

Đi tới khắp nơi. Thường vì nghe Pháp. Mà phân thân Ta. Vô lượng các Phật.

如恒沙等 來欲聽法 及見滅度 多寶如來

Như Hằng sa đẳng. Lai dục thính Pháp.

Cập kiến diệt độ. Đa Bảo Như Lai.

Nhiều như Hằng sa. Muốn tới nghe Pháp.

Cùng thấy tạ thế. Đa Bảo Như Lai.

各捨妙土 及弟子衆 天人龍神 諸供養事

Các xả diệu thổ. Cập Đệ tử chúng. Thiên nhân Long Thần. Chư cúng dưỡng sự.

Đều bỏ đất đẹp. Và chúng Đệ tử. Người Trời Rồng Thần. Các việc cúng dưỡng.

令法久住 故來至此 爲坐諸佛 以神通力

Linh Pháp cứu trụ. Cố lai chí thử. Vị tọa chư Phật. Dĩ Thần thông lực.

Giúp Pháp ở lâu. Cố tới nơi này. Vì các Phật ngồi. Dùng lực Thần thông.

移無量衆 令國清淨 諸佛各各 詣寶樹下

Di vô lượng Chúng. Linh Quốc Thanh tịnh. Chư Phật các các. Nghệ bảo thụ hạ.

Chuyển vô lượng Chúng. Giúp Nước Thanh tịnh. Các Phật từng vị. Tới dưới cây báu.

如清淨池 蓮華莊嚴 其寶樹下 諸師子座

Như Thanh tịnh trì. Liên hoa trang nghiêm. Kỳ bảo thụ hạ. chư Sư Tử tòa.

Như ao Thanh tịnh. Hoa Sen trang nghiêm. Dưới cây báu đó. các tòa Sư Tử.

佛坐其上 光明嚴飾 如夜闇中 然大炬火

Phật tọa kỳ thượng. Quang minh nghiêm sức. Như dạ ám trung. Nhiên đại cự hỏa.

Phật ngồi trên nó. Quang sáng nghiêm đẹp. Như trong đêm tối. Đốt bó đuốc lớn.

身出妙香 遍十方國 衆生蒙熏 喜不自勝

Thân xuất diệu hương. Biến thập phương Quốc. Chúng sinh mông huân. Hỷ bất tự thắng.

Thân tỏa hương tốt. Khắp Nước mười phương. Chúng sinh được thơm. Mừng không tự hơn.

譬如大風 吹小樹枝 以是方便 令法久住

Thí như đại phong. Xuy tiểu thụ chi. Dĩ thị Phương tiện. Linh Pháp cứu trụ.

Ví như gió lớn. Thổi cành cây nhỏ. Dùng Phương tiện đó. Giúp Pháp sống lâu.

告諸大衆 我滅度後 誰能護持 讀說斯經

Cáo chư Đại Chúng. Ngã diệt độ hậu.

Thùy năng hộ trì. Độc thuyết tư Kinh.

Bảo các Chúng sinh. Sau Ta tạ thế. Ai hay giúp giữ. Đọc nói Kinh này.

今於佛前 自說誓言 其多寶佛 雖久滅度

Kim ư Phật tiên. Tự thuyết thệ ngôn. Kỳ Đa Bảo Phật. Tuy cứu diệt độ.

Nay ở trước Phật. Tự nói lời thệ. Đa Bảo Phật đó. Tuy mất đã lâu.

以大誓願 而師子吼 多寶如來 及與我身

Dĩ đại Thệ nguyện. Nhi Sư Tử hống. Đa Bảo Như Lai. Cập dữ Ngã thân.

Dùng thệ nguyện lớn. Mà nói Pháp đúng. Đa Bảo Như Lai. Cùng với thân Ta.

所集化佛 當知此意 諸佛子等 誰能護法

Sở tập hóa Phật. Đương tri thử ý. Chư Phật Tử đẳng. Thùy năng hộ Pháp.

Tập hợp hóa Phật. Nên hiểu ý này. Các con của Phật. Ai hay giúp Pháp.

當發大願 令得久住 其有能護 此經法者

Đương phát đại nguyện. Linh đắc cứu trụ. Kỳ hữu năng hộ. Thử Kinh Pháp giả.

Nên phát nguyện lớn. Giúp được sống lâu. Nếu có hay giúp. Kinh Pháp Hoa này.

則為供養 我及多寶 此多寶佛 處於寶塔

Tắc vi cúng dưỡng. Ngã cập Đa Bảo. Thử

Đa Bảo Phật. Xử ư bảo Tháp.

Chắc là cúng dường. Ta và Đa Bảo. Đa Bảo Phật này. Ở trong Tháp báu.

常遊十方 爲是經故 亦復供養 諸來化佛

Thường du thập phương. Vị thị Kinh cổ. Diệc phục cúng dường. Chư lai hóa Phật.

Thường tới mười phương. Do vì Kinh đó.

Cũng lại cúng dường. Các hóa Phật tới.

莊嚴光飾 諸世界者 若說此經 則爲見我

Trang nghiêm quang sức. Chư Thế giới giả. Nhược thuyết thị Kinh. Tắc vi kiến Ngã.

Quang đẹp trang nghiêm. Các Thế giới đó.

Nếu nói Kinh đó. Chắc là thấy Ta.

多寶如來 及諸化佛 諸善男子 各諦思惟

Đa Bảo Như Lai. Cập chư hóa Phật. Chư thiện nam tử. Các đế tư duy.

Đa Bảo Như Lai. Và các hóa Phật. Các người nam thiện. Đều suy nghĩ kỹ.

此爲難事 宜發大願 諸餘經典 數如恒沙

Thử vi nan sự. Nghi phát đại nguyện. Chư dư Kinh điển. Số như Hằng sa.

Đây là việc khó. Dễ phát nguyện lớn. Các Kinh điển khác. Số như Hằng sa.

雖說此等 未足爲難 若接須彌 擲置他方

Tuy thuyết thử đấng. Vị tức vi nan. Nhược tiếp Tu Di. Trích trí tha phương.

Tuy nói loại này. Chưa đủ là khó. Nếu nhắc Tu Di. Ném đặt phương khác.

無數佛土 亦未爲難 若以足指 動大千界

Vô số Phật thổ. Diệc vị vi nan. Nhược dĩ túc chỉ. Động Đại thiên giới.

Vô số đất Phật. Cũng chưa là khó. Nếu dùng ngón chân. Khuấy cõi Đại thiên.

遠擲他國 亦未爲難 若立有頂 爲衆演說

Viễn trích tha Quốc. Diệc vị vi nan. Nhược lập hữu đỉnh. Vị chúng diễn thuyết.

Ném xa Nước khác. Cũng chưa là khó. Nếu đứng một mình. Vì chúng diễn thuyết.

無量餘經 亦未爲難 若佛滅後 於惡世中

Vô lượng dư Kinh. Diệc vị vi nan. Nhược Phật diệt độ. Ư ác thế trung.

Vô lượng Kinh khác. Cũng chưa là khó. Nếu Phật tạ thế. Ở trong đời ác.

能說此經 是則爲難 假使有人 手把虛空

Năng thuyết thử Kinh. thị tắc vi nan. Giả sử hữu nhân. Thủ bả hư không.

Hay nói Kinh này. Đó chắc là khó. Giả sử có người. Tay bám khoảng không.

而以遊行 亦未爲難 於我滅後 若自書持

Nhi dĩ du hành. Diệc vị vi nan. Ư Ngã diệt hậu. Nhược tự thư trì.

Mà dùng đi lại. Cũng chưa là khó. Sau Ta tạ thế. Nếu tự giữ viết.

若使人書 是則爲難 若以大地 置足甲上

Nhược sử nhân thư. Thị tắc vi nan. Nhược dĩ Đại địa. Trí túc giáp thượng.

Hoặc sai người viết. Đó chắc là khó. Nếu lấy Đất lớn. Đặt trên móng chân.

升於 梵天 亦未爲難 佛滅度後 於惡世中

Thăng ư Phạm Thiên. Diệc vị vi nan. Phật diệt độ hậu. Ư ác thế trung.

Bay lên Trời Phạm. Cũng chưa là khó. Sau Phật tạ thế. Ở trong đời ác.

暫讀此經 是則爲難 假使劫燒 擔負乾草

Tạm đọc thử Kinh. Thị tắc vi nan. Giả sử

Kiếp thiêu. Đám phụ can thảo.

Tạm đọc Kinh này. Chắc là việc khó. Giả sử thiêu Kiếp. Gánh vác cỏ khô.

入中不燒 亦未爲難 我滅度後 若持此經

Nhập trung bất thiêu. Diệt vị vi nan. Ngã diệt độ hậu. Nhược trì thử Kinh.

Vào trong không cháy. Cũng chưa là khó.

Sau Ta tạ thế. Nếu giữ Kinh này.

爲一人說 是則爲難 若持八萬 四千 法藏

Vị nhất nhân thuyết. Thị tắc vi nan. Nhược trì bát vạn. Tứ thiên Pháp tạng.

Vì một người nói. Đó chắc là khó. Nếu giữ tám vạn. Bốn nghìn tạng Pháp.

十二部經 爲人演說 令諸聽者 得 六神通

Thập nhị bộ Kinh. Vị nhân diễn thuyết.

Linh chư thánh giả. Đắc lục Thần thông.

Mười hai bộ Kinh. Vì người diễn thuyết.

Giúp những người nghe. Được 6 Thần thông.

雖能如是 亦未爲難 於我滅後 聽受此經

Tuy năng như thị. Diệt vị vi nan. Ư Ngã diệt độ hậu. Thánh thụ thử Kinh.

Tuy hay như thế. Cũng chưa là khó. Sau Ta tạ thế. Nghe nhận Kinh này.

問其義趣 是則爲難 若人說法 令千萬億

Vấn kỳ nghĩa thú. Thị tắc vi nan. Nhược nhân thuyết Pháp. Linh thiên vạn ức.

Hỏi hướng nghĩa Kinh. Đó chắc là khó.

Nếu người nói Pháp. Giúp nghìn vạn trăm triệu.

無量無數 恒沙衆生 得阿羅漢 具六神通

Vô lượng vô số. Hằng sa chúng sinh. Đắc A La Hán. Cụ lục Thần thông.

Vô lượng vô số. Hằng sa chúng sinh. Được A La Hán. Đủ 6 Thần thông.

雖有是益 亦未爲難 於我滅後 若能奉持

Tuy hữu thị ích. Diệc vị vi nan. Ư Ngã diệt hậu. Nhược năng phụng trì.

Tuy có lợi đó. Cũng chưa là khó. Sau Ta tạ thế. Nếu hay kính giữ.

如斯經典 是則爲難 我爲佛道 於無量土

Như tư Kinh điển. Thị tắc vi nan. Ngã vị Phật Đạo. Ư vô lượng thổ.

Như Kinh điển này. Đó chắc là khó. Ta vì Đạo Phật. Ở vô lượng đất.

從始至今 廣說諸經 而於其中 此經第一

Tòng thủy chí kim. Quảng thuyết chư Kinh. Nhi ư kỳ trung. Thử Kinh đệ nhất.

Từ xưa tới nay. Rộng nói các Kinh. Mà ở trong đó. Kinh này bậc nhất.

若有能持 則持佛身 諸善男子 於我滅後

Nhược hữu năng trì. Tác trì Phật thân. Chư thiện nam tử. Ư Ngã diệt hậu.

Nếu có hay giữ. Chắc giữ thân Phật. Các người nam thiện. Sau khi Ta mất.

誰能受持 讀誦此經 今於佛前 自說誓言

Thùy năng thụ trì. Độc tụng thử Kinh. kim ư Phật tiền. Tự thuyết thệ ngôn.

Ai hay nhận giữ. Đọc tụng Kinh này. Nay ở trước Phật. Tự nói lời thệ.

此經難持 若暫持者 我則歡喜 諸佛亦然

Thử Kinh nan trì. Nhược tạm trì giả. Ngã tắc hoan hỷ. Chư Phật diệc nhiên.

Kinh này khó giữ. Nếu tạm thời giữ. Ta chắc vui mừng. Các Phật cũng thế.

如是之人 諸佛所歎 是則勇猛 是則精進

**Như thị chi nhân. Chư Phật sở thán. Thị
tắc dũng mãnh. Thị tắc Tinh tiến.**

**Người được như thế. Các Phật ngợi khen.
Chắc là dũng mãnh. Chắc là Tinh tiến.**

是名持戒 行頭陀者 則爲疾得 無上佛道

**Thị danh trì Giới. hành Đầu đà giả. Tắc vi
tật đắc. Vô Thượng Phật Đạo.**

**Tên là giữ Giới. Làm việc hàng đầu. Chắc
là nhanh được. Đạo Phật Bình đẳng.**

能於來世 讀持此經 是真佛子 住淳善地

**Năng ư Lai thế. Độc trì thử Kinh. Thị chân
Phật Tử. Trụ thuần thiện địa.**

**Hay ở Tương lai. Đọc giữ Kinh này. Là con
Phật thực. Ở bậc thuần thiện.**

佛滅度後 能解其義 是諸天人 世間之眼

**Phật diệt độ hậu. Năng giải kỳ nghĩa. Thị
chư Thiên nhân. Thế gian chi nhãn.**

**Sau Phật tạ thế. Hay hiểu nghĩa Kinh. Là
các người Trời. Mắt của Thế gian.**

於恐畏世 能須臾說 一切天人 皆應供養

Ư khủng úy thế. Năng tu du thuyết. Nhất

**thiết Thiên nhân. Giai ứng cúng dưỡng.
Trong đời hoảng sợ. Hay nhanh chóng
nói. Tất cả người Trời. Đều muốn cúng
dưỡng.**

妙法蓮華經提婆達多品第十二

**Diệu Pháp Liên Hoa Kinh ĐỀ BÀ ĐẠT ĐA
phẩm đệ thập nhị.**

**Kinh Diệu Pháp Liên Hoa phẩm thứ 12 ĐỀ
Bà Đạt Đa.**

爾時佛告諸菩薩及天人四眾。吾於過去無量劫中，
求法華經無有懈倦。

**Nhĩ thời Phật cáo chư BỒ Tát cập Thiên
nhân Tứ Chúng. Ngô ư Quá khứ vô lượng
Kiếp trung, cầu Pháp Hoa Kinh vô hữu giải
quyện.**

**Lúc đó Phật bảo các BỒ Tát và Bốn Chúng
người Trời. Ta ở trong vô lượng Kiếp Quá**

**khứ, tìm Kinh Pháp Hoa không có một
mỏi.**

於多劫中常作國王，發願求於無上菩提，心不退轉，
為欲滿足六波羅蜜，勤行布施，心無吝惜。

**Ư đa Kiếp trung thường tác Quốc vương,
phát nguyện cầu ư Vô Thượng Bồ Đề, tâm
Bất thoái chuyển, vị dục mãn túc lục Ba
La Mật, cần hành Bồ thí, tâm vô lận tích.**

**Ở trong nhiều Kiếp thường làm Quốc
Vương, phát nguyện cầu được Bình Đẳng
Bồ Đề, tâm Không chuyển lui, vì muốn
đầy đủ 6 Pháp tới Niết Bàn, siêng thực
hành Bồ thí, tâm không tham tiếc.**

象馬七珍國城妻子奴婢僕從頭目髓腦身肉手足，
不惜軀命。時世人民壽命無量。

**Tượng mã thất trân, Quốc thành thê tử, nô
tì bộc tòng, đầu mục tủy não, thân nhục
thủ túc, bất tích khu mệnh. Thời thế nhân
dân, thọ mệnh vô lượng.**

**Voi ngựa bảy báu, Nước thành vợ con, nô
tì tùy tùng, đầu mắt tủy não, thân thịt**

chân tay, không tiếc thân mệnh. Nhân dân thời đó, thọ mệnh vô lượng.

爲於法故, 捐捨國位, 委政太子。擊鼓宣令, 四方求法。

Vị ư Pháp cố, quyền xả Quốc vị, ủy chính Thái Tử, kích cổ tuyên linh, tứ phương cầu Pháp.

Do vì Pháp đó, rời bỏ ngôi Vua, ủy thác chính sự cho Thái Tử, đánh trống ban bố, bốn phương cầu Pháp.

誰能爲我說 大乘 者,

吾當終身供給走使。時有仙人來白王言：

Thùy năng vị Ngã thuyết Đại Thừa giả, Ngô đương chung thân cung cấp tẩu sử.

Thời hữu Tiên nhân lai bạch Vương ngôn：

Ai hay vì Ta nói Pháp Bạch Phật, Ta đang suốt đời cung phụng sai khiến. Thời có người Tiên tới báo cáo Vua nói rằng：

我有大乘, 名妙法華經, 若不違我當爲宣說。

Ngã hữu Đại Thừa, danh Diệu Pháp Hoa Kinh, nhược bất vi Ngã đương vị tuyên thuyết.

Ta có Pháp Bậc Phật, tên là Kinh Diệu Pháp Hoa, nếu không ngược lại Ta đang vì đọc nói.

王聞仙言歡喜踊躍，即隨仙人，供給所須，採果汲水拾薪設食。

Vương văn Tiên ngôn, hoan hỉ dũng dục, tức tùy Tiên nhân, cung cấp sở tu, thối quả cấp thủy thập tân thiết thực.

Vua nghe Tiên nói, vui mừng dũng mãnh, tức thời thuận theo người Tiên, cung phụng các thứ cần thiết, hái quả múc nước nhật củi nấu ăn.

乃至以身而為床座，身心無倦，于時奉事，經於千歲。

Nãi chí dĩ thân nhi vi sàng tòa, thân tâm vô quyện, vu thời phụng sự, kinh ư thiên tuế.

Thậm chí dùng thân mà làm giường chỗ ngồi, thân tâm không mệt mỏi, thời gian phụng sự, qua một nghìn năm.

為於法故，精勤給侍，令無所乏。爾時世尊欲重宣此義，而說偈言：

Vị ư Pháp cố, tinh cần cấp thị, linh vô sở pháp. Nhĩ thời Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn :

Do vì Pháp đó, tinh siêng cung cấp trợ giúp, giúp cho không có thiếu thốn. Lúc đó Thế Tôn muốn nói lại nghĩa này mà đọc bài kệ nói rằng :

我念過去劫 爲求大法故 雖作世國王

Ngã niệm Quá khứ Kiếp. Vì cầu đại Pháp cố. Tuy tác thế Quốc Vương.

Ta nhớ Kiếp Quá khứ. Vì do cầu Pháp lớn. Tuy đời làm Quốc vương.

不貪 五欲 樂椎鐘告四方 誰有大法者

Bất tham ngũ Dục lạc. Trùy chung cáo tứ phương. Thùy hữu đại Pháp giả.

Không tham vui 5 Tham. Đánh chuông báo 4 phương. Ai có Pháp lớn đó.

若爲我解說 身當爲奴僕 時有 阿私仙

Nhược vị Ngã giải thuyết. Thân đương vi nô bộc. Thời hữu A Tư Tiên.

Nếu vì Ta giảng giải. Thân đang làm nô bộc. Thời có Tiên A Tư.

來白於大王 我有微妙法 世間所希有

**Lai bạch ư Đại vương. Ngã hữu vi diệu
Pháp. Thế gian sở hi hữu.**

**Tôi báo cáo Vua lớn. Ta có Pháp vi diệu.
Hiếm có của Thế gian.**

若能修行者 吾當爲汝說 時王聞仙言

**Nhược năng tu hành giả. Ngô đương vị
Nhữ thuyết. Thời Vương văn Tiên ngôn.**

**Nếu Ngài hay tu hành. Ta đang vì Ngài
nói. Khi Vua nghe Tiên nói.**

心生大喜悅 即便隨仙人 供給於所須

**Tâm sinh đại hỷ duyệt. Tức tiện tùy Tiên
nhân. Cung cấp ư sở tu.**

**Tâm sinh vui mừng lớn. Tức thời theo
người Tiên. Cung cấp các nhu cầu.**

采薪及果蓏 隨時恭敬 與情存妙法 故

**Thải tân cập quả lỏa. Tùy thời cung kính
dữ. Tình tồn diệu Pháp cố.**

**Nhật củi và hái quả. Lúc nào cũng cung
kính. Do thực cầu Pháp hay.**

身心無懈怠 普爲諸衆生 勤求於大法

Thân tâm vô giải quyện. Phổ vị chư chúng

sinh. Cần cầu ư đại Pháp.

Thân tâm không mệt mỏi. Đều vì các chúng sinh. Cần cầu được Pháp lớn.

亦不爲己身 及以五欲樂 故爲大國王

Diệt bất vị kỷ thân. Cập dĩ ngũ Dục lạc.

Cố vi đại Quốc Vương.

Cũng không vì bản thân. Và dùng vui 5 Tham. Do là Vua Nước lớn.

勤求獲此法 遂致得成佛 今故爲汝說

Cần cầu hoạch thủ Pháp. Toại chí đắc thành Phật. Kim cố vị Nhữ thuyết.

Cần cầu được Pháp này. Thỏa chí được thành Phật. Nay nên vì Ngài nói.

佛告諸比丘。爾時王者，則我身是。時仙人者，今提婆達多是。

Phật cáo chư Tì Kheo. Nhĩ thời Vương giả, tặc Ngã thân thị. Thời Tiên nhân giả, kim Đề Bà Đạt Đa thị.

Phật bảo các Tì Kheo. Khi đó Vua kia, chắc là thân Ta. Thời người Tiên đó, nay là Đề Bà Đạt Đa.

由提婆達多善知識 故，令我具足六波羅蜜慈悲喜捨三十二相八十種好紫磨金色十力。

Do Đề Bà Đạt Đa thiện Tri thức cố, linh Ngã cụ túc lục Ba La Mật, Từ Bi Hỉ Xả, tam thập nhị Tướng bát thập chủng Hảo, tử ma kim Sắc, thập Lực.

Vì do Tri thức thiện Đề Bà Đạt Đa, giúp cho Ta đầy đủ 6 Pháp tới Niết Bàn, Từ Bi Hỉ Xả, 32 Tướng, 80 diện mạo tốt, thân vàng sắc tía, 10 lực.

四無所畏, 四攝法, 十八不共, 神通道力, 成等正覺, 廣度眾生, 皆因提婆達多善知識 故。

Tứ vô sở úy, tứ Nhiếp Pháp, thập bát bất Cộng, Thần thông Đạo lực, thành Đẳng Chính Giác, quảng độ chúng sinh, giai nhân Đề Bà Đạt Đa thiện Tri thức cố.

Bốn không sợ hãi, bốn Pháp Hút lấy, 18 không cùng Pháp, lục Đạo Thần thông, thành Đẳng Chính Giác, rộng độ chúng sinh, đều do Tri thức thiện Đề Bà Đạt Đa.

告諸四眾。提婆達多 卻後過無量劫, 當得成佛。

Cáo chư Tứ Chúng. Đề Bà Đạt Đa khước

hậu quá vô lượng Kiếp, đương đắc thành Phật.

Bảo các bốn Chúng. ĐỀ Bà Đạt Đa sau này qua vô lượng Kiếp, đang được thành Phật.

號曰 天王如來，

應供正遍知明行足善逝世間解無上士調御丈夫天人師佛世尊。

Hiệu viết Thiên Vương Như Lai, Ứng Cúng, Chính Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn.

Tên hiệu Thiên Vương Như Lai, Ứng Cúng, Chính Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn.

世界名天道。時 天王 佛，住世二十中劫，廣為眾生說於妙法。

Thế giới danh Thiên Đạo. Thời Thiên Vương Phật, trụ thế nhị thập trung Kiếp, quảng vị chúng sinh thuyết ư diệu Pháp.

Tên Thế giới là Thiên Đạo. Thời Thiên Vương Phật ở đời 20 Kiếp vừa, rộng vì chúng sinh nói Pháp hay này.

恒河沙眾生得阿羅漢果，
無量眾生發緣覺心。恒河沙眾生發無上道心，得
無生忍至不退轉。

Hằng hà sa đấng chúng sinh đắc A La Hán quả, vô lượng chúng sinh phát Duyên Giác tâm. Hằng hà sa chúng sinh phát Vô Thượng Đạo tâm, đắc Vô sinh Nhẫn chí Bất thoái chuyển.

Chúng sinh bằng số cát sông Hằng được quả A La Hán, vô lượng chúng sinh phát tâm Duyên Giác, Chúng sinh bằng số cát sông Hằng phát tâm Đạo Bình Đẳng, được Pháp nhẫn Không sinh tới Không chuyển lui.

時天王佛般涅槃後，正法住世二十中劫。全身舍利起七寶塔，高六十由旬，縱廣四十由旬。

Thời Thiên Vương Phật ban Niết Bàn hậu, Chính pháp trụ thế nhị thập trung kiếp. Toàn thân Xá Lợi khởi thất bảo Tháp, cao

lục thập Do tuần, tủng quảng tứ thập Do tuần.

Sau khi Thiên Vương Phật nhập vào Niết Bàn, Pháp đấng ở đời 20 Kiếp vừa. Xá Lợi toàn thân, xây dựng Tháp bảy báu, cao 1 nghìn 2 trăm km, bề rộng khoảng 800 km.

諸天人民，

悉以雜華末香燒香塗香衣服瓔珞幢幡寶蓋伎樂歌頌，
禮拜供養七寶妙塔。

Chư Thiên nhân dân, tất dĩ tạp hoa, mạt hương thiêu hương đồ hương, y phục anh lạc, tràng phan bảo cái, kĩ nhạc ca tụng lễ bái cúng dưỡng thất bảo diệu Tháp.

Nhân dân các Trời, đều dùng hoa hỗn tạp, hương bột hương đốt hương bôi, quần áo chuỗi ngọc, cờ phướn lọng báu, kĩ nhạc bài ca, lễ bái cúng dưỡng Tháp bảy báu vi diệu.

無量眾生得阿羅漢果 無量眾生悟辟支佛
不可思議眾生發菩提心至不退轉。

Vô lượng chúng sinh đắc A La Hán quả, vô lượng chúng sinh ngộ Bích Chi Phật,

bất khả tư nghị chúng sinh phát BỒ ĐỀ tâm chí Bất thoái chuyển.

Vô lượng chúng sinh được quả A La Hán, vô lượng chúng sinh giác ngộ Bích Chi Phật, không thể nghĩ bàn chúng sinh phát tâm BỒ ĐỀ tới Không chuyển lui.

佛告諸比丘。未來世中，若有善男子善女人，聞妙法華經提婆達多品。

Phật cáo chư Tỳ Kheo. Vị lai thế trung nhược hữu thiện nam tử thiện nữ nhân, văn Diệu Pháp Hoa Kinh Đề Bà Đạt Đa phẩm.

Phật bảo các Tỳ Kheo. Trong đời Tương lai nếu có người nam thiện, người nữ thiện nghe phẩm Đề Bà Đạt Đa của Kinh Diệu Pháp Hoa.

淨心信敬不生疑惑者，不墮地獄餓鬼畜生，生十方佛前。所生之處常聞此經。

Tịnh tâm tín kính bất sinh nghi hoặc giả, bất đọa Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sinh, sinh thập phương Phật tiền. Sở sinh chi xứ thường văn thủ Kinh.

Tâm Thanh tịnh kính Tin, không sinh nghi hoặc, không đọa Địa ngục Quỷ đói Súc sinh, sinh ở trước Phật mười phương. Nơi được sinh thường nghe Kinh này.

若生人天中受勝妙樂。若在佛前蓮華化生。

Nhược sinh Nhân Thiên trung thụ thắng diệu lạc. Nhược tại Phật tiền Liên hoa hóa sinh.

Nếu sinh trong Trời Người nhận được vui vi diệu. Nếu ở trước Phật hóa sinh trong hoa Sen.

於時下方多寶世尊，所從菩薩，
名曰智積，白多寶佛。當還本土。

Ư thời Hạ phương Đa Bảo Thế Tôn, sở tòng Bồ Tát, danh viết Trí Tích, bạch Đa Bảo Phật. Đương hoàn bản thổ.

Khi đó Đa Bảo Thế Tôn ở phương Dưới, do từ Bồ Tát, tên là Trí Tích, báo cáo Đa Bảo Phật. Cần phải trở về đất của mình.

釋迦牟尼佛告智積曰：善男子！且待須臾，
此有菩薩，名文殊師利，
可與相見論說妙法可還本土。

**Thích Ca Mâu Ni Phật cáo Trí Tích viết :
Thiện nam tử ! Thả đãi tu du, thử hữu Bồ
Tát, danh Văn Thù Sư Lợi, khả dĩ tương
kiến luận thuyết diệu Pháp, khả hoàn bản
thổ.**

**Thích Ca Mâu Ni Phật bảo Trí Tích nói
rằng : Người nam thiện ! Chờ một chút
nữa, nơi đây có Bồ Tát, tên là Văn Thù Sư
Lợi, có thể muốn gặp luận thuyết Pháp vi
diệu, có thể trở về đất của mình.**

爾時文殊師利 坐千葉蓮華，大如車輪。

**Nhĩ thời Văn Thù Sư Lợi tọa thiên diệp
Liên hoa, đại như xa luân.**

**Lúc đó Văn Thù Sư Lợi ngồi trên hoa sen
nghìn cánh, to như bánh xe.**

俱來菩薩亦坐寶蓮華，從於大海娑竭羅龍宮，
自然踊出，住虛空中，詣靈鷲山，從蓮華下。

**Câu lai Bồ Tát diệp tọa bảo Liên hoa, tòng
ư đại hải Sa Kiệt La Long cung, tự nhiên
dũng xuất, trụ hư không trung, nghệ Linh
Thứ sơn, tòng Liên hoa hạ.**

Các Bồ Tát theo tới cũng ngồi trên hoa

Sen báu, từ dưới biển lớn cung Rồng Sa Kiệt La, tự nhiên bay ra, ở trong khoảng không, tới núi Linh Thứu, từ hoa Sen xuống.

至於佛所，頭面敬禮 二世尊 足，修敬已畢，
往智積所，共相慰問，卻坐一面。

Chí ư Phật sở, đầu diện kính lễ nhị Thế Tôn túc, tu kính dĩ tất, vãng Trí Tích sở, cộng tương úy vấn, khước tọa nhất diện. Tới nơi ở của Phật, phục đĩnh kính lễ chân hai Thế Tôn, kính lễ hoàn tất, tới nơi ở của Trí Tích, cùng thăm hỏi lẫn nhau, lúi ngò sang một bên.

智積 菩薩問文殊師利。仁往龍宮所化眾生，
其數幾何？文殊師利言：

Trí tích Bồ Tát vấn Văn Thù Sư Lợi. Nhân vãng Long cung sở hóa chúng sinh, kỳ số kỷ hà？ Văn Thù Sư Lợi ngôn：

Trí tích Bồ Tát hỏi Văn Thù Sư Lợi. Ngài đi tới cung điện Rồng cảm hóa chúng sinh, số đó là bao nhiêu？ Văn Thù Sư Lợi nói rằng：

其數無量不可稱計，非口所宣，非心所測，且待須臾，自當證知。

Kỳ số vô lượng, bất khả xưng kể, phi khẩu sở tuyên, phi tâm sở trắc, thả đãi tu du, tự đương chứng tri.

Số họ vô lượng, không thể kể đếm, không thể dùng lời để nói, không thể dùng tâm để đo lường, hãy chờ một chút, tự đang chứng biết.

所言未竟，無數菩薩，坐寶蓮華，從海踊出，詣靈鷲山，住在虛空。

Sở ngôn vị cánh, vô số Bồ Tát, tọa bảo Liên hoa, tòng hải dũng xuất, nghệ Linh Thứu sơn, trụ tại hư không.

Nói chưa dứt lời, vô số Bồ Tát, ngồi hoa Sen báu, từ biển bay lên, tới núi Linh Thứu, ở trong khoảng không.

此諸菩薩皆是文殊師利之所化度，具菩薩行，皆共論說六波羅蜜。

Thử chư Bồ Tát giai thị Văn Thù Sư Lợi chi sở hóa độ, cụ Bồ Tát hạnh, giai cộng luận thuyết lục Ba La Mật.

Các Bồ Tát này đều là Văn Thù Sư Lợi hóa độ, đầy đủ hạnh Bồ Tát, đều cùng luận thuyết 6 Pháp tới Niết Bàn.

本聲聞人，在虛空中說聲聞行，今皆修行大乘空義。

Bản Thanh Văn nhân, tại hư không trung thuyết Thanh Văn hạnh, kim giai tu hành Đại Thừa Không nghĩa.

Gốc người Thanh Văn, ở trong không trung nói hạnh Thanh Văn, nay đều tu hành nghĩa Rỗng Pháp Bạc Phật.

文殊師利謂智積曰：於海教化其事如是。爾時智積菩薩以偈讚曰：

Văn Thù Sư Lợi vị Trí Tích viết : Ư hải giáo hóa kỳ sự như thị. Nhĩ thời Trí Tích Bồ Tát dĩ kệ tán viết:

Văn Thù Sư Lợi bảo Trí Tích nói rằng : Ở biển giáo hóa việc đó như thế. Lúc đó Trí Tích Bồ Tát dùng kệ khen ngợi nói rằng :
大智德勇健化度無量衆今此諸大會

Đại Trí Đức dũng kiện. Hóa độ vô lượng chúng. Kim thử chư đại Hội.

Đức Trí lớn dũng mạnh. Hóa độ vô lượng chúng. Nay các Hội lớn này.

及我皆已見演暢實相義開闡一乘法

Cập Ngã giai dĩ kiến. Diễn sướng thực Tướng nghĩa. Khai xiển Nhất Thừa Pháp. Và Tôi đều đã thấy. Diễn ca nghĩa Tướng thực. Mở ra Pháp một Bạc.

廣導諸衆生令速成菩提

Quảng đạo chư chúng sinh. Linh tốc thành BỒ ĐỀ.

Rộng dẫn các chúng sinh. Giúp nhanh thành BỒ ĐỀ.

文殊師利言：我於海中唯常宣說妙

法華經。智積問文殊師利言：

Văn Thù Sư Lợi ngôn : Ngã ư hải trung duy thường tuyên thuyết Diệu Pháp Hoa Kinh. Trí Tích vấn Văn Thù Sư Lợi ngôn : Văn Thù Sư Lợi nói rằng : Ta ở trong biển chỉ thường đọc nói Kinh Diệu Pháp Hoa.

Trí Tích hỏi Văn Thù Sư Lợi nói rằng :

此經甚深微妙，諸經中寶，世所希有，頗有眾生，勤加精進，修行此經，速得佛不？文殊師利言：

Thử Kinh thậm thâm vi diệu, chư Kinh trung bảo, thể sở hi hữu, phả hữu chúng sinh, cần gia Tinh tiến, tu hành thử Kinh, tốc đắc Phật phủ ? Văn Thù Sư Lợi ngôn : Kinh này rất sâu vi diệu, báu trong các Kinh, Thế gian hiếm có, nếu có chúng sinh, siêng tăng thêm Tinh tiến, tu hành Kinh này, nhanh thành Phật phải không ? Văn Thù Sư Lợi nói rằng :

有娑竭羅龍王女，年始八歲，智慧利根，善知眾生諸根行業，得陀羅尼。

Hữu Sa Kiệt La Long vương nữ, niên thủy bát tuế, Trí tuệ lợi Căn, thiện tri chúng sinh chư Căn hành Nghiệp, đắc Đà La Ni. Có con gái của Vua Rồng Sa Kiệt La, năm mới 8 tuổi, Căn sáng Trí tuệ, hay biết các Căn Nghiệp hành của chúng sinh, được Đà La Ni.

諸佛所說甚深祕藏，悉能受持，深入禪定，了達諸法，於剎那頃，發菩提心。

Chư Phật sở thuyết thậm thâm bí tạng, tất năng thụ trì, thâm nhập Thiền Định, liễu

đạt chư Pháp, ư sát na khoảnh, phát BỒ ĐỀ tâm.

Các tạng bí mật rất sâu được các Phật nói, đều hay nhận giữ, nhập sâu vào Thiên Định, thông tỏ các Pháp, chỉ trong giây lát, phát tâm BỒ ĐỀ.

得 不 退 轉，辯 才 無 礙，慈 念 眾 生 猶 如 赤 子，功 德 具 足，心 念 口 演，微 妙 廣 大。

Đắc Bất thoái chuyển, biện tài vô ngại, Từ niệm chúng sinh do như xích tử, Công Đức cụ túc, tâm niệm khẩu diễn, vi diệu quảng đại.

Được Không chuyển lui, tài hùng biện không trở ngại, Từ Bi nhớ chúng sinh như con đỏ, đầy đủ Công Đức, tâm nhớ miệng nói, vi diệu rộng lớn.

慈 悲 仁 讓，志 意 和 雅，能 至 菩 提。智 積 菩 薩 言：

Từ Bi nhân nhượng, chí ý hòa nhã, năng chí BỒ ĐỀ. Trí Tích BỒ Tát ngôn：

Từ Bi nhân nhượng, ý chí hòa nhã, hay tới BỒ ĐỀ. Trí Tích BỒ Tát nói rằng：

我見釋迦如來，於無量劫難行苦行，積功累德，求菩提道，未曾止息。

Ngã kiến Thích Ca Như Lai, ư vô lượng Kiếp nan hành khổ hành, tích công lũy Đức, cầu Bồ Đề Đạo, vị tăng chỉ tức.

Tôi thấy Thích Ca Như Lai, gian nan cực khổ tu hành trong vô lượng Kiếp, tích lũy Công Đức, cầu Đạo Bồ Đề, chưa từng dừng nghỉ.

觀三千大千世界，乃至無有如芥子許，非是菩薩捨身命處，爲眾生故，然後乃得成菩提道。

Quan Tam thiên Đại thiên Thế giới nãi chí vô hữu như giới tử hử, phi thị Bồ Tát xả thân mệnh xứ, vị chúng sinh cố, nhiên hậu nãi đắc thành Bồ Đề Đạo.

Quan sát Ba nghìn Đại thiên Thế giới, thậm chí không có nơi nhỏ như hạt cải, không có nơi nào Bồ Tát đó từ bỏ thân mệnh, cố vì chúng sinh, sau được thành Đạo Bồ Đề.

不信此女於須臾頃，便成正覺。言論未訖，時龍王女忽現於前，頭面禮敬，卻住一面。以偈讚曰

:

Bất tín thử nữ ư tư du khoảnh, tiện thành Chính Giác. Ngôn luận vị ngật, thời Long vương nữ hốt hiện ư tiên, đầu diện lễ kính, khước trụ nhất diện. Dĩ kê tán viết :

Không tin cô gái này ở trong giây phút, liền thành Chính Giác. Đàm luận chưa xong, thời con gái Vua Rồng đột nhiên hiện ra phía trước, phục đĩnh kính lễ, lùi dừng ở một bên. Dùng bài kệ khen ngợi nói rằng :

深達罪福相 遍照於十方 微妙淨 法身

Thâm đạt tội Phúc tướng. Biến chiếu ư thập phương. Vi diệu tịnh Pháp thân.

Hiểu sâu tướng tội Phúc. Chiếu sáng khắp mười phương. Thân Pháp sạch vi diệu.

具相三十二以八十種好用莊嚴 法身

Cụ Tướng tam thập nhị. Dĩ bát thập chủng Hảo, Dụng trang nghiêm Pháp thân.

Đủ ba mươi hai Tướng. Lấy tám mươi dáng Tốt. Dùng trang nghiêm thân Pháp.

天人所戴仰 龍神咸恭敬 一切衆生類

**Thiên nhân sở đởi ngưỡng. Long Thần
hàm cung kính. Nhất thiết chúng sinh loại.**

**Được người Trời kính trọng. Rồng Thần
đều cung kính. Muôn loài các chúng sinh.**

無不宗奉者 又聞成菩提 唯佛當證知

**Vô bất tôn phụng giả. Hựu văn thành Bồ
Đề. Duy Phật đương chứng tri.**

**Không thể không tôn kính. Vừa nghe
thành Bồ Đề. Chỉ Phật đang chứng biết.**

我闡大乘教 度脫苦衆生

**Ngã xiển Đại Thừa giáo. Độ thoát khổ
chúng sinh.**

**Con mở dạy Bạc Phật. Độ thoát chúng
sinh khổ.**

時 舍利弗 語龍女言：汝謂不久得 無上道，

是事難信！所以者何？

**Thời Xá Lợi Phất ngữ Long nữ ngôn：Nhữ
vị bất cứu đắc Vô Thượng Đạo, thị sự nan
tín！Sở dĩ giả hà？**

**Lúc đó Xá Lợi Phất bảo cô gái Rồng nói
rằng：Ngài cho là không lâu sẽ được Đạo**

Bình Đẳng, việc đó khó tin ! Sở dĩ thế nào ?

女身垢穢, 非是法器, 云何能得 無上菩提 ?

Nữ thân cấu uế, phi thị Pháp khí, vân hà năng đắc Vô Thượng Bồ Đề ?

Thân phụ nữ hôi bẩn, không phải là khí cụ Pháp, làm sao có thể được Bình Đẳng Bồ Đề ?

佛道懸曠, 經 無量劫, 勤苦積行, 具修諸度, 然後乃成。又女人身猶有五障 :

Phật Đạo huyền khoáng, kinh vô lượng kiếp, cần khổ tích hạnh, cụ tu chư Độ, nhiên hậu nãi thành. Hựu nữ nhân thân, do hữu ngũ chướng :

Đạo Phật mênh mông xa thẳm, qua vô lượng kiếp, siêng khổ tích hạnh, tu đầy đủ Đạo Bồ Tát, sau đó mới thành. Lại là thân phụ nữ, có 5 chướng ngại :

一者不得作 梵天王 二者 帝釋 三者 魔王 四者 轉輪聖王 五者 佛身。云何女身速得成佛 ?

Nhất giả bất đắc tác Phạm Thiên vương, nhị giả Đế Thích, tam giả Ma vương, tứ giả

Chuyển Luân Thánh Vương, ngũ giả Phật thân. Vân hà nữ thân tốc đắc thành Phật ? Một là không được làm Vua Trời Phạm, hai là Vua Trời Đế Thích, ba là Vua Ma, bốn là Vua Thánh Chuyển Luân, năm là thân Phật. Làm sao thân phụ nữ, nhanh được thành Phật ?

爾時龍女，有一寶珠，價直三千大千世界，
持以上佛，佛即受之。

Nhĩ thời Long nữ hữu nhất bảo châu, giá trị Tam thiên Đại thiên Thế giới, trì dĩ thượng Phật, Phật tức thụ chi.

Lúc đó Cô gái Rồng có 1 viên châu báu, giá trị bằng Ba nghìn Đại thiên Thế giới, cầm dâng lên Phật, Phật tức thời thu nhận.

龍女謂智積菩薩尊者舍利弗言：我獻寶珠，
世尊納受，是事疾不？ 答言：

Long nữ vị Trí Tích Bồ Tát, Tôn giả Xá Lợi Phất ngôn : Ngã hiến bảo châu, Thế Tôn nạp thụ, thị sự tật phủ ? Đáp ngôn :

Cô gái Rồng nói với Trí Tích Bồ Tát, Tôn giả Xá Lợi Phất nói rằng : Tôi dâng hiến

châu báu, Thế Tôn thu nhận, việc đó có nhanh không ? Trả lời nói rằng :

甚疾！女言：以汝神力，觀我成佛，復速於此。

Thậm tậ ! Nữ ngôn : dĩ Nhữ Thân lực, quan Ngã thành Phật, phục tốc ư thử.

Rất nhanh ! Cô gái Rồng nói rằng : Bằng Thân lực của Ngài, xem Tôi thành Phật, lại nhanh như thế này.

當時眾會，皆見龍女，忽然之間變成男子，具菩薩行，即往南方無垢世界。

Đương thời chúng hội, giai kiến Long nữ, hốt nhiên chi gian biến thành nam tử, cụ Bồ Tát hạnh, tức vãng Nam phương Vô Cấu Thế giới.

Hội chúng ngay lúc đó, đều thấy cô gái Rồng, thời gian đột nhiên biến thành thân người nam, đủ hạnh Bồ Tát, tức thời đi tới Vô Cấu Thế giới ở phương Nam.

坐寶蓮華成等正覺，三十二相八十種好，普為十方一切眾生，演說妙法。

Tọa bảo Liên hoa, thành Đẳng Chính Giác, tam thập nhị Tướng, bát thập chủng Hảo,

phổ vị thập phương nhất thiết chúng sinh, diễn thuyết diệu Pháp.

Ngôi hoa Sen báu, thành Đẳng Chính Giác, 32 tướng, 80 diện mạo Tốt, đều vì tất cả chúng sinh mười phương, diễn thuyết Pháp vi diệu.

爾時 娑婆世界, 菩薩 聲聞 天龍八部人與非人, 皆遙見彼龍女成佛。

Nhĩ thời Sa Bà Thế giới, Bồ Tát Thanh Văn, Thiên Long bát Bộ, Nhân dữ phi Nhân, giai dao kiến bỉ Long nữ thành Phật.

Lúc đó Sa Bà Thế giới, Bồ Tát Thanh Văn, Trời Rồng 8 Bộ, Người và không phải Người, đều từ xa thấy cô gái Rồng thành Phật.

普爲時會人天說法, 心大歡喜, 悉遙敬禮。

Phổ vị thời hội Nhân Thiên thuyết Pháp, tâm đại hoan hỷ, tất dao kính lễ.

Thời đều vì hội Trời Người nói Pháp, tâm rất vui mừng, đều từ xa kính lễ.

無量眾生聞法解悟，得不退轉。無量眾生得受道記，無垢世界六反震動。

Vô lượng chúng sinh văn Pháp giải ngộ, đắc Bất thoái chuyển. Vô lượng chúng sinh đắc thụ Đạo ký, Vô Cấu Thế giới lục phản chấn động.

Vô lượng chúng sinh nghe Pháp hiểu biết, được Không chuyển lui. Vô lượng chúng sinh được nhớ truyền bậc Đạo, Vô Cấu Thế giới sáu loại chấn động.

娑婆世界三千眾生住不退地，三千眾生發菩提心，而得受記。

Sa Bà Thế giới tam thiên chúng sinh trụ Bất thoái địa, tam thiên chúng sinh phát Bồ Đề tâm, nhi đắc thụ ký.

Ba nghìn chúng sinh ở Sa Bà Thế giới dừng ở Bậc Không lui, 3 nghìn chúng sinh phát tâm Bồ Đề mà được nhớ truyền bậc Phật.

智積菩薩及舍利弗一切眾會，默然信受

Trí Tích Bồ Tát cập Xá Lợi Phất nhất thiết chúng Hội, mặc nhiên tín thụ.

Trí Tích Bồ Tát và Xá Lợi Phất tất cả Hội chúng sinh, im lặng tin nhận.

妙法蓮華經勸持品第十三

Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Khuyến trì phẩm đệ thập tam.

**Kinh Diệu Pháp Liên Hoa phẩm thứ 13
Khuyên giữ.**

爾時藥王菩薩摩訶薩，及大樂說菩薩摩訶薩，
與二萬菩薩眷屬俱，皆於佛前作是誓言。

**Nhĩ thời Dược Vương Bồ Tát Ma Ha Tát,
cập Đại Nhạo Thuyết Bồ Tát Ma Ha Tát,
dữ nhị vạn Bồ Tát quyển thuộc câu, giai ư
Phật tiền tác thị thệ ngôn.**

**Lúc đó Dược Vương Bồ Tát Bồ Tát lớn,
cùng Đại Nhạo Thuyết Bồ Tát Bồ Tát lớn
với 2 vạn quyển Bồ Tát đi theo, đều ở
trước Phật làm lời thệ nguyện đó.**

唯願世尊不以爲慮，我等於佛滅後，當奉持讀誦，
說此經典。

Duy nguyện Thế Tôn bất dĩ vi lự, Ngã đặng ư Phật diệt hậu, đương phụng trì đọc tụng, thuyết thử Kinh điển.

Chỉ mong Thế Tôn không lấy việc đó mà lo nghĩ, Chúng con sau khi Phật tạ thế, đang kính giữ đọc tụng nói Kinh điển này.

後惡世眾生，善根轉少，多增上慢，貪利供養，增不善根，遠離解脫。

Hậu ác thế chúng sinh, thiện Căn chuyển thiếu, đa tăng thượng mạn, tham lợi cúng dưỡng, tăng bất thiện Căn, viễn ly Giải thoát.

Chúng sinh sau đời ác, Căn thiện chuyển ít, tăng nhiều kiêu mạn cao, tham lợi cúng dưỡng, tăng Căn không thiện, xa rời Giải thoát.

雖難可教化，我等當起大忍力，讀誦此經，持說書寫，種種供養，不惜身命。

Tuy nan khả giáo hóa, Ngã đặng đương khởi đại Nhẫn lực, đọc tụng thử Kinh, trì thuyết thư tả, chủng chủng cúng dưỡng, bất tích thân mệnh.

Tuy khó có thể giáo hóa, Chúng con đang phát ra lực Nhân lớn, đọc tụng Kinh này, giữ nói viết chép, đủ loại cúng dường, không tiếc thân mệnh.

爾時眾中五百 阿羅漢 得受記者, 白佛言: 世尊!
我等亦自誓願, 於異 國土 廣說此經。

Nhĩ thời Chúng trung ngũ bách A La Hán đắc thụ ký giả, bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Ngã đẳng diệc tự thệ nguyện, ư dị Quốc thổ quảng thuyết thử Kinh.

Lúc đó trong Chúng 500 A La Hán được nhớ truyền bậc, báo cáo Phật nói rằng: Thế Tôn! Chúng con cũng tự thệ nguyện, ở Đất nước khác rộng nói Kinh này.

復有學無學八千人得受記者, 從座而起合掌向佛, 作是誓言。

Phục hữu Học vô Học bát thiên nhân đắc thụ ký giả, tòng tòa nhi khởi, hợp chưởng hướng Phật, tác thị thệ ngôn.

Lại có Thanh Văn A La Hán tám nghìn người được nhớ truyền bậc, từ chỗ ngồi và

**đứng dậy, chấp tay hướng về Phật, làm lời
thệ nguyện đó.**

世尊！我等亦當於他國土廣說此經。所以者何？

**Thế Tôn ! Ngã đẳng diệc đương ư tha
Quốc thổ quảng thuyết thử Kinh. Sở dĩ giả
hà ?**

**Thế Tôn ! Chúng con cũng nên ở Đất nước
khác rộng nói Kinh này. Sở dĩ thế nào ?**

是娑婆國中，人多弊惡，懷增上慢，功德淺薄，
瞋濁諂曲，心不實故。

**Thị Sa Bà Quốc trung, nhân đa tậ ác, hoài
tăng thượng mạn, Công Đức thiểu bạc, sân
trọc siểm khúc, tâm bất thực cố.**

**Trong Nước Sa Bà đó, người tậ ác nhiều,
hoài nghi tăng cao kiêu mạn, Công Đức
cạn mỏng, thù hận ô trọc lươn lẹo, do tâm
không chân thực.**

爾時佛姨母，摩訶波闍波提比丘尼，
與學無學比丘尼六千人俱。

**Nhĩ thời Phật Di mẫu, Ma Ha Ba Xà Ba Đề
Tì Kheo ni, dữ Học vô Học Tì Kheo ni, lục
thiên nhân câu.**

Lúc đó Di mẹ của Phật, Ma Ha Ba Xà Ba Đê nữ Tì Kheo, cùng với Thanh Văn La Hán nữ Tì Kheo, sáu nghìn người đi theo.

從座而起，一心合掌，瞻仰尊顏，目不暫捨。於時世尊告憍曇彌。

Tòng tòa nhi khởi, nhất tâm hợp chưởng, chiêm ngưỡng tôn nhan, mục bất tạm xả. Ư thời Thế Tôn cáo Kiều Đàm Di.

Từ chỗ ngồi đứng dậy, nhất tâm chấp tay, chiêm ngưỡng nhan sắc Thế Tôn, mắt không tạm rời. Khi đó Thế Tôn bảo Kiều Đàm Di.

何故憂色而視如來，汝心將無謂我不說汝名，授阿耨多羅三藐三菩提記耶？

Hà cố ưu sắc nhi thị Như Lai, Nhữ tâm tương vô vị Ngã bất thuyết Nhữ danh, thụ A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề ký da ?

Vì có gì mà nhìn Như Lai với sắc buồn rầu, tâm Di sẽ không cho là Ta không nói tên Di, nhớ truyền bậc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề chứ ?

憍曇彌！我先總說一切聲聞，
皆已授記。今汝欲知記者。

**Kiều Đàm Di ! Ngã tiên tổng thuyết nhất
thiết Thanh Văn, giai dĩ thụ ký. Kim Nũ
dục tri ký giả,**

**Kiều Đàm Di ! Ta trước đã nói tổng thể tất
cả Thanh Văn, đều đã nhớ truyền bậc.**

Nay Di muốn biết nhớ đó.

將來之世當於六萬八千億諸佛法中為大法師，
及六千學無學比丘尼，俱為法師。

Tương lai chi thể đương ư lục vạn bát
thiên ức chư Phật Pháp trung vi đại Pháp
sư, cập lục thiên Học vô Học Tỳ Kheo ni,
câu vi Pháp sư.

**Ở đời Tương lai đang trong Pháp của sáu
vạn tám nghìn trăm triệu Phật là Thầy
Pháp lớn, cùng với sáu nghìn Thanh Văn
La Hán nữ Tỳ Kheo, đều là Thầy Pháp.**

汝如是漸漸具菩薩道，當得作佛，
號一切眾生喜見如來，
應供正遍知明行足善逝世間解無上士
調御丈夫天人師佛世尊。

**Nhữ như thị tiệm tiệm cụ Bồ Tát Đạo,
đương đắc tác Phật, hiệu Nhất Thiết
Chúng Sinh Hỉ Kiến Như Lai, Ứng Cúng,
Chính Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện
Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều
Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật
Thế Tôn.**

**Dì như thế dần dần đầy đủ Đạo Bồ Tát,
đang được làm Phật, tên hiệu Nhất Thiết
Chúng Sinh Hỉ Kiến Như Lai, Ứng Cúng,
Chính Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện
Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều
Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật
Thế Tôn.**

憍曇彌！是一切眾生喜見佛，及六千菩薩，
轉次授記，得阿耨多羅三藐三菩提。

**Kiều Đàm Di ! Thị Nhất Thiết Chúng Sinh
Hỉ Kiến Phật, cập lục thiên Bồ Tát, chuyển
thứ thụ ký, đắc A Nậu Đa La Tam Miệu
Tam Bồ Đề.**

**Kiều Đàm Di ! Nhất Thiết Chúng Sinh Hỉ
Kiến Phật và sáu nghìn Bồ Tát, thay nhau**

lần lượt nhớ truyền bậc, được A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.

爾時羅睺 羅母, 耶輸陀羅 比丘尼, 作是念。世尊於授記中獨不說我名。

Nhĩ thời La Hâu La Mẫu, Da Du Đà La Tì Kheo ni, tác thị niệm. Thế Tôn ư thụ ký trung độc bất thuyết Ngã danh.

Lúc đó Mẹ của La Hâu La, nữ Tì Kheo Da Du Đà La, làm suy ngẫm đó. Thế Tôn trong lúc nhớ truyền bậc duy nhất không nói tới tên mình.

佛告耶輸陀羅。汝於來世, 百千萬億諸佛法中, 修菩薩行, 爲大法師, 漸具佛道, 於善國中, 當得作佛,

Phật cáo Da Du Đà La. Nhữ ư Lai thế, bách thiên vạn ức chư Phật Pháp trung, tu Bồ Tát hạnh, vi đại Pháp sư, tiệm cụ Phật Đạo, ư thiện Quốc trung đương đắc tác Phật.

Phật bảo Da Du Đà La. Phu nhân ở đời Tương lai, trong Pháp của trăm nghìn vạn trăm triệu Phật, tu hành hạnh Bồ Tát, là

Thầy Pháp lớn, dần dần đủ Đạo Phật, ở trong Nước thiện đang được làm Phật.

號具足千萬光相 如來，
應供正遍知明行足善逝世間解無上士調御丈夫
天人師佛世尊。

Hiệu Cụ Túc Thiên Vạn Quang Tướng Như Lai, Ứng Cúng, Chính Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn.

Tên hiệu Cụ Túc Thiên Vạn Quang Tướng Như Lai, Ứng Cúng, Chính Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn.

佛壽無量阿僧祇劫。爾時摩訶波闍波提比丘尼，
及耶輸陀羅比丘尼。

Phật thọ vô lượng A tăng kì Kiếp. Nhĩ thời Ma Ha Ba Xà Ba Đề Tì Kheo ni, cập Da Du Đà La Tì Kheo ni.

Phật thọ vô lượng A tăng kì Kiếp. Lúc đó

nữ Tì Kheo Ma Ha Ba Xà Ba ĐỀ và nữ Tì Kheo Da Du Đà La.

并其眷屬，皆大歡喜，得未曾有，即於佛前，而說偈言：

Tịnh kỳ quyến thuộc, giai đại hoan hỉ, đắc vị tăng hữu, tức ư Phật tiền, nhi thuyết kệ ngôn :

Tất cả quyến thuộc của họ, đều rất mừng vui, được chưa từng có, liền ở trước Phật mà đọc bài kệ nói rằng :

世尊 導師安穩天人 我等聞記 心安具足

Thế Tôn Đạo sư. An ổn Thiên nhân. Ngã đẳng văn ký. Tâm an cụ túc.

Thế Tôn Thầy dẫn. Yên ổn người Trời. Chúng con nghe nhớ. Tâm yên đầy đủ.

諸比丘尼 說是偈已，白佛言：世尊！

我等亦能於他方國，廣宣此經。

Chư Tì Kheo ni thuyết thị kệ dĩ, bạch Phật ngôn : Thế Tôn ! Ngã đẳng diệc năng ư tha phương Quốc, quảng tuyên thử Kinh.

Các nữ Tì Kheo nói xong bài kệ đó, báo cáo Phật nói rằng : Thế Tôn ! Chúng con

cũng hay ở Nước phương khác, rộng đọc Kinh này.

爾時 世尊視八十萬億 那由他 諸 菩薩
摩訶薩。是諸菩薩皆是 阿惟越致。

Nhĩ thời Thế Tôn thị bát thập vạn ức Na do tha chư BỒ Tát Ma Ha Tát. Thị chư BỒ Tát giai thị A duy Việt trí.

Khi đó Thế Tôn nhìn tám mươi vạn trăm triệu Na do tha các BỒ Tát BỒ Tát lớn. Các BỒ Tát đó đều là BỒ Tát Không chuyển lui.

轉不退 法輪, 得諸 陀羅尼, 即從座起, 至於佛前, 一心合掌而作是念。

Chuyển Bất thoái Pháp luân, đắc chư Đà La Ni, tức tòng tòa khởi, chí ư Phật tiền, nhất tâm hợp chưởng nhi tác thị niệm.

Chuyển vận vàng Pháp Không lui, được các Đà La Ni, tức thời từ chỗ ngồi đứng dậy, đi tới trước Phật, nhất tâm chấp tay mà làm suy ngẫm đó.

若世尊告敕我等, 持說此經者, 當如佛教, 廣宣斯法。

Nhược Thế Tôn cáo sắc Ngã đẳng, trì thuyết thử Kinh giả, đương như Phật giáo, quảng tuyên tư Pháp.

Nếu Thế Tôn lệnh cho Chúng con, giữ nói Kinh này, đương như Phật dạy, rộng đọc Pháp này.

復作是念。佛今默然不見告敕，我當云何？時諸菩薩 敬順佛意。

Phục tác thị niệm. Phật kim mặc nhiên bất kiến cáo sắc, Ngã đương vân hà? Thời chư Bồ Tát kính thuận Phật ý.

Lại làm suy ngẫm đó. Phật nay im lặng không hạ lệnh, Con đang làm sao đây? Thời các Bồ Tát kính thuận ý Phật.

并欲自滿本願，便於佛前作師子吼，而發誓言：

Tịnh dục tự mãn bản nguyện, tiện ư Phật tiền tác Sư Tử hống, nhi phát thệ ngôn：

Đều muốn tự thỏa mãn các nguyện trước kia, liền ở trước Phật làm người nói Pháp, mà phát thệ nguyện nói rằng：

世尊！我等於如來滅後，周旋往返十方世界，能令眾生書寫此經，受持讀誦。

Thế Tôn ! Ngã đẳng ư Như Lai diệt hậu, chu toàn vãng phản thập phương Thế giới, năng linh chúng sinh thư tả thủ Kinh thụ trì độc tụng.

Thế Tôn ! Chúng con sau khi Như Lai tạ thế, lần lượt qua lại Thế giới mười phương, hay giúp cho chúng sinh viết chép Kinh này, nhận giữ đọc tụng.

解說其義如法修行正憶念，皆是佛之威力，唯願世尊，在於他方，遙見守護。

Giải thuyết kỳ nghĩa, như Pháp tu hành, chính ức niệm, giai thị Phật chi uy lực, duy nguyện Thế Tôn, tại ư tha phương, dao kiến thủ hộ.

Giảng giải nghĩa của nó, như Pháp tu hành, ghi nhớ đúng, đều là uy lực của Phật, chỉ muốn Thế Tôn sống ở các phương khác, từ xa thấy giúp bảo vệ.

即時諸菩薩俱同發聲，而說偈言：

Tức thời chư Bồ Tát câu đồng phát thanh nhi thuyết kệ ngôn :

**Tức thời các Bồ Tát đều đồng thanh mà
đọc bài kệ nói rằng :**

惟願不爲慮於佛滅度後 恐怖惡世中

**Duy nguyện bất vi lự. Ư Phật diệt độ hậu.
Khủng bố ác thế trung.**

**Mong nguyện đừng lo nghĩ. Sau khi Phật
tạ thế. Trong đời ác khủng bố.**

我等當廣說有諸無智人 惡口罵詈等

**Ngã đẳng đương quảng thuyết. Hữu chư
vô Trí nhân. Ác khẩu mạ li đẳng.**

**Chúng con đang rộng nói. Có những người
không Trí. Các miệng ác nhiếc mắng.**

及加力杖者 我等皆當忍 惡世中 比丘

**Cập gia đao trượng giả. Ngã đẳng giai
đương Nhẫn. Ác thế trung Tì Kheo.**

**Lại tăng thêm dao gậy. Chúng con đều
đang Nhịn. Tì Kheo trong đời ác.**

邪智心諂曲 未得謂爲得 我慢心充滿

**Tà Trí tâm siểm khúc. Vị đắc vị vi đắc.
Ngã mạn tâm sung mãn.**

**Trí sai tâm siểm nịnh. Chưa được coi là
được. Tràn đầy tâm tự mạn.**

或有阿練若納衣在空閒自謂行真道

**Hoặc hữu A luyện nhã. Nạp y tại không
nhàn. Tự vị hành chân Đạo.**

**Hoặc có ở rừng núi. Mặc áo sống yên
nhàn. Tự coi hành Đạo thực.**

輕賤人間者貪著利養故與白衣說法

**Khinh tiện nhân gian giả. Tham trước lợi
dưỡng cố. Dĩ bạch y thuyết Pháp.**

**Coi thường người Nhân gian. Vì tham nhờ
lợi dưỡng. Với người thường nói Pháp.**

爲世所恭敬如六通羅漢是人懷惡心

**Vị thế sở cung kính. Như lục Thông La
Hán. Thị nhân hoài ác tâm.**

**Vì được đời cung kính. Như La Hán 6
Thông. Người đó tâm nhớ ác.**

常念世俗事假名阿練若好出我等過

**Thường niệm thế tục sự. Giả danh A luyện
nhã. Hiếu xuất Ngã đẳng quá.**

**Thường nhớ việc đời thường. Giả danh ở
rừng núi. Thích vượt hơn Chúng con.**

而作如是言此諸比丘等爲貪利養故

Nhi tác như thị ngôn. Thử chư Tỳ Kheo

đăng. Vị tham lợi dưỡng cố.

Mà làm lời như thế. Các vị Tì Kheo này.

Do vì tham lợi dưỡng.

說外道論義自作此經典誑惑世間人

Thuyết ngoại Đạo luận nghĩa. Tự tác thử

Kinh điển. Cuồng hoặc Thế gian nhân.

Nói luận nghĩa ngoài Đạo. Tự làm Kinh

điển này. Cuồng hoặc người Thế gian.

爲求名聞故分別於是經常在大衆中

Vị cầu danh văn cố. Phân biệt ư thử Kinh.

Thường tại Đại Chúng trung.

Do vì cầu danh vọng. Phân biệt với Kinh

này. Thường ở trong Đại Chúng.

欲毀我等故向國王大臣 婆羅門居士

Dục hủy Ngã đẳng cố. Hướng Quốc vương

đại thần. Bà La Môn Cư Sĩ.

Vì muốn diễu Chúng con. Hướng Quốc

vương đại thần. Bà La Môn Cư Sĩ.

及餘比丘衆誹謗說我惡謂是邪見人

Cập dư Tì Kheo chúng. Phỉ báng thuyết

Ngã ác. Vị thị tà kiến nhân.

Và chúng Tì Kheo khác. Phỉ báng nói Con ác. Coi là người thấy sai.

說外道論義我等敬佛故悉忍是諸惡

Thuyết ngoại Đạo luận nghĩa. Ngã đẳng kính Phật cố. Tất Nhẫn thị chư ác.

Nói luận nghĩa ngoài Đạo. Chúng con vì kính Phật. Đều Nhịn các ác đó.

爲斯所輕言汝等皆是佛如此輕慢言

Vi tư sở khinh ngôn. Nhữ đẳng giai thị Phật. Như thử khinh mạn ngôn.

Làm lời khinh mạn này. Các Ngài đều là Phật. Như lời khinh mạn này.

皆當忍受之濁劫惡世中多有諸恐怖

Giai đương Nhẫn thụ chi. Trọc Kiếp ác thế trung. Đa hữu chư khủng bố.

Đều nên Nhịn nhận lấy. Trong đời ác Kiếp Đục. Có nhiều các hoảng sợ.

惡鬼入其身罵詈毀辱我我等敬信佛

Ác Quỷ nhập kỳ thân. Mạ li hủy nhục Ngã. Ngã đẳng kính tín Phật.

Quỷ ác nhập thân họ. Mắng nhiếc hủy nhục Con. Chúng con kính tin Phật.

當著忍辱鎧 爲說是經故 忍此諸難事

Đương trước Nhân nhục khải. Vị thuyết thị Kinh cố. Nhân thử chư nan sự.

Đang mặc áo giáp Nhịn. Vì do nói Kinh đó. Nhịn những việc khó này.

我不愛身命但惜 無上道 我等於來世

Ngã bất ái thân mệnh. Dẫn tích Vô Thượng Đạo. Ngã đẳng ư Lai thế.

Con không tiếc thân mệnh. Chỉ tiếc Đạo Bình đẳng. Chúng con ở Tương lai.

護持佛所囑 世尊 自當知濁世惡 比丘

Hộ trì Phật sở chúc. Thế Tôn tự đương tri. Trọc thế ác Tỳ kheo.

Giúp giữ Di chúc Phật. Thế Tôn tự đang biết. Tỳ Kheo đời Đục ác.

不知佛方便 隨宜所說法 惡口而鬻蹙

Bất tri Phật Phương tiện. Tùy nghi sở thuyết Pháp. Ác khẩu nhi tân túc.

Không biết Phương tiện Phật. Được tùy nghi nói Pháp. Miệng ác và nhăn mặt.

數數見擯出 遠離於塔寺 如是等衆惡

Sác sác kiến tấn xuất. Viễn ly ư Tháp Tự.

Như thị đẳng chúng ác.

**Thường thường thấy bỏ đi. Xa rời nơi
Chùa Tháp. Như thế cùng các ác.**

念佛告敕故 皆當忍是事 諸聚落城邑

**Niệm Phật cáo sắc cố. Giai đương Nhẫn
thị sự. Chư tụ lạc thành ấp.**

**Vì nhớ Phật có lệnh. Đều nên Nhịn việc
đó. Các xóm làng thành ấp.**

其有求法者 我皆到其所 說佛所囑法

**Kỳ hữu cầu Pháp giả. Ngã giai đáo kỳ sở.
Thuyết Phật sở chúc Pháp.**

**Nếu có người cầu Pháp. Con đều tới nơi
họ. Nói Pháp Phật để lại.**

我是世尊使 處眾無所畏 我當善說法

**Ngã thị Thế Tôn sử. Xử Chúng sở vô úy.
Ngã đương thiện thuyết Pháp.**

**Con do Phật sai khiến. Ở trong Chúng
không sợ. Con đang nói Pháp thiện.**

願佛安穩住 我於世尊前 諸來十方佛

**Nguyện Phật an ổn trụ. Ngã ư Thế Tôn
tiền. Chư lai thập phương Phật.**

**Mong Phật ở yên ổn. Con ở trước Thế Tôn.
Các Phật mười phương tới.**

發如是誓言 佛自知我心

**Phát như thị thệ ngôn. Phật tự tri Ngã tâm.
Phát lời nguyện như thế. Phật tự biết tâm
Con.**

妙法蓮華經卷第四。

**Diệu Pháp Liên Hoa Kinh quyển đệ tứ.
Kinh Diệu Pháp Liên Hoa quyển thứ tư.**

南無過去多寶佛。

Nam mô Quá khứ Đa Bảo Phật.

Nam mô Quá khứ Đa Bảo Phật.

五百弟子, 記證金仙。多寶

佛塔湧其前。樂說起根源。

**Ngũ bách Đệ tử, ký chứng kim Tiên. Đa
Bảo Phật Tháp dũng kỳ tiền. Nhạo thuyết
khởi căn nguyên.**

Năm trăm Đệ tử, nhớ chứng Tiên vàng.

**Tháp Đa Bảo Phật hiện trước họ. Ham nói
nổi ngọn nguồn.**

爲法求賢。聽演妙蓮詮。

Vị Pháp cầu hiền. Thính diễn Diệu Liên

Liên Hoa Kinh

thuyền.

Vì Pháp cầu hiền. Nghe diễn nghĩa Diệu
Liên.

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION

<http://www.daitangvietnam.com>

**Nguyễn Tánh Trần Tiên Khanh & Nguyễn
Hiển Trần Tiên Huyền phiên âm & lược
dịch.**

**Phật Tử Bùi Đức Huệ dịch tiếng Việt
10/2008 (4/2010 -2013).**

=====

=====